

# PHẬT PHÁP

---

# BOUDDHADHARMA

Số/N. 40-07/2011

Mùa Vu Lan báo hiếu/Piété filiale-Ullumbana



Đất tâm gồm các giống  
Khắp mưa thảy đều sanh  
Đốn ngộ hoa tình rồi  
Quả bồ đề tự thành.

Đông độ lục tổ Huệ Năng đại sư

La terre (de la conscience) accepte toutes les espèces  
Sous la pluie, toute la végétation pousse  
Une fois connue la fleur (fragilité) des sentiments  
Arrive naturellement le Fruit du Bodhi

6<sup>ème</sup> patriarche chinois : Vénérable Huei Neng



Hình lễ Phật Đản 2011



# Kinh hoa nhiệm Đại phương quang Phật

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng  
Hán dịch: Thật Xoa Nan Đà  
Việt dịch: Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

**O**ai lực gia trì diễn nói được  
Chư Phật thị hiện các thần  
thông

**Tùy theo sở thích khiến thanh tịnh  
Quang Âm Thiên Vương chứng môn này.**

“Oai lực gia trì diễn nói được.” Đại oai thần lực của Phật là do đức hạnh tích tập nhiều kiếp mà thành tựu. Bốn lai thế giới này sẽ hư hoại, nhưng Đức Phật dùng đại oai thần lực bảo trì cho thế giới được bình an, và còn diễn nói đủ thứ pháp lành, dùng phương tiện khéo léo để giáo hóa chúng sinh,

làm cho chúng sinh giác ngộ, biết “Khổ hải vô biên, hồi đầu thị nạn.” Nghĩa là biển khổ mênh mông, quay đầu là bờ.

“Chư Phật thị hiện các thần thông.” Chư Phật hiện tất cả thần thông diệu dụng, khiến cho căn tánh chúng sinh và sở thích thanh tịnh không ô nhiễm. Không những thân thanh tịnh mà tâm cũng thanh tịnh.

“Tùy theo sở thích khiến thanh tịnh.” Chúng sinh nào có căn lành, là do trong kiếp trước đã trồng rất nhiều căn lành, rất nhiều công đức trong ruộng phước, cho nên đời này có phước báu, có căn lành.

Có những chúng sinh trong đời này không làm lành mà làm ác, tại sao chẳng có quả báo ác? Vấn đề này có một số người không hiểu được. Đó là vì kiếp trước họ đã trồng căn lành, đời này tuy làm ác, nhưng quả lành kiếp trước chín mùi, còn quả ác chưa chín mùi. Đời khi nào quả ác chín mùi thì họ sẽ thọ quả báo ác.

Có những chúng sinh đời này làm lành, không làm ác, nhưng lại chịu quả báo ác, đó là vì kiếp trước trồng rất nhiều nhân ác, đời này tuy làm việc lành, nhưng thọ quả báo ác. Đời đến khi quả lành chín mùi thì sẽ được quả lành, hoặc đời này, hoặc đời sau. Đạo lý này rất đơn giản, giống như trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu. Tóm lại trồng nhân gì? Được quả đó.



Ngôi Chùa Vàng ở thủ đô Miến Điện

Căn tánh chúng sinh mỗi người đều khác nhau, do

đó cảnh giới của mỗi người cũng chẳng giống nhau. Sự tham muốn của mỗi chúng sinh cũng khác biệt, có người muốn làm quan, có người muốn phát tài, có người muốn ở nhà cao cửa rộng, có người muốn chạy xe mới. Dù thứ tham muốn về vật chất này, làm cho khí chất bẩm tính của con người mai một và che lấp trí huệ quang minh của con người.

Tất cả chư Phật tùy theo sở thích của chúng sinh để giáo hóa họ, khiến cho họ trồng căn lành. Có căn lành rồi thì sở thích cũng thanh tịnh, chẳng có tất cả dục niệm.

Tại sao chúng ta không giải thoát được ? Vì bị tài, sắc, danh, ăn, ngủ, năm dục trói buộc. Tu đạo tức là cởi mở sự trói buộc của năm dục. Khi nào cởi mở được sự trói buộc, thì lúc đó đắc được tự tại. “Quang Âm Thiên Vương chúng môn này.” Cảnh giới môn giải thoát này, vị Thập Thâm Quang Âm Thiên Vương chúng được.

## **Trí huệ Như Lai không ngần mé Trong đời chẳng bằng chẳng chấp trước Tâm từ hiện khắp trước chúng sinh Quảng Đại Danh Thiên ngộ môn này.**

“Trí huệ Như Lai không ngần mé.” Phật là bậc đại giác đại trí huệ. Phật là bậc Thánh nhân thông minh nhất, chẳng có gì mà không biết, không có gì mà không giác, không có gì mà không thấu rõ, không có gì mà không làm được. Vì trí huệ của Phật tận hư không khắp pháp giới, chẳng có giới hạn, chẳng có phạm vi, cho nên nói trí huệ Như Lai không ngần mé.

“Trong đời chẳng bằng chẳng chấp trước.” Trí huệ của Phật chẳng thể sánh, không những nhân gian không ai bằng được, mà trên cõi trời cũng chẳng ai bằng được. Trí huệ của Phật tuy chẳng ai bằng, nhưng Phật cũng chẳng chấp trước.

“Tâm từ hiện khắp trước chúng sinh.” Phật không những có đại trí huệ mà còn có đại từ bi. Dùng đại trí huệ quang minh, tâm đại từ bi để giáo hóa tất cả chúng sinh, độ khắp tất cả chúng sinh. Ai có duyên thì người đó được cứu. Cho nên Phật hiện khắp tất cả chúng sinh.

“Quảng Đại Danh Thiên ngộ môn này.” Cảnh giới môn giải thoát này, vị Quảng Đại Danh Xưng Thiên Vương minh bạch được.

## **Quá khứ Phật tu hạnh Bồ đề Cúng dường tất cả Phật mười phương Mỗi chỗ đức Phật đều phát nguyện Tối Thắng Quang Vương đại hoan hỷ.**

“Quá khứ Phật tu hạnh Bồ đề.” Phật Thích Ca khi còn ở tại nhân địa, thì rộng tu hạnh Bồ đề, hành Bồ Tát đạo. Hạnh Bồ đề là gì ? Tức là hạnh nguyện giác đạo, đó là :

“Tự tánh chúng sinh thế nguyện độ,  
Tự tánh phiền não thế nguyện đoạn,

Tự tánh pháp môn thế nguyện học,  
Tự tánh Phật đạo thế nguyện thành.”

Bồ Tát đạo là gì ? Tức là hành vi bỏ mình cứu người, “Ngoài thì thí đất nước vợ con, trong thì thí đầu mắt tủy não.” Phải có tinh thần bố thí như thế, mới hành Bồ Tát đạo được. Khi Phật tại nhân địa thì tu vạn hạnh, tập thiền định, do đó “Siêng tu giới định huệ, sẽ diệt tham sân si.” Vun bồi công đức, khi phúc huệ đầy đủ thì mới thành Phật.

“Cúng dường tất cả Phật mười phương.” Vì Phật tu Bồ đề đạo, trên thì cầu thành Phật, dưới thì độ chúng sinh, không tiếc thân mạng, cúng dường tất cả chư Phật trong mười phương, hà hưởng là vật ngoài thân càng không tiếc. Mỗi hạt bụi trên thế giới này đều là chỗ của chư Phật quá khứ, chư Phật hiện tại và chư Phật vị lai bỏ thân mạng.

“Mỗi chỗ chư Phật đều phát nguyện.” Phật ở trước mỗi vị Phật đều phát đại thế nguyện, cúng dường tất cả chư Phật trong mười phương. Trong quá khứ hạnh lực và nguyện lực của Phật đều vĩ đại cho nên mới thành tựu. Chúng ta là người học đạo phải phát đại nguyện lực, tất cả đều vì chúng sinh, mà chẳng vì chính mình. Nếu chỉ có tâm tu hành mà chẳng có tâm phát nguyện thì cũng giống như hoa nở mà chẳng kết trái, chẳng thành tựu được.

“Tối Thắng Quang Vương đại hoan hỷ.” Cảnh giới này vị Tối Thắng Tịnh Quang Thiên Vương minh bạch được, cho nên vị này sanh đại tâm hoan hỷ.

Ở trên là mười bài kệ của Quang Âm Thiên Vương trời Nhị Thiên thuộc về sắc giới nói ra, tán thán công đức của Phật. Dưới đây là kệ của Đại Phạm Thiên Vương trời Sơ Thiên nói.

## **Lại nữa, Thi Khí Phạm Vương được môn giải thoát, thuyết pháp khắp các đạo tràng trong mười phương, mà các sở hành thủy đều thanh tịnh không nhiễm trước.**

Đạo lý ở trên chưa nói hết, bây giờ lại tiếp tục. Vị Thi Khí Phạm Vương này là Đại Phạm Thiên trong cõi Sơ Thiên thuộc về sắc giới. Vị này nói về pháp thanh tịnh của mình tu hành khắp hết tất cả đạo tràng trong mười phương. Pháp thanh tịnh là gì ? Tức là không ích kỷ, không tự lợi, không

đổ ky, không chướng ngại, không có ô nhiễm tham sân si ba thứ độc.

Tất cả Phật ở đời hiện tại đều kiến lập đạo tràng. Đạo tràng là gì ? Tức là chỗ tu đạo. Phật Thích Ca thuyết Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật này ở tại bảy đạo tràng :

1. Bồ Đề Đạo Tràng.
2. Điện Phổ Quang Minh.
3. Cung trời Đạo Lợi.
4. Cung trời Dạ Ma.
5. Cung trời Đâu Suất.
6. Cung trời Tha Hóa.
7. Rừng Thệ Đa.

Phàm là chỗ nào có giảng Kinh thuyết pháp, đều gọi là đạo tràng. Giảng Kinh gì thì gọi là pháp hội đó, ví như pháp hội Hoa Nghiêm, pháp hội Pháp Hoa .v.v...

Vị Thiên Vương này đặc được môn giải thoát không nhiễm, không ngại.

### **Huệ Quang Phạm Vương được môn giải thoát, khiến cho tất cả chúng sinh nhập thiên định tam muội.**

Vị Huệ Quang Phạm Vương này, có trí huệ quang khiến cho tất cả chúng sinh nhập thiên định tam muội. Thiên dịch là "tĩnh lự"; tĩnh tức là chỉ túc, lự tức là tư lự. Tóm lại, tức là ngưng bật tất cả mọi sự suy nghĩ vọng tưởng. Tam muội dịch là "định", cho nên danh từ thiên định này nửa là tiếng Phạn, nửa là tiếng Tàu.

Vọng tưởng là mây trôi, chân tâm là mặt trời. Mây che lấp mặt trời, cho nên ánh sáng mặt trời không hiển được. Thiên định là gió, thổi tan sạch mây trôi. Mây bay đi rồi thì ánh sáng hiện ra. Tu thiên định tức là ngưng bật vọng tưởng, không có vọng tưởng thì trí huệ hiện tiền, tức cũng là khai ngộ. Do đó :

“Vọng niệm không sinh là thiên,  
Ngồi thấy bản tánh là định.”

Vị Thiên Vương này minh bạch được cảnh giới này, vị này ở trong tam muội, thiên duyệt vi thực, pháp hỷ sung mãn, đặc được môn giải thoát như thế.

### **Thiện Tử Huệ Quang Minh Phạm Vương được môn giải thoát, vào khắp tất cả các pháp không nghĩ bàn.**

Vị Thiện Tử Huệ Quang Minh Phạm Vương này, có văn huệ, tư huệ, tu huệ ba thứ trí huệ. Văn là nghe pháp có thể đắc được trí huệ. Tư là tư duy, cũng có thể đắc được trí huệ. Tu là tu hành, càng có thể đắc được trí huệ. Đây là ba yếu tố trí huệ. Ba huệ này là hậu đắc trí, là học mà biết. Thiên định là căn bản trí sinh mà có.

Ba thứ trí huệ này phóng ra một thứ quang minh, chiếu khắp tất cả chúng sinh, khiến cho chúng sinh cũng đắc được lợi ích ba thứ trí huệ. Vị này đắc được pháp môn giải thoát nhập vào khắp tất cả các pháp diệu không thể nói. Thứ diệu pháp này nói cũng không ra lời, nghĩ cũng không ra, do đó “Như người uống nước, nóng lạnh tự biết.” Cảnh giới này cần tu hành thì tự mình thể hội, liễu ngộ, mới có thể sinh ra vô sinh pháp nhẫn.

### **Quảng Đại Danh Xưng Thiên Vương được môn giải thoát, biến công đức của tất cả chư Phật, đầy đủ sức phượng tiện xuất hiện thế gian.**

Vị Quảng Đại Danh Xưng Thiên Vương này, đặc được cảnh giới tất cả công đức tu hành của mười phương chư Phật, vì công đức của chư Phật tu là vô lượng vô biên, chẳng có cách chi có thể tính đếm được có bao nhiêu ? Cho nên gọi là biến công đức. “Tam kỳ tu phước huệ, bách kiếp chủng tướng hảo.” Khi nào công đức viên mãn thì đạt được giai đoạn Luồng Túc Tôn, bèn thành Phật, đến thế gian dùng đủ sức thứ phượng tiện để giáo hóa chúng sinh, đó là môn giải thoát vị Thiên Vương này đặc được. (còn tiếp)

# Kinh Diệu Pháp Liên Hoa

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Hán dịch : Pháp sư Cưu Ma La Thập

Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

**B**ấy giờ, ở trong đại chúng có các vị Thanh Văn A La Hán đã sạch các lậu, Ngài A Nhã Kiều Trần Như .v.v... một ngàn hai trăm người và các vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, phát tâm cầu Thanh Văn và Bích Chi Phật, ai nấy đều nghĩ rằng : Hôm nay Đức Thế Tôn vì cớ gì, mà ân cần khen ngợi pháp phương tiện mà nói như vậy : Pháp của Phật đặc được thâm sâu khó hiểu, lời lẽ nói ra ý thú khó biết, tất cả Thanh Văn Bích Chi Phật, không thể hiểu biết được. Đức Phật nói một nghĩa giải thoát, chúng ta cũng được pháp này, đến nơi Niết Bàn, mà nay chẳng biết nghĩa đó như thế nào ?

"Lúc đó, ở trong đại chúng" : Sau khi Đức Phật nói kệ xong. Đây là đoạn văn do Ngài A Nan nói khi kết tập Kinh điển, ở trong đại chúng có các vị Thanh Văn, là những vị tu pháp bốn Diệu đế mà ngộ đạo, thuộc về Thanh Văn thừa, và vì nghe âm thanh của Phật mà ngộ đạo, cho nên gọi là Thanh Văn thừa. A La Hán đã sạch các lậu, các lậu đã sạch, tức đặc được lậu tận thông, chẳng còn ở trong sinh tử nữa, chẳng còn vô minh, phiền não, cũng chẳng còn tất cả tập khí mao bệnh, tức cũng là vô lậu. Vậy hữu lậu thì thế nào ? Giống như cái bình lủng lỗ, khi rót nước vào thì chảy ra hết, cũng giống như thân thể chúng ta, cũng có rất nhiều lỗ, cho nên thân phàm phụ gọi là hữu lậu. A La Hán là

tiếng Phạn, dịch là "Ứng cúng", "sát tặc", "vô sinh". Trong các vị A La Hán, có vị trưởng lão Kiều Trần Như, cũng là tiếng Phạn, dịch là "Tối sơ giải". Vì sau khi Đức Phật thành đạo, thì trước hết đi đến vườn Lộc Uyển độ Kiều Trần Như, tiền thân của vị này là Vua Ca Lợi ở trong Kinh Kim Cang. Vì Đức Phật tại nhân địa phát nguyện rằng : "Thành Phật rồi, thì trước hết độ vua Ca Lợi đã chặt thân thể của Ngài". Cho nên, Ngài thành Phật rồi, trước hết đi đến vườn Lộc Uyển độ năm vị Tỳ Kheo mà A Nhã Kiều Trần Như là vị chúng quả A La Hán đầu tiên, cho nên gọi là Tối sơ giải; và vì Ngài minh bạch căn tánh bốn lai của Ngài, do đó lại gọi là Giải bốn tế. Một ngàn hai trăm người. Chúng A La Hán gồm có một ngàn hai trăm người.

"Và các vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, phát tâm Thanh Văn và Bích Chi Phật". Tỳ Kheo có ba nghĩa : Khất sĩ, bố ma, pháp ác. Tỳ Kheo Ni tức là nữ chúng xuất gia. Cư sĩ nam, cư sĩ nữ, tức là những vị ưu bà tắc, ưu bà di, tại gia gần gũi Tam Bảo, đều phát tâm cầu Thanh Văn và Duyên Giác. Ai nấy đều nghĩ thế này : Bây giờ Đức Thế Tôn vì cớ gì mà khen ngợi pháp phương tiện ? Ân cần tức là rất hoan hỷ, nói đi rồi nói lại. Ở trước, Phật dùng trường hàng để tán thán, tiếp theo lại dùng kệ để tán thán, cho nên gọi là ân cần, tức cũng rất trịnh trọng sẽ nói ra đại đạo lý, tờ hào chẳng cầu thả, dùng mỗi phương thức để nói lại. Mà nói như vậy : "Pháp của Phật đặc được thâm sâu khó hiểu, lời lẽ nói ra, ý thú khó biết". Lúc đó, các chúng đệ tử vừa nói ở trên đều nói như vậy : Pháp của Phật đặc được vi diệu không thể nghĩ bàn, pháp của Phật điển nói ý nghĩa, lý thể cũng rất khó hiểu. "Tất cả Thanh Văn, Bích Chi Phật không thể hiểu biết được". Tất cả hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật đều không thể minh bạch đạo lý này. "Phật nói

một nghĩa giải thoát" : Trước kia Phật nói giáo nghĩa giải thoát bậc nhất. "Chúng ta cũng được pháp đó" : Chúng ta hàng Thanh Văn cũng hoàn toàn đắc được đạo lý nghĩa giải thoát này. "Đến nơi Niết Bàn" : Nếu y pháp tu hành thì tương lai sẽ đắc được quả vị Niết Bàn. "Mà chẳng biết nghĩa đó như thế nào?" Thế nhưng hiện tại Phật lại nói, lúc trước pháp nói ra chẳng cứu kính, chẳng triệt để, pháp nói lúc trước là quyền pháp, chẳng phải là thật pháp; pháp nói lúc trước là quyền trí mà chẳng phải là thật trí. Bây giờ Phật nói như thế, khiến cho chúng ta chẳng biết nghĩa lý đó cứu kính đáo để là gì? Bây giờ chúng ta đều sinh ra nghi hoặc. Lẽ nào pháp của Phật nói trước kia là sai chẳng? Pháp nói bây giờ là đúng chẳng? Dù là sai, chúng ta cũng đều đã đắc được sơ quả, nhị quả, tam quả và tứ quả. Bây giờ lại nói pháp của Phật nói trước kia không đúng, vậy quả vị đã chứng lẽ nào cũng đều là giả chẳng? Bốn chúng đều có nghi vấn lớn như thế!

**Bấy giờ, Ngài Xá Lợi Phất biết tâm nghi của bốn chúng, chính mình cũng chưa rõ, mới bạch Đức Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Vì nhân duyên gì, mà ân cần khen ngợi pháp phương tiện bậc nhất của chư Phật, thâm sâu nhiệm mầu khó hiểu ? Con từ xưa đến nay, chưa từng nghe Đức Phật nói như thế. Nay bốn chúng thấy đều có tâm nghi, ngưỡng mong đức Thế Tôn diễn nói việc đó. Vì sao đức Thế Tôn ân cần ngợi khen, pháp thâm sâu nhiệm mầu khó hiểu ?**

**Bấy giờ, Ngài Xá Lợi Phất muốn thuật lại nghĩa này mà nói bài kệ rằng:**

Ở trong hàng Thanh Văn, người có trí huệ bậc nhất là Ngài Xá Lợi Phất. Ngài biết bốn chúng có tâm nghi, khi đức Phật hiển hiện những cảnh giới này,

chính Ngài cũng chưa rõ. Mới bạch Phật rằng : "Đức Thế Tôn ! Vì nhân duyên gì mà ân cần khen ngợi pháp phương tiện bậc nhất của chư Phật thâm sâu vi diệu khó hiểu" ? Đức Thế Tôn ! Vì nhân duyên gì mà Ngài nay lại tán thán pháp thâm sâu vi diệu của chư Phật ba đời ? Ba đời chư Phật là quá khứ, hiện tại và vị lai. "Con từ xưa đến nay" : Con Xá Lợi Phất đã theo Phật hơn bốn mươi năm.

Từ chũ xưa này, có thể biết Ngài Xá Lợi Phất thường theo Đức Phật nghe pháp nghe Kinh thời khắc chẳng lìa. "Chưa từng nghe Đức Phật nói như thế" : Con chưa từng nghe Đức Phật nói thậm trọng như thế, khen ngợi lại khen ngợi, tán thán lại tán thán, trân trọng ân cần nói pháp như thế. "Nay bốn chúng thấy đều có tâm nghi" : Bây giờ bốn chúng đệ tử đều có tâm nghi hoặc, chẳng biết y vào pháp môn nào mà tu trì. "Ngưỡng mong Đức Thế Tôn diễn nói việc đó". Mong Đức Thế Tôn phân tích nói tỉ mỉ, khiến cho chúng con đừng đi vào con đường rẽ. Vì sao Đức Thế Tôn ân cần ngợi khen pháp thâm sâu vi diệu khó hiểu. "Khi đó, Ngài Xá Lợi Phất muốn thuật lại nghĩa này mà nói bài kệ". Lúc đó, Ngài Xá Lợi Phất lại dùng kệ để thưa hỏi Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni.

**Đấng Huệ Nhật Đại Thánh  
Lâu mới nói pháp này  
Tự nói được như thế  
Lực vô úy tam muội.  
Thiền định giải thoát thấy  
Pháp không thể nghĩ bàn  
Pháp chứng nới đạo tràng  
Chẳng ai có thể hỏi.  
Tâm con khó dò được  
Cũng chẳng ai hỏi được  
Chẳng hỏi mà tự nói  
Khen ngợi đạo mình hành.  
Trí huệ sâu vi diệu  
Chỗ đắc của chư Phật  
Các La Hán vô lậu**

**Và người cầu Niết bàn.  
Nay đều sa lưới nghi  
Vì sao Phật nói thế ?  
Những người cầu Duyên Giác  
Tỳ Kheo Tỳ Kheo Ni.  
Các trời rồng quỷ thần  
Và Càn Thát Bà thấy  
Nhìn nhau ôm lòng nghi  
Chiêm ngưỡng Đấng Luồng Túc.  
Việc đó như thế nào ?  
Xin Phật hãy giải nói.**

"Đấng Huệ Nhật Đại Thánh, lâu mới nói pháp này". Huệ là trí huệ, nhật là mặt trời, ví dụ trí huệ của đức Phật như ánh sáng mặt trời. Là Thiên Trung Thiên, Thánh Trung Thánh, cho nên gọi là Đấng Đại Thánh. Trước kia khi Phật chưa ra đời, thì thế giới chẳng có Phật pháp, giống như chẳng có ánh sáng mặt trời, Chúng sinh đều ở trong đen tối. Khi Phật ra đời, thì giống như mặt trời mọc cao ở trong hư không, chiếu phá tất cả đen tối. Vì khi Phật chưa ra đời, thì người thế gian chẳng rõ chân lý. Chẳng phải chẳng có chân lý, mà là chẳng có ai minh bạch chân lý. Chân lý vốn chẳng đến cũng chẳng đi, chỉ vì chúng sinh đã trầm mê quá lâu, lại chẳng có bậc trí đến chỉ bày, cho nên chẳng biết chân lý sở tại. Thế thì chúng sinh trầm mê vào đâu ? Túc là trầm mê ở trong năm dục : Sắc, thanh, hương, vị, xúc, gọi là năm trần, còn gọi là năm dục.

**Sắc trần** : Phạm là vật có hình tướng đều gọi là sắc. Như một số người tham trước sắc đẹp, nhìn chẳng thủng sắc trần, cho nên say đắm ở trong sắc trần.

**Thanh trần** : Thích nghe âm nhạc, thích nghe ca hát, hoặc thích nghe tiếng chim hót, hoặc thích nghe lời mềm mại dịu dàng ngon ngọt, đó đều là đắm say ở trong thanh trần.

**Hương trần** : Cũng là một thứ dục vọng của con người, ăn vật này thì cảm thấy chẳng có hương thơm của vật kia, ăn đồ béo xong thì muốn thay đổi khẩu vị khác, ăn xong khẩu vị này, lại muốn đổi khẩu vị khác, thay đổi không ngừng, chẳng khi nào

ngừng sự tham trước. Tóm lại, chúng sinh cũng say đắm trong hương trần chẳng tỉnh, giống như uống rượu say không khác.

**Vị trần** : Túc là mùi vị. Hôm nay muốn ăn cá, mai muốn ăn gà, một muốn ăn vịt, ăn xong thịt bò, thì cảm thấy thèm ăn thịt dê, ăn xong thịt dê, thì thèm ăn thịt heo, ăn thứ gì lâu ngày thì sẽ sinh chán, không thể đầy đủ. Đó đều là do tham dục mà sinh ra thực dục, khiến cho chúng sinh trầm mê ở trong vị trần, mà chẳng cách chi tự cứu.

**Xúc trần** : Túc là thích tiếp xúc vật trơn nhẵn lán mịn, thậm chí giữa nam nữ đều hổ tương tham trước xúc trần, như hãm vào bùn lầy sâu thẳm, càng hãm càng sâu, chẳng cách chi tự cứu. Năm dục chẳng dễ gì phá được, cho nên kẻ ngoại đạo thuận theo năm dục để thuyết pháp, chẳng thể khiến cho chúng sinh tỉnh ngộ. Chúng sinh chẳng khác nào đi vào con đường chết đen tối, chẳng cách chi ra khỏi, cũng chẳng biết lối ra. Đến khi Phật ra đời, thì mới giống như mặt trời chiếu phá đen tối, cho nên Ngài Xá Lợi Phất nói: "Đấng Huệ Nhật Đại Thánh". "Lâu mới nói pháp này": Phật từ lâu xa chẳng nói pháp này. Trước kia nói pháp đều là quyền pháp, quyền trí, mà chẳng nói thật trí. Bây giờ mới nói trí huệ chân thật cho mọi người nghe.

"Tự nói được như thế, lục vô úy tam muội, thiền định giải thoát thấy, pháp không thể nghi bàn": Đức Phật diễn nói thật trí này, thì trước hết nói chính Ngài đã chứng được pháp như vậy, tức mười trí lực, bốn vô sở úy và đủ thủ thân thông tam muội, còn có bốn thiền, tám định, tám giải thoát .v.v... pháp không thể dùng tâm suy nghĩ, không thể dùng lời luận bàn. "Pháp chúng nơi đạo tràng, chẳng ai có thể hỏi": Phật tu đạo đắc được pháp vi diệu đó là thật trí, chẳng phải là quyền trí, cho nên Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát quyền thừa, đều chẳng minh bạch thật trí, cũng chẳng có ai có thể hỏi được. "Tâm con khó dò được" : Pháp này chỉ có Đức Phật mới minh bạch được, thâm sâu không thể dò lường được, cho nên cũng chẳng ai hỏi được. "Chẳng hỏi mà tự nói" : Chẳng có ai hỏi, mà Đức Thế Tôn tự nói pháp này. "Khen ngợi đạo mình hành" : Tán thán khen ngợi đạo của Phật thực hành. "Trí huệ sâu



vi diệu" : Trí huệ chân thật của Phật thâm sâu vi diệu. "Chỗ đắc của chư Phật" : Chỉ có mười phương chư Phật và Phật Thích Ca mới minh bạch được trí huệ này. "Các La Hán vô lậu" : Tuy nhiên các bậc Thanh Văn La Hán đắc được vô lậu, và người cầu Niết Bàn, và quyền thừa Bồ Tát cầu được Niết Bàn, hoặc Bích Chi Phật .v.v... "Nay đều sa lưới nghi": Bây giờ mọi người đều sinh nghi hoặc, thì có chướng ngại cho sự tu đạo, do đó người tu đạo chớ có nghi, nếu khởi tâm nghi tức rơi vào đường mê. "Vì sao Phật nói thế, những người cầu Duyên Giác, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, các trời, rồng, quỷ thần và Càn Thát Bà thấy, nhìn nhau ôm lòng nghi. Tại sao Phật nói pháp này" ? Chẳng những một số người hồ nghi không tin, mà thậm chí các bậc Thanh Văn Duyên Giác, hai chúng xuất gia, tất cả trời, rồng hộ pháp, tám bộ quỷ thần .v.v... đều nhìn nhau ôm lòng nghi. Bạn nhìn tôi, tôi nhìn bạn, ai nấy đều chẳng minh bạch.

"Chiêm ngưỡng Đấng Lương Túc" : Bây giờ mọi người đều chiêm ngưỡng Đức Phật mắt chẳng tạm rời. Đấng Lương Túc, Lương Túc là gì ? Lương là hai, là chỉ phước và huệ. Túc là đầy đủ, tức là phước huệ đầy đủ viên mãn, cho nên gọi là Lương Túc Tôn. Đức Phật Thích Ca tam kỳ tu phước huệ. Trải qua thời gian ba đại A Tăng Kỳ kiếp tu phước tu huệ. Bách kiếp chủng tướng hảo. Trong một trăm đại kiếp về trước tu ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp. A Tăng Kỳ là gì ? Túc là vô lượng số, không thể tính ra được số mục. Đoạn thời gian dài này Phật tu phước tu huệ. Tu phước thì cúng dường Tam Bảo, gnan gửi chư Phật, cúng dường Phật, Pháp, Tăng, cúng dường Bồ Tát, cúng dường Bích Chi Phật, cúng dường A La Hán. Chẳng những cúng dường một vị, mà là cúng dường vô lượng vô số Phật, Pháp, Tăng .v.v... Tu huệ thì trước phải giữ giới. Tại sao ? Vì trước hết giữ giới, mới do giới mà sinh định, do định mà phát huệ. Định lực tức là chẳng bị cảnh giới chuyển, đối với cảnh thiện, ác đều chẳng động tâm. Cảnh thiện tức là

thuận cảnh, cảnh ác tức là nghịch cảnh. Thuận nghịch, khen chê, đều chẳng động tâm, đó tức là có định lực, có định lực mới có huệ lực, cho nên Đức Phật vừa tu phước vừa tu huệ.

Tu huệ thì phải học Kinh điển, nếu chẳng học Kinh điển thì trí huệ không thể tăng trưởng. Học Kinh, Luật, Luận ba tạng thì sẽ sinh huệ. Nếu chỉ tu phước mà chẳng tu huệ, thì tương lai được kết quả gì ? Tu phước chẳng tu huệ, thân voi mang chuỗi anh lạc. Tương lai làm voi vừa cao vừa to lớn, lại có sức mạnh, thân mang châu báu, mà chẳng có trí huệ. Tu huệ chẳng tu phước, La Hán ôm bát không. Cứ học Kinh điển nhưng chẳng làm việc thiện, chẳng trồng căn lành. Làm việc thiện tức là không làm các điều ác, hãy làm các việc lành. Nếu bạn nói : Tôi nghiên cứu Kinh điển là tốt rồi, tại sao phải làm việc thiện, phải giúp đỡ người ? Thế thì tương lai bạn chứng quả A La Hán, đi hóa duyên chẳng có ai cúng dường. Tại sao ? Vì tại nhân địa chẳng tu phước, thì tại quả địa chẳng có phước. Tôi thường nói :

"Chịu khổ thì hết khổ,  
Hưởng phước thì hết phước.

Tại sao bạn phải chịu khổ ? Vì quá khứ bạn chẳng tu phước, cho nên phải chịu khổ. Khổ này nếu bạn chịu được nó thì mới dứt được. Nếu bạn chẳng chịu khổ, thì khổ này vẫn tồn tại. Nếu bạn có một chút phước báo, nhưng suốt ngày đến tối cứ nói việc hưởng thụ, ở nhà tốt, ăn vật ngon, mua quần áo đẹp, chạy xe mới, thậm chí đi du lịch bằng máy bay, đó đều là đang tiêu mòn phước báo, bạn hưởng hết phước thì chẳng còn phước, thì phải chịu khổ. Vậy Đức Phật thì sao ? Ngài vừa tu phước vừa tu huệ, phước huệ đều tròn đầy, cho nên gọi là phước huệ Lương Túc Tôn. "Việc đó như thế nào ? Xin Phật hãy giải nói" : Mọi người đều khẩn cầu đức Phật nói ra ý nghĩa đó. (còn tiếp)

# Chú Lăng Nghiêm giảng giải

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

## 108. Ninh yết li.

Kệ : Tối thượng tác pháp kim cang tâm  
Chuyển luân thành tựu bắc phương tôn  
Trí huệ chánh định giới căn bản  
Đại viên mãn giác nhân thiên khâm.

Tạm dịch :

Tối thượng tác pháp tâm kim cang  
Chuyển luân thành tựu bắc phương tôn  
Trí huệ chánh định giới là gốc  
Giác ngộ viên mãn trời người kính.

Giảng giải : **Ninh**, dịch là "tối thượng". **Yết Li**, dịch là "tác pháp", cho nên nói : "Tối thượng tác pháp tâm kim cang." Tâm kim cang trong mật Chú.

"Chuyển luân thành tựu Bắc phương tôn." Yết Li còn dịch là "chuyển luân", là đại tâm Chú. Đây là thuộc về phương bắc bộ Thành Tựu, Phật Thành Tựu cai quản.

"Trí huệ chánh định giới là gốc." Người tu đạo phải có đại trí huệ, đại định lực. Muốn có chánh định thì trước hết phải trì giới. Giới là nền tảng căn bản nhất. Nếu không có giới thì không có định, không có huệ.

"Giác ngộ viên mãn trời, người kính." Bạn thành Phật thì đắc được giác ngộ viên mãn, trời người đều khâm phục bạn, cung kính bạn.

## 109. Tát la bà.

Kệ : Giải oan thích oán khánh hoà bình  
Chiến tranh vĩnh tức hoá khang ninh  
Nhất thiết cấm phược giai tiêu tán  
Ngũ đại tâm Chú diệu vô cùng.

Tạm dịch :

Giải oan cởi oán vui hòa bình  
Chiến tranh vĩnh diệt hóa khang ninh  
Hết thảm buộc ràng đều tiêu tán  
Năm đại tâm Chú diệu vô cùng.

Giảng giải : **Tát La Bà** tức là "giải khai phóng thích tất cả mọi ràng buộc". Ràng buộc tức là bị người dùng chú để khống chế, hoặc là trúng tà, hoặc là trúng đủ thứ pháp thuật như độc trùng, bùa ngải. Năm đại tâm Chú này đều có thể phá những thứ tà thuật đó. Tát La Bà là giải khai phóng thích tất cả ràng buộc, cho nên nói : "Giải oan cởi oán vui hòa bình." Mọi người không còn chiến tranh.

"Chiến tranh vĩnh diệt hóa khang ninh." Chiến tranh cũng chẳng có, đó đây đều không đấu tranh, đó đây đều kiện khang, rất yên ổn.

"Tất cả buộc ràng đều tiêu tán." Kẻ khác gây cho bạn những tai nạn gì cũng chẳng có, đều tiêu tán hết.

"Năm đại tâm Chú diệu vô cùng" từ " **Sát Đà Nễ** đến **Ninh Yết Li**", năm đại tâm Chú này ảo diệu vô cùng, dù có nói nhiều cũng không hết được.

Hỏi : Chúng ta phải niệm toàn bộ Chú Lăng Nghiêm hay là năm đại tâm Chú này ?

Đáp : Chú Lăng Nghiêm là Chú rất dài, nhưng mỗi một câu Chú đều có diệu dụng và oai lực của nó. Nếu bạn biết diệu dụng và oai lực của nó, thì khi cảnh giới đến, có thể niệm mấy câu này là đủ. Nếu bạn niệm từ đầu đến cuối thì thời gian phải dài. Năm đại tâm Chú này hay phá tan Ma La vòng, phá chú thuật của Ma vương. La vòng tức là chỉ phù và chú thuật khiến cho trong tâm của bạn mê mất chánh niệm. Như ở Nam Dương, Thái Lan đều có độc trùng, bùa ngải các thứ tà

thuật. Nếu dùng năm đại tâm Chú này thì sẽ phá được. Như trong Kinh Lăng Nghiêm, ngoại đạo Ma Đăng Già dùng chú Phạm thiên, cũng có sức lực không thể nghĩ bàn, đó là tà pháp, chú thuật thuộc về tự tư tự lợi, chẳng phải đại công vô tư, cho nên phá được nó. Nếu là đại công vô tư, không có chút tâm ích kỷ lợi mình thì chẳng ai phá được, vì thuộc về chánh.

Lúc tôi ở tại Mã Lai thì có một người trúng cổ độc (vật độc làm hại người, những nơi mán mọi nó hay cho vào đồ ăn uống, người nào ăn phải thì sinh ra rồ dại mê man) khoảng mười lăm năm. Y luôn luôn muốn tự sát, thường nghe thấy có người nói chuyện, điên điên đảo đảo. Y đến tìm tôi, tôi dùng gậy đánh y thì y mưa ra hàng ngàn vô số côn trùng, rồi khỏi bệnh. Đó là cổ độc. Tại sao dùng gậy đánh thì y hết bệnh. Vì trên cây gậy có rất nhiều oai lực của Chú. Phải có đức hạnh mới có thể chi phối thứ pháp này. Nếu bạn không có đức hạnh, tuy cũng có chút linh cảm, nhưng cuối cùng sẽ chiêu lại họa hoạn. Nếu giới luật không thanh tịnh, không có đức hạnh, thì thần hộ Chú sẽ không bội phục bạn. Tuy nhiên đương thời có cảm ứng, nhưng thời gian lâu dần, sẽ gặp tai họa. Do đó bất cứ tu pháp gì đều phải chú trọng về đức hạnh, chú trọng về đạo đức căn bản mới có thể xử dụng pháp này, mới có oai lực, mới an toàn. Không có đạo đức thì không nên dùng, bất cứ chú gì cũng thế.

Năm đại tâm Chú này là trăm ngàn vạn kiếp mới gặp được, cũng có thể trăm ngàn vạn kiếp bạn đã gặp qua rồi, nhưng không thể biết rõ. Năm đại tâm Chú này là tôn quý nhất, là Chú hữu dụng nhất trong Phật giáo. Bất cứ là Chú của thiên ma, Chú của ngoại đạo, Chú của quỷ thần, Chú của

yêu quái, Chú của bàng môn tả đạo đều phá hết được. Tức là Chú hay phá tất cả không thể phá. Chú phá thiên ma ngoại đạo, chú chẳng phải có tâm muốn đối địch với chúng, mà là giống như đánh thái cực quyền, dùng lực nhu phá giải lực cương. Bất cứ Chú gì, dùng tâm Chú này đều hóa giải được hết, nhưng đừng tổn hại đối với đối phương.

Năm đại tâm Chú này, tại sao gọi là tâm Chú ? Tức là từ trong tâm tử bi chảy ra. Dùng Chú này phải dùng tâm tử bi hy xả, nhiếp thọ tất cả chúng



Tượng Phật đứng cao 132 m ở Miến Điện

sinh, chú chẳng phải nói, tôi niệm Chú này là muốn đánh bạn chết, giết bạn, hoặc là tiêu diệt bạn, mà là oai lực của Chú hóa giải hết Chú thuật khác, cũng như băng đá gặp mặt trời, tự nhiên biến thành nước. Bỏ lại Chú của bàng môn ngoại đạo đều vì tâm sân hận chi tri, bạn niệm Chú Lăng Nghiêm này thì sẽ hóa thành cát tường, diệu là diệu chỗ này. Chú chẳng phải bạn niệm Chú này thì đối phương thế nào chịu cũng không được, mà là Chú Lăng Nghiêm phá giải hết oai lực của Chú khác, chú không hại người. Oai lực của Chú là từ trong tâm của chư Phật, Bồ Tát

và người tụng Chú chảy ra một thứ tâm tử bi cho nên hàng phục được tất cả thiên ma ngoại đạo. (còn tiếp)

### Ấn tổng Kinh

Năm 2011 sẽ in Kinh Hoa Nghiêm giảng giải tập 9, tập 10, tập 11, tập 12, tập 13 và tập 14 do cố H.T Tuyên Hoá giảng giải. Mỗi tập 1000 quyển. Tuỳ hỉ sự phát tâm hùn phước ấn tổng Kinh của Quý Vị. Có thể mùa thu Kinh sẽ về đến Chùa, ai muốn thỉnh xin liên lạc về Chùa.

# Chú Đại Bi giảng giải

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Viết dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước.

**B**ạn niệm câu Chú này thì bạn cũng được tiêu tai. Bạn có tai nạn gì, mà thường niệm "Nam Mô Hắc La Đất Na Đa La Dạ Gia" thì tai nạn của bạn sẽ được giải trừ, tai nạn lớn thì sẽ biến thành tai nạn nhỏ, tai nạn nhỏ thì sẽ biến thành chẳng có tai nạn. Cho nên đây là " pháp tiêu tai ".

"Nam Mô Hắc La Đất Na Đa La Dạ Gia" còn là " pháp tăng ích ". Pháp tăng ích tức là bạn vốn đã có căn lành rồi mà bạn niệm Chú này thì căn lành của bạn càng tăng thêm, đắc được lợi ích càng nhiều, cho nên gọi là pháp tăng ích.

Bạn thường niệm Chú Đại Bi, niệm riêng một câu "Nam Mô Hắc La Đất Na Đa La Dạ Gia", thì bất cứ bạn muốn gì, mong cầu gì, bạn sẽ được sở cầu như ý, sở nguyện toại tâm, đây là "pháp thành tựu ". Bạn cầu gì cũng đều sẽ thành công. Ví như chẳng có con, muốn cầu con thì bạn niệm "Nam Mô Hắc La Đất Na Đa La Dạ Gia" thì sẽ được con. Chẳng có bạn trăm năm mà bạn muốn tìm một người bạn tốt thì bạn niệm "Nam Mô Hắc La Đất Na Đa La Dạ Gia" thì cũng sẽ được người bạn tốt. Song, bạn phải thành tâm, chẳng phải niệm một ngày, hai ngày, mà ít nhất bạn phải niệm ba năm. Nếu bạn niệm hết toàn bài Chú thì càng tốt, nếu không niệm hết thì niệm một câu "Nam Mô Hắc La Đất Na Đa La Dạ Gia" cũng thành tựu công đức không thể nghĩ bàn.

Giống như tại Đông Bắc bên Trung Quốc, có một thứ ngoại đạo gọi là 'Lý môn'. Chúng chẳng niệm gì khác, chỉ niệm một câu này. Vị lãnh tụ tối cao ngồi ở đó thọ người lễ lạy, ai ai cũng đều cuối đầu lạy anh ta. Trong tâm anh ta chỉ chuyên

môn niệm "Nam Mô Hắc La Đất Na Đa La Dạ Gia", đó là pháp linh cảm của Lý môn. Một vị ngồi kế bên anh ta gọi là 'lãnh chánh', còn vị nữa gọi là 'bang chánh', ba người ngồi ở tại đó, giống như là 'phóng diệm khẩu'(chấn tế cô hồn). Đó tức là Lý môn. Nếu có ai đi "tại lý" thì anh ta truyền một câu mật ngữ. Câu mật ngữ này kêu bạn duỗi tay ra, tức là "Quán, Thế, Âm, Bồ, Tát", chỉ mấy chữ ; tại lý xong rồi thì coi như đã "triện thượng", triện thượng rồi thì về sau chẳng cần mở miệng niệm; phải niệm ở trong tâm : "Quán Thế Âm Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát", chẳng niệm ra lời. Câu pháp này "phụ tử bất qua, thê tử bất truyền", giữa cha và con cũng không thể truyền, dù vợ chồng cũng không được nói. Đắc được năm chữ này rồi thì gọi là "ngũ tự chân ngôn". Sau đó lại bảo bạn "tại lý", không niệm như vậy nữa mà phải "bế khẩu tàng thiết", cầm miệng, lưỡi thì ần nấu đi ; "thiết tiêm đỉnh thượng ngạc", "khí khác tâm niệm", niệm ở trong tâm; "ý căn pháp hiện". Đây nói thật là hảo diệu, hảo thần mật. Tại



Tượng Phật nằm dài 90 m ở Miến Điện

phương bắc có một cái hội gọi là "giới yên tửu hội", hội này chủ yếu là không uống rượu, không hút thuốc, tức gọi "tại lý công sở". Ở Trung Quốc gần hơn một trăm năm đến nay "công sở đạo" rất là thịnh hành, họ nương vào câu Chú này. Làm Pháp sư ngồi tại chánh tòa "tòa lý" niệm "Nam Mô Hắc La Đất Na Đa La Dạ Gia". Vì trước kia những nơi này tôi đều đã đi qua cho nên tôi đều biết.

Câu Chú này cũng là " pháp hàng phục ", hay hàng phục thiên ma, chế các ngoại đạo. Tất cả thiên ma ngoại đạo nghe thấy câu Chú này thì đều bỏ chạy, Song, chẳng phải là " pháp câu triệu "; pháp câu triệu tức là một khi niệm câu Chú này thì bất thiên ma quỷ quái lại. Cho nên câu Chú "Nam Mô Hắc La Đất Na Đa La Dạ Gia" này có công năng không thể nghĩ bàn; nếu nói ra nhiều thì vô cùng vô tận.

"Nam Mô Hắc La Đất Na Đa La Dạ Gia" : Nam Mô : Là "quy mạng kính đầu", Hắc La Đất Na :

Là "Bảo"; Đa La Dạ : Là "Tam"; Gia : Là "lễ".  
Hợp lại nghĩa là nói dùng thân tâm tính mạng của chúng ta quy y cho mười phương ba đời vô tận vô tận Tam Bảo, chúng ta cúi đầu đánh lễ Tam Bảo.

Vô tận là gì ? Chư Phật quá khứ chẳng cùng tận, chư Phật hiện tại chẳng cùng tận, chư Phật vị lai cũng chẳng cùng tận; đó gọi là vô tận Tam Bảo.

## 2. Nam Mô A Lợi Gia.

"Nam Mô" : Nghĩa vẫn giống như ở trước, tức là "quy y kính đầu".

"A Lợi Gia": 'A Lợi' dịch là "bậc Thánh"; Bậc Thánh còn có một ý nghĩa là "xa lìa tất cả pháp ác bất thiện". Pháp ác bất thiện là đủ thứ các điều ác. "Gia" vẫn là "lễ". Kính lễ bậc Thánh, đó là ý nghĩa "A Lợi Gia".

## 3. Bà Lô Yết Đế Thước Bát La Gia.

"Bà Lô Yết Đế": Dịch ra nghĩa là gì ? Tức là "Quán" của Quán Thế Âm Bồ Tát, còn dịch là "quang", tức là quang minh biến chiếu. Còn có một lỗi dịch khác nữa gọi là "sở quán sát"; sở quán sát cảnh giới này.

"Thước Bát La Gia": Nghĩa là "tự tại", câu này hợp lại là "Quán Tự Tại", cũng là Bồ Tát Quán Tự Tại.

## 4. Bồ Đề Tát Đỏa Bà Gia.

"Bồ Đề": Chúng ta ai cũng biết bồ đề tức là giác, tiếng Phạn gọi là "bồ đề", giác ở đây là giác ngộ.

"Tát Đỏa": Tức là "độ". Bồ Đề Tát Đỏa nói đơn giản là "Bồ Tát", tức là chúng sinh tự giác tự độ; tự mình giác ngộ, tự mình độ mình.

"Bà Gia": Là "đánh lễ"; "Gia": Nghĩa là cúi đầu đánh lễ. Cúi đầu đánh lễ ai ? Cúi đầu đánh lễ Bồ Tát tự giác tự độ". Câu này nói về "Bất Không La Tác Bồ Tát áp đại bình". Khi bạn tụng câu Chú này thì Bồ Tát Bất Không La Tác mang thiên binh thiên tướng đến để bảo vệ bạn.

## 5. Ma Ha Tát Đỏa Bà Gia.

"Ma Ha": Là "đại", là "nhiều", là "thắng". "Ma Ha" là nói người phát đại bồ đề tâm; rất nhiều người phát đại bồ đề tâm, đều đắc được thành

tự, được thắng lợi. Có ba ý nghĩa này.

"Tát Đỏa": "Tát Đỏa" ở đây với Tát Đỏa ở trước nghĩa chẳng giống nhau. "Tát Đỏa" ở trước nghĩa là "độ"; "Tát Đỏa" ở đây nghĩa là "bậc dũng mãnh", tức cũng là 'bậc tinh tấn', chúng sinh tu hành rất dụng công tinh tấn.

"Bà Gia": Tức là "hướng về Ngài đánh lễ". Tôi hướng về vị Bồ Tát phát bồ đề tâm đó, vị dũng mãnh tinh tấn đó để cúi đầu đánh lễ. Đây là ý nghĩa mấy đoạn Chú ở trên đây, tức là nói về Bồ Tát hay tự mình giác ngộ rồi, chúng sinh tự mình độ mình và còn giác ngộ kẻ khác, độ tất cả chúng sinh khác.

## 6. Ma Ha Ca Lô Ni Ca Gia.

"Ma Ha": Nghĩa vẫn là "đại, nhiều, thắng", ba ý nghĩa. "Ca Lô": Là "bi", "Ni Ca": Là "tâm". Hợp lại tức là "Đại Bi Tâm". "Gia": Vẫn là "đánh lễ". Ý nói chúng ta phải đánh lễ Đại Bi Tâm Đà La

# TÙI PHẬN

Nguyễn Phước Huệ

Đời tôi có một niềm thương tiếc  
Đó là lần tiễn mẹ đi xa  
Mái nhà tranh dưới ánh trăng tà  
Nay trống vắng quạnh hiu sau trước.  
Con mắt mẹ ai không buồn cho được  
Lệ lưng trông tê tái buổi phân ly  
Mẹ ơi mẹ yên phần sinh ký tử qui  
Chỉ tội con xa mẹ khi tuổi đời thơ dại.  
Và từ nay quảng ngày dài còn lại  
Đã mất rồi con gọi tiếng mẹ ơi  
Đôi lúc rảnh ôm con mẹ nói  
Ráng học nên người mai đờ cực thân.  
Lời mẹ dặn ghi khắc trong tâm  
Con luôn nhớ làm hành trang cuộc sống  
Tiếc hôm nay nên người khôn lớn  
Không dịp đáp đền ơn nghĩa song thân.  
Mùa Vu Lan báo hiếu hằng năm  
Ai may mắn ngực áo gắn hoa hồng  
Con tui phận với sắc màu hoa trắng!

Ni Thân Chú. (còn tiếp)

# Kinh Bát Nhã

Hoà Thượng Tuyên Hoá lược giảng  
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

Ở trên chữ "tầu" lại có chữ "thủ", cộng thành chữ đạo. Thủ nghĩa là đầu. Tu hành là việc quan trọng nhất trên thế gian. Chư vị muốn chấm dứt sanh tử không? Nếu muốn thì phải tu đạo. Lại nữa, tuy không muốn cắt đứt sanh tử, mà lại nói rằng không thêm tu hành. Cắt đứt sanh tử rồi thì không còn sợ sanh tử nữa. Người sống đều sợ chết. Cắt đứt sanh tử là không muốn có sanh tử, lại không sợ sanh tử. Nếu muốn chấm dứt sanh tử thì đầu tiên phải tu hành. Thế nên có chữ "thủ" ở bên trên chữ "tầu". Nếu không tu hành thì không thể chấm dứt sanh tử được.

Đối với chữ "thủ (đầu)", chúng ta hãy phân tích thêm. Trên chữ đầu có hai điểm, nhưng nay tạm để qua một bên, không giảng ngay, mà chỉ giảng về chữ "tự". Tự tức là tự kỷ, nghĩa là phải tự chính mình tu đạo, không thể bảo người khác tu giúp mình. Không thể chỉ nói tu hành mà cắt đứt được sanh tử. Chư vị phải thật sự tạo đức, tự tu, tự lo lắng những việc quan trọng của mình. Trên chữ "tự" có một đường ngang, để dùng chỉ? Mọi người trên thế gian đều chỉ có một lần sanh ra. Bắt đầu từ đâu? Bắt đầu từ một. Có một thì sau này mới có hai. Có hai rồi lại có ba, có bốn, có năm, cho đến vô số trăm ngàn, muôn vạn v.v..., đều từ một mà phát xuất ra. Vì vậy, một là vô số, vô số là một. Nếu không có một thì không có vô số. Nếu không có vô số thì không có một. Tôi giảng như vậy thì cho dầu ai đi nữa cũng không có thể phản đối được. Tại sao? Vì tôi biết rằng con số trong toán học bắt đầu bằng số một.

Một là vô số, vô số là nhiều. Hiện tại, chúng ta không phải một cũng không phải nhiều, không phải

nhiều cũng không phải một. Tại sao biến đổi như thế? Thật ra cũng không có biến đổi thành số một. Số một này cũng tượng trưng cho một vòng tròn, tiếng Anh là số không. Số không bao hàm xum la vạn tượng. Chân không và diệu hữu đều nằm trong số không. Số không này phát xuất từ đâu? Nó là biến tướng của số một hay chữ nhất. Chữ nhất này vẽ cong thành một vòng tròn, uốn thẳng lại thành chữ nhất. Số không hay vòng tròn là bốn thể của chữ nhất, lại là bốn thể của tất cả



Tượng Phật nằm trên đồi ở Miến Điện

vạn vật trên thế gian, cũng là tạng đại quang minh, tánh Như Lai tạng, và Phật tánh. Phật tánh cũng là chữ nhất và chữ o. Chữ o cũng đại biểu cho tất cả sanh sanh hóa hóa ở trên thế gian, tức chân không diệu hữu, diệu hữu và chân không. Chữ o này không có điểm khởi đầu, cũng không có điểm cuối.

Nếu phá chữ không này thì nó liền biến thành chữ nhất (gạch ngang). Gạch ngang (chữ nhất) là gì? Tức là vô minh. Có một gạch ngang tức là có một phần vô minh. Khi không có gạch ngang thì đó là một vòng tròn. Khi vòng tròn đó không phá được thì đó là tánh tạng Như Lai. Chữ nhất (gạch ngang) là bắt nguồn của sự vô minh, nên bảo rằng một là nhiều, nhiều là một. Một điểm phiền não xuất sanh vô số phiền não. Vô số phiền não xuất sanh từ một điểm phiền não. Tại sao chư vị lại tạo bao việc vụng dại? Chỉ vì một điểm vô minh. Tạo bao việc vụng dại tức là tạo bao nghiệp tội, mà phiền não cũng từ đó phát sanh ra. Vì thế, chư vị nếu muốn tu đạo thì phải uốn nắn chữ nhất (gạch ngang) thành chữ o, tức vòng tròn, phản bản hoàn nguyên (xoay về cội gốc). Lúc đó, chư vị có thể xoay về tạng tánh Như Lai, đạt đến chân không diệu hữu.

Một chữ nhất có hai điểm. Hai điểm này là một âm và một dương. Kinh Dịch giảng một âm một dương chính là đạo. Thiếu âm thiếu dương gọi là bịnh. Thuần âm là quý. Thuần dương là thân, nên gọi thiếu âm, thiếu dương là bịnh.

Lại phân tích rõ hai điểm đó. Từ vô minh phát sanh ra kiến hoặc và tư hoặc, nên gọi hai điểm đó là kiến hoặc và tư hoặc. Có kiến hoặc và tư hoặc rồi thì phát sanh ra vô lượng vô số hoặc. Bao phiền não đều từ chữ nhất này khởi lên. Nếu muốn xoay về cội gốc thì phải uốn nắn chữ nhất này thành chữ o. Làm thế nào? Không khó, chư vị chỉ việc dụng công tu hành hằng ngày, tham thiền đả tọa, thì mới uốn nắn chữ nhất thành chữ o, cũng biến thành tánh tạng đại quang minh. Chư vị bảo rằng không thể tin tưởng được những cảnh giới đó, chỉ vì tâm còn ám muội. Chư vị phải nên tin tưởng, thì mới hoàn phục được tánh tạng đại quang minh đó. Vì không tin pháp này nên mỗi ngày từ sáng đến tối không thể xa rời phiền não được. Vô minh phiền não nếu không thể xa rời, thì chư vị sẽ biến thành lông tre đen, (là thuật ngữ của thiền tông). Một cây tre có nhiều lông tre đen. Chư vị phải tin tưởng pháp này thì mới khôi phục lại trí huệ vốn có sẵn, xoay về lại cội gốc, đạt đến tánh tạng đại quang minh, cũng là đại viên cảnh trí, bình đẳng tánh trí, diệu quán sắc trí, thành sở hữu trí.

Tôi chỉ giảng một ít điểm trong muôn phần của chữ đạo. Nếu giảng tường tận vi tế thì sợ mất rất nhiều thời gian, vì chữ "đạo" này rất vi diệu, nên giảng hoài giảng mãi vẫn không hết. Đại sư Trí Giả giảng chữ "Diệu" trong kinh Pháp Hoa cả chín tuần. Giảng về chữ đạo, nếu nói tường tận rõ ràng thì không phải chỉ là chín mươi ngày mà cho đến chín mươi năm sợ vẫn chưa hết. Đòi tôi ngần ngại nên chỉ giảng một vài điểm thôi.

Lại giảng thêm về chữ "đạo" này chút ít. Chúng ta vừa bàn ở trên về một âm một dương. Một âm một dương là chữ "nhân (người)". Tức bảo rằng đạo không phải ở trên trời hay ở dưới địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, mà là nơi con người. Mỗi người đều có thể tu đạo, không phải từ bên ngoài vào. Ai ai cũng có thể thành đạo được hết. Tu thành đạo này tức là thành Phật. Hiện tại chư vị chưa tu thành đạo, vậy đạo này có mất không? Không có mất. Trong mình ai ai cũng có đầy đủ đạo này hết.

Hai điểm chính là từ trên trời, có thể nói là mặt trời và mặt trăng. Một điểm là mặt trời; một điểm là mặt trăng.

*"Thị đạo ung tu ngộ pháp không, (là đạo nên tu ngộ pháp không)".*

Chư vị phải dùng mắt trí huệ để tu đạo. Người ngu si không thể tu đạo này. Có trí huệ thì mới tu được đạo này. Xoay về cội gốc tức là uốn chữ nhất (gạch ngang), thành chữ o (vòng tròn). Chữ o này chính là tạng tánh Như Lai, là tạng đại quang minh, là Phật tánh của chúng ta. Nếu có thể khôi phục lại Phật tánh tức là hiện đời thành Phật, không cần đợi trải qua ba a tăng kỳ kiếp mà tu phước huệ, trăm kiếp tu tướng hảo. Không cần đợi thời gian lâu xa như thế, mà tức khắc liền thành Phật. Vì sao chư vị vẫn chưa thành Phật? Vì chư vị chưa biết "đạo" này, chưa tu đạo này, và không có ai dạy cho mình đạo này. Do đó, cho đến hôm nay, chư vị vẫn sanh rồi chết, chết rồi sanh, trong sáu cõi luân hồi, bị lưu chuyển tới chuyển lui. Chư vị chạy mãi trong sáu đường luân hồi thì chữ o (vòng tròn) liền biến mất. Lưu chuyển tới, lưu chuyển lui trong sáu đường luân hồi, đột nhiên sanh lên trời, đột nhiên sanh xuống đất, đột nhiên vào địa ngục, đột nhiên làm thú vật, chột tại thiên đường, chột xuống địa ngục, chột vào A Tu La, chột làm người. Bị lưu chuyển như thế, không thể thoát ra khỏi vòng luân hồi. Nếu thoát khỏi vòng luân hồi thì phá được chữ nhất này, xoay về cội gốc, đạt đến tạng quang minh Như Lai, chính là quê hương nhà cửa, đất đai của mình. Ai ai cũng tu đạo được. Có tu đạo thì mới ngộ nhân không pháp không, nhân pháp đều không, không còn chấp trước, nên bảo rằng khổ tập diệt đạo đều không.

*"Tam chuyển tứ đế pháp luân vận, (ba lần chuyển xe pháp tứ đế)".*

Ba lần chuyển bánh xe pháp tứ đế, bên trên tôi đã giảng rõ rồi. Chuyển vận bánh luân tức là xoay qua chuyển lại pháp môn tứ đế.

*"Thất giác bát chánh ý niệm cần, (bảy phần giác, tám chánh đạo, ý niệm cần tu)".*

Bảy giác tức là bảy phần giác chi, cũng gọi là bảy phần bồ đề. Tám chánh tức là tám chánh đạo. Bao trùm hết bảy giác chi, tám chánh đạo, năm căn, năm lực, bốn như ý túc, bốn chánh cần, hợp lại thành ba mươi bảy phẩm trợ đạo.

Bảy phần bồ đề là trạch pháp, tinh tấn, hỷ, trừ, xả, niệm, định, giác phần. Tu hành y chiếu theo bảy phương pháp. Sao gọi là trạch pháp giác phần? Trạch tức là tuyên trạch. Pháp tức là

phương pháp. Giác là minh bạch, hiểu rõ, cũng là giác ngộ. Đối với pháp tu hành, chư vị phải nên chọn lựa, tuyền trách, tức là phải có trách pháp nhân (con mắt chọn lựa pháp), thì chư vị mới biết gì là pháp, gì là không phải pháp, gì là pháp thiện, gì là pháp ác, biết pháp trắng pháp đen, phải có sức chọn lựa tuyền trách như thế. Không nên lấy đúng làm sai, lấy đen làm trắng, lấy lành làm ác. Nếu làm như thế thì không phải là trách pháp giác phần. Sau khi chọn lựa, tuyền trách xong, thì phải y theo pháp mà tu hành. Y pháp tu hành tức phải tinh tấn, nên giác phần thứ hai là tinh tấn. Chư vị phải chánh tinh tấn, chớ nên tà tinh tấn. Chánh tinh tấn tức là hoặc ngồi thiền, trì chú, học giáo điển, trì giới luật, tu nhân nhục, tất cả pháp đó đều phải tinh tấn. Nếu không tinh tấn như hôm nay ngồi thiền, ngày mai không ngồi, hôm nay trì giới ngày mai không trì giới, hôm nay tu hạnh nhân nhục ngày mai lại không tu, đó không phải là tinh tấn giác phần. Có tinh tấn giác phần tức là ngày đêm sáng tối sáu thời đều hằng tinh tấn. Sáng ba thời, tối ba thời đều tinh tấn không nghỉ ngơi.

Sau khi tinh tấn được rồi thì có thiền duyệt (vui trong thiền định). Thiền duyệt tức là hỷ giác phần. Ví như, khi ngồi thiền, công phu ngồi đến một giờ thì tự cảm giác an lạc, tự tại, vừa ý vô cùng; hút thuốc á phiện chỉ vui thích trong chốc lát, còn khi ấy làm bất cứ việc gì chư vị đều cảm giác an lạc vui thích hết cả. Đạt đến an lạc này, gọi là hỷ giác phần. Lại nữa, khi ngồi thiền, đạt đến cảnh giới khinh an thì tâm rất là an lạc. Nhưng cảnh giới này có lúc thì sanh khởi giống như trên, có lúc thì dễ dàng sanh tẩu hỏa nhập ma. Tại sao tẩu hỏa nhập ma? Khi sanh tâm chấp trước, tức truy cầu nắm giữ cảnh giới vừa thấy, thì ma vương liền nhập vào tâm. Nếu chư vị không chấp trước, thì ma vương không có cách nào để nhập vào. Chư vị nếu chấp vào cảnh giới nào thì ma liền hiện ra cảnh giới đó. Làm thế nào để giải? Lúc đó phải dùng trừ giác phần. Trừ tức là thẩm tra, dò xét các ác giác quán. Phải tẩy trừ các ác giác quán, còn chánh giác quán thì phải bảo tồn.

Khi chư vị trừ bỏ chấp trước thì là xả giác phần. Xả này tức là xả bỏ vọng tưởng chấp trước. Nếu không thể xả bỏ vọng tưởng chấp trước thì không đắc được tam muội và đạt đến bảy phần bồ đề. Sau khi xả được vọng tưởng chấp trước thì bảo tồn được niệm tinh tấn, mà đã bàn ở bên trên. Chớ để quên mất, niệm này đeo đuổi niệm kia (niệm huyền tại huyền), niệm niệm không quên, tu tinh tấn. Tu tinh

tấn thì sau này đắc được định giác phần, tức thuộc bảy bồ đề phần hay bảy giác phần.

Tám chánh đạo. Thứ nhất là chánh kiến. Kiến tức là ý kiến. Nơi ý niệm có một kiến (thấy). Kiến này phải nên chân chánh, nghĩa là kiến giải phải chánh xác. Nếu không có chánh kiến thì dễ dàng lạc vào đường tà. Nếu kiến giải chân chánh thì đi được trên đường thẳng. Tại sao gọi là chánh kiến, tà kiến? Nếu bảo rằng phải nên học Phật pháp. Phật pháp là chân chánh, phải nên học. Đó là chánh kiến. Nếu như học đánh cờ bạc, chơi bời, làm biếng, hại người, đó gọi là tà kiến. Vì vậy chánh kiến rất quan trọng.

Nếu có chánh kiến rồi thì có chánh tư duy. Có kiến giải rồi thì phải có suy nghĩ; suy nghĩ việc này việc nọ là đúng hay không đúng. Học Phật pháp là một công việc tối thượng nhất trên thế gian. Không sai trái tức là chánh tư duy. Tà tư duy nghĩa là khi học Phật pháp cho rằng không có lợi ích chi. Họ nghĩ: "Trong thời đại khoa học, Phật pháp giảng đến giảng lui chỉ khuyên người làm việc thiện, làm người tốt thôi. Hiện nay ai là người tốt? Không có ai là người tốt hết, chỉ toàn là người xấu không thôi. Tôi thấy ông A kia, chuyên tạo việc xấu, mà lại có tiền, có rượu để uống, cái gì cũng có."

Suy nghĩ rằng học Phật pháp không có ích chi như thế, tức là tà kiến, đi trên đường tà. Nếu có chánh tư duy thì không lạc vào đường tà.

Có chánh tư duy thì kế tiếp là có chánh ngữ. Chánh ngữ tức là lời nói nào cũng đều chính xác, không nói lời say sưa, câu tiết, không dẫn người lạc vào đường tà. Nói lời chân chánh, chánh xác, khiến ai ai cũng đều vui thích lắng nghe, vui thích làm theo.

Có chánh ngữ rồi thì có chánh nghiệp, tức tự tìm, hành nghề chân chánh. Ai ai cũng biết rõ nghề nghiệp chân chánh là gì, chớ nên làm những nghề nghiệp phạm pháp.

Thứ năm là chánh mạng. Có chánh nghiệp thì sanh mạng chân chánh.

Thứ sáu là chánh tinh tấn. Tạo chánh nghiệp thì phải nên tinh tấn. Chớ nên tinh tấn tạo những nghiệp bất chánh.

Thứ bảy là chánh niệm. Thứ tám là chánh định. Đó là tám chánh đạo. (còn tiếp)



# pháp ngữ

## của h.t Hư Vân

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

### XIX. Bài "Phải Hiểu Rõ Sự Niệm Phật" nhân ngày giỗ thứ mười hai của tổ Ấn Quang, năm 1952

Hôm nay là ngày giỗ kỷ niệm lão pháp sư Ấn Quang vãng sanh về cõi Tây Phương lần thứ mười hai. Quý vị đều là đệ tử của Ngài. Uống nước phải nhớ nguồn, nên quý vị tụ hội tại giảng đường này, làm lễ giỗ truy niệm thầy mình. Trong đạo lý nhà Phật, thầy tức là cha mẹ pháp thân của mình. Kỷ niệm thầy, tức là nhắc lại bản phận hiếu thảo của mình đối với cha mẹ pháp thân. So sánh về sự hiếu thảo nhỏ nhất ở thế gian thì việc này có rất nhiều ý nghĩa thâm trầm hơn.

Nhớ thuở xưa, lần đầu tôi gặp lão pháp sư Ấn Quang tại núi Phổ Đà vào năm Quang Tự thứ hai mươi. Lúc đó, lão hòa thượng Hóa Văn thỉnh Ngài lên tòa giảng kinh A Di Đà tại chùa Quảng Tế. Giảng xong, Ngài ở lại chùa, đọc hết ba tạng kinh điển. Qua hơn hai mươi năm, Ngài chưa từng rời núi một bước mà đóng cửa ản tu. Tuy Ngài hiểu rõ giáo nghĩa rất thâm sâu, nhưng chỉ lấy một câu A Di Đà Phật làm sự tu trì hằng ngày. Tuyệt đối không cho mình thông hiểu kinh giáo thâm sâu mà coi nhẹ pháp môn niệm Phật. Lời dạy của Phật là thuốc dùng để trị bệnh khổ cho chúng sanh. Pháp môn niệm Phật, được gọi là thuốc A Già Đà, trị hết tất cả bệnh.

Thật vậy, vô luận tu pháp môn nào, cần phải có niềm tin kiên cố, giữ gìn mãi mãi, thực hành ngày một thâm sâu, thì mới mong đạt được lợi ích đầy đủ. Nếu có niềm tin kiên cố thì trì chú, tham thiền, niệm Phật đều thành tựu. Nếu tín căn không thâm sâu mà chỉ cậy nhờ chút ít thiện căn, học thức cạn cợt, hoặc nhớ được vài ba danh

tướng công án, rồi đi nói chuyện vô ích tạp nhạp hay bàn việc đúng sai thì chỉ tăng trưởng nghiệp chướng và tập khí xấu xa. Dầu có bàn về việc sống chết, cũng vẫn bị nghiệp thức dẫn dắt. Có thật đáng thương lắm không!

Quý vị là đệ tử của pháp sư Ấn Quang. Hôm nay làm giỗ lễ kỷ niệm, thì cũng phải kỷ niệm sự hành trì chân thật của Ngài. Ngài là một vị chân tu thực thụ vì bước trên đường các bậc cổ đức đã đi. Ngài hiểu rõ thâm ý của chương Bồ Tát Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông. Ý theo đó mà khởi tu, nên đạt được niệm Phật Tam Muội. Từ đó, Ngài hoằng dương tông Tịnh Độ, làm lợi ích cho chúng sanh, trải qua bao thập niên mà cũng vẫn như một ngày, chưa từng từ nan thoái bước, dầu có bệnh tật ốm đau. Hiện tại, thật hiếm có ai như Ngài, chân thật tu hành không khởi kiến chấp phân biệt mình người, chỉ nghe một danh hiệu Phật rồi y theo đó mà tu trì. Sáng niệm Phật. Tối niệm Phật. Đi đứng nằm ngồi, trong mười hai thời niệm niệm không quên mất. Thầm thầm lặng lặng, công phu thuần thực chín mùi, cảnh tịnh Tây Phương Cực Lạc hiện trước mặt, được lợi ích vô biên, tự mình quán thấy.

Điều quan trọng nhất là tín tâm phải kiên cố. Tín tâm nếu không kiên cố, thì muôn sự không thể thành. Hôm nay tăng, ngày mai giảm; nghe người nói tham thiền hay thì bỏ ngay công phu niệm Phật, chạy qua tu thiền. Nghe người nói học kinh điển rất tốt thì lại bỏ thiền, qua học kinh giáo. Học kinh giáo không thành lại chạy đến trì chú, nhưng chẳng hiểu chi hết. Tâm bị chướng ngại vì không thanh tịnh. Không tự trách mình tín tâm không định, lại cho rằng Phật Tổ dối gạt chúng sanh. Chửi Phật báng Pháp, tạo nghiệp vô gián. Vì thế, tôi khuyên đại chúng rằng phải nên tin tưởng kiên cố sự lợi ích của pháp môn niệm Phật, học theo hạnh "Chân Thật Niệm Phật" của lão pháp sư Ấn Quang, rồi lập chí vững chắc, phát tâm dũng mãnh, lấy việc vãng sanh cõi Tây Phương làm việc lớn trong đời.

Tham thiền cùng niệm Phật, đối với người mới phát tâm tu học thì thấy có khác, nhưng đối với người tu hành lâu năm thì chỉ là một. Tham thiền đề cử thoát đầu, chặt đứt dòng sanh tử, cũng từ tín tâm kiên cố mà được. Nếu thoát đầu giữ mãi không được thì tham thiền không thể thành tựu. Nếu tín tâm kiên cố thì đến chết cũng phải tham khán câu thoát đầu. Uống trà không biết đang uống trà. Ăn cơm không biết đang ăn cơm. Như thế, công phu mới thuần thực, thoát khỏi căn trần,

đại dụng hiện tiền, cùng cảnh tịnh của công phu niệm Phật, giống nhau không khác. Đạt đến cảnh giới đó, sự lý viên dung, tâm cùng Phật không hai. Phật như như bất động. Chúng sanh cũng như như bất động. Một như như bất động mà không có hai như như bất động, thì sai biệt chỗ nào? Quý vị là những người tu pháp môn niệm Phật. Tôi hy vọng tất cả hãy lấy một câu niệm Phật làm chỗ tựa cho đời mình. Hãy chân thật mà niệm!

## **XX.Thiền thất khai thị lần thứ nhất tại chùa Ngọc Phật, thành phố Thượng Hải, năm 1953**

### **1.Ngày thứ nhất (22.2)**

Đại hòa thượng Vi Phảng thật rất từ bi. Chư vị ban thủ cũng có tâm tha thiết muốn hoằng dương Phật pháp, cùng các vị đại cư sĩ có đạo tình, đồng phát tâm đả thiền thất, lại yêu cầu Hư Vân tôi ra làm chủ thất. Thật tình mà nói, đây là một nhân duyên thù thắng vô vàn. Ngặt vì tuổi già sức yếu, lại thêm bệnh hoạn, nên tôi không thể giảng nhiều được.

Đấng Thế Tôn thuyết pháp hơn bốn mươi năm, lời hiển lời mật, ngôn giáo tràn đầy trong ba tạng mười hai bộ. Hôm nay đại chúng yêu cầu tôi ra thuyết pháp, thì chỉ bất quá lập lại lời dư thừa của Phật Tổ. Bàn về tông môn, lúc còn tại thế, vào một lần nọ đang ngồi trên pháp tòa, Đức Phật được vua trời Đại Phạm cúng dường cành hoa Kim Đan. Ngài bèn đưa cành hoa Kim Đan lên để dạy đại chúng. Lúc ấy, dưới tòa đại chúng trời người đều không hiểu chi hết, duy chỉ có tôn giả Ma Ha Ca Diếp là tím tím mỉm cười. Đức Thế Tôn bảo:

- Ta có chánh pháp nhãn tạng, niết bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng, nay đem phó chúc cho ông Ca Diếp.

Đó là truyền ngoài giáo lý, không lập văn tự, đi thẳng đến pháp môn vô thượng. Người sau mù mờ, cho đó là thiền. Nên biết rằng trong kinh Đại Bát Nhã, có kể đến hơn hai mươi loại thiền, mà tất cả đều không phải là cứu cánh. Duy thiền trong tông môn là không lập giai cấp, chỉ thẳng vào tâm địa, thấy tánh thành Phật. Do đó, không có quan hệ với việc đả thất hay không đả thất. Chỉ vì căn tánh chúng sanh ngày càng ngu mê, vọng tưởng đầy dẫy, nên chư tổ mới đặt ra phương tiện để nhiếp thọ. Tông môn này, kể từ tổ Ma Ha Ca Diếp truyền cho đến ngày nay, trải qua sáu bảy mươi đời. Triều đại Đường và Tống (619-1278), gió thiền lan khắp thiên hạ, hưng

thịnh một thời. Hiện tại, thiền tông đến thời kỳ suy vi tột bậc, chỉ có vài nơi như Kim Sơn, Cao Môn, Bảo Quang còn giữ được

chút tông phong. Thế nên, nhân tài trong tông môn thật hiếm hoi. Cũng đả thất tham thiền, nhưng đa số chỉ vì danh, mà không có thực thể.

Khi xưa, thất tổ Hành Tư hỏi Lục Tổ Huệ Năng:

- Làm thế nào để khỏi lạc vào giai cấp?

Lục Tổ hỏi lại:

- Ông đã từng làm những gì?

- Thánh đế còn chẳng làm, thì có gì là giai cấp?

Lục Tổ thâm chấp nhận, hứa khả. Hiện tại, căn khí chúng ta rất cứng cõi, nên chư đại Tổ Sư mới giả lập phương tiện, dạy tham quán câu thoại đầu. Sau đời Tống, người niệm Phật rất nhiều, nên chư đại Tổ Sư lại dạy tham quán câu "Ai là người đang niệm Phật?"

Ngày nay, mọi nơi đều theo pháp này mà dụng công, nhưng có rất nhiều người không hiểu rõ ràng, cứ để câu "Ai là người đang niệm Phật" nơi cổ họng, rồi niệm đến niệm lui không dừng, thành ra tụng niệm, chứ không phải tham quán câu thoại đầu. Tham thoại đầu tức là tham khán. Thế nên, trong mọi thiền đường đều có treo bốn chữ "Chiếu Cổ Thoại Đầu". Chiếu tức là phản chiếu. Cổ tức là xoay trở lại. Nghĩa là phải tự phản chiếu, nhìn vào tự tâm. Gọi đó là quán thoại đầu.

"Ai là người niệm Phật", khi chưa khởi lên thì gọi là thoại đầu, còn đã khởi lên rồi thì gọi là thoại đuôi. Chúng ta tham khán thoại đầu thì phải nên xem khán chữ "Ai". Lúc tâm chưa khởi lên chữ "Ai" thì như thế nào? Giống như lúc đang niệm Phật, có người đến hỏi:

- Bạch Thầy! "Ai" đang niệm Phật?

Nếu đáp:

- Tôi là người đang niệm Phật.

Người đó lại hỏi:

- Thầy là người niệm Phật. Vậy miệng niệm hay ý niệm? Nếu nói miệng niệm thì lúc ngủ, sao không niệm? Nếu nói tâm niệm thì lúc thân này chết mất, sao không tiếp tục niệm?

Do đó, chúng ta có một nghi vấn, phải nên truy cứu: "Câu thoại đầu đây từ đâu mà đề khởi? Tôi là ai?"

Vi vi tế tế, phản chiếu xoay lại, xem xét kỹ càng, đó gọi là nghe lại tự tánh của mình.

Lúc đi bộ hành hương phải ngưỡng đầu lên, và cái gáy chạm đến cổ áo. Phải bước theo nhịp chân người trước. Tâm phải bình bình tịnh tịnh. Không nên ngó sang đông qua tây, chỉ nhất tâm xoay lại, phản chiếu câu thoại đầu. Lúc ngồi, không nên uốn ngực về phía trước. Đùng đề hơi thở quá cao hay quá thấp, chỉ để tự nhiên tùy theo hơi thở. Lại nữa, phải thu nhiếp sáu căn, mắt tay mũi lưỡi thân ý. Phải buông bỏ muôn niệm. Luôn luôn xoay chiếu lại thoại đầu, chớ bỏ quên mất. Đùng xem khán quá vi tế, nếu quá vi tế thì bị hôn trầm (tức buồn ngủ) lạc vào không vọng, không thể thọ dụng chi được. Đùng xem khán quá thô; nếu quá thô thì phù trầm (tức vọng tưởng) nổi lên, không thể khởi thoại đầu được. Nếu xem khán được thoại đầu thì công phu tự nhiên từ từ thuần thực, tập khí dần dần giảm bớt. Người mới bắt đầu dụng công thì khó lòng mà xem khán được thoại đầu. Tuy vậy, quý vị đừng lo sợ, lại cũng đừng có vọng tưởng là muốn khai ngộ, hay cầu được trí huệ v.v... Nên biết rằng, đã thất tức là vì việc khai ngộ tâm tánh, và vì câu trí huệ. Nếu lại khởi tâm cầu nữa thì ví như lấy đầu đặt lên đầu. Hôm nay, chúng ta đã hiểu rõ rồi thì chỉ lo đề khởi câu thoại đầu. Nếu trong lúc dụng công, chưa có thể đề khởi thoại đầu lên được, thì chớ có gấp rút, chỉ việc xả bỏ muôn niệm để không còn tình tưởng, liên tục thâm lặng, xoay chiếu trở lại. Khi vọng tưởng khởi lên, nếu không màng đến, thì chúng sẽ tự nhiên lặng mất. Vì vậy bảo:

- Không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm.

Vọng niệm khởi lên, chỉ dùng định lực xoay lại xem khán thoại đầu. Nếu mất thoại đầu, phải mau đề khởi lại. Mới ngồi thiền thì dường như là chỉ lo dẹp vọng tưởng, nhưng lâu dần thì thoại đầu từ từ khởi lên được. Khi ấy, quý vị có thể ngồi hết cả một cây nhang. Nếu không để mất thoại đầu thì kết quả sẽ rất tốt.

Ngôn ngữ chỉ là lời nói suông. Quý vị hãy nên chân thật dụng công. (còn tiếp)

# Hám Sơn

## đại sư tự truyện

Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

Mùa Xuân năm sau, Ngài lại đến Nhạn Môn để cảm tạ thâm ân của Hồ Thuận Am. Trở về Ngũ Đài, Ngài định báo đáp thâm ân sanh thành dưỡng dục của cha mẹ. Lúc trước, Ngài đã từng xem qua văn phát nguyện cứu độ cha mẹ của đại sư Nam Ngạc Hành Sơn. Lại nữa, Ngài nhớ đến chư cao tăng trong đời quá khứ thường trích máu viết kinh. Vì vậy, Ngài quyết định trích máu viết kinh Hoa Nghiêm với mục đích là trên kết duyên cùng trí huệ Bát Nhã thù thắng, dưới đáp đền ân trọng của cha mẹ. Trước đó, Ngài đã từng ghi danh vào đoàn cao tăng trong toàn quốc, tụng kinh cầu nguyện quốc thái dân an do Lý thái hậu bảo trợ. Nghe tin Ngài định viết kinh Hoa Nghiêm bằng máu, Lý thái hậu sai người đem giấy bằng bột vàng đến cúng dường. Việc này, khởi đầu cho sự liên hệ mật thiết nhưng phức tạp giữa Ngài và hoàng tộc. Lý thái hậu là mẹ của vua Minh Thần Tông, tức hoàng đế Vạn Lịch. Chiếu theo sử triều Minh, Lý thái hậu dạy Minh Thần Tông rất nghiêm khắc. Lúc nhỏ, những khi Minh Thần Tông làm biếng, không thích học hành, bà phạt ông ta quỳ cho đến khi nhận lỗi mới thôi. Ngay cả sau khi Minh Thần Tông lên ngôi hoàng đế, bà vẫn không lơ là lỏng quản giáo con mình. Lần nọ, Minh Thần Tông tại Tây Thành thiết tiệc. Ăn uống say sưa xong, ông ta bảo quan nội thị xướng ca. Quan nội thị từ chối vì không biết ca hát. Việc này làm Minh Thần Tông nổi giận rồi tạt rượu vào mặt quan nội thị, lại định rút gươm ra chém. Nhờ tả hữu can gián, quan nội thị thoát chết. Minh Thần Tông vẫn chưa nguôi giận, nên nắm tóc quan nội thị mà cắt. Nghe việc này, bà liền viết thơ trách mắng con mình, cùng sai người đưa Minh Thần Tông vào cung gặp bà. Vào cung, Minh Thần Tông quỳ xuống khóc lóc nhận tội trước mặt bà.

Lý thái hậu quản giáo con mình rất nghiêm khắc, khiến cho Minh Thần Tông âm thầm bất mãn. Song, trong triều nội, ngoài bà ra, không ai có thể can lơn được Minh Thần Tông. Sau này, vì tin tưởng Phật pháp, bà thường cúng dường tiền bạc, xây dựng sửa chữa các chùa viện trong ngoài kinh sư. Vì nể mẹ, Minh Thần Tông cũng hỗ trợ tiền tài rất nhiều. Do đó, tại kinh đô, dân chúng thường gọi bà là 'Phật lão nương nương'. Việc 'trợ thí vô số tiền bạc' khiến Minh Thần Tông rất đau lòng. Lại nữa, triều đình phải bỏ ra rất nhiều tiền bạc cho việc chi phí quân binh, đánh dẹp cướp biển ở vùng Đông Nam. Sau này, dựa vào việc Lý thái hậu cúng dường tiền bạc cho Ngài để trừng phạt các tự viện, Minh Thần Tông làm nháo rộn lên. Nhờ sự can gián của bá quan, tình mẹ con giữa bà và Minh Thần Tông được hàn gắn. Song, việc tranh chấp trong triều nội, khiến Ngài cùng các vị tăng sĩ bị liên lụy. Điển hình là việc Ngài bị lưu đày cả vài thập niên sau này, còn Thiền Sư Đạt Quán thì bị chết trong tù.

Năm ba mươi ba tuổi, niên hiệu Vạn Lịch năm thứ sáu (1579), Ngài chuyên tâm nhất ý viết kinh bằng máu. Thư pháp của Ngài rất tuyệt vì thước nhỏ đã từng học qua thư pháp của các bậc vương giả trong bao triều đại. Mỗi lần viết nét chữ nhỏ hay lớn, Ngài cũng đều niệm Phật. Khi chur tăng, kẻ tục lên núi viếng thăm, Ngài vừa viết vừa trò chuyện, tay không dừng nghỉ, miệng không quên lời đối đáp, nhưng không viết sai chữ nào. Chư tôn trưởng lão thấy vậy rất kinh ngạc, nên thường đến thử thách, cố ý làm rầy để khiến Ngài bị phân tâm. Tuy vậy, Ngài vẫn không viết sai một chữ (Danh tiếng đạo đức tu hành của Ngài, ngày một nổi bật, khiến rất nhiều người trọng vọng, đến núi Ngũ Đài thỉnh giáo lễ bái). Tăng chúng thấy thế, hỏi thầy Diệu Phong. Thầy đáp: "Vì sự đệ của tôi có công phu Thiền định thâm sâu, nên trí huệ mới được như thế."

Từ lúc trú tại núi cho đến khi bắt đầu viết kinh, Ngài thường gặp những giấc mơ lành:

"Thứ nhất, Ngài mơ thấy mình đi vào động Kim Cương. Ngay nơi cửa đá có khắc bảng: "Chùa Đại Bát Nhã." Bước vào, Ngài thấy chùa rộng lớn như hư không. Mái chùa, lầu các trang nghiêm vô cùng. Trong chánh điện chỉ có một sàng Thiền to lớn. Ngài lại thấy quốc sư Thanh Lương đang nằm trên sàng Thiền, còn thầy Diệu Phong thì đang đứng hầu bên trái. Thế nên, khi vừa vào, Ngài lập tức lễ bái rồi đứng về bên phải. Được

nghe quốc sư Thanh Lương khai thị: "Vừa nhập vào cảnh pháp giới viên dung, gọi là sự hỗ nhập của cõi Phật, chủ khách tương giao, tương đến đi chẳng động đây."

Như những lời thuyết giảng của quốc sư Thanh Lương, những cảnh giới đó hiện ra rõ ràng trước mắt và Ngài cảm thấy thân tâm hòa đồng với chúng. Khi đó, Ngài nghe thầy Diệu Phong hỏi quốc sư Thanh Lương: "Bạch Quốc Sư! Đây là những cảnh giới gì?"

Quốc sư Thanh Lương cười đáp: "Vô cảnh giới của cảnh giới."

Thức dậy, Ngài tự thấy thân tâm cùng khung cảnh xung quanh dung hợp triệt để, không còn bị nghi tình làm chướng ngại.

Đêm khác, Ngài tự thấy thân mình vụt thẳng lên hư không, cao đến vô cực. Hạ xuống, Ngài thấy mười phương thế giới đều lắng đọng, vắng vẻ, không có một vật chi, duy chỉ có đất bằng như tấm gương, long lanh chiếu sáng. Nhìn xa xa, Ngài chỉ thấy một lầu các rộng lớn, bằng phẳng như hư không. Trong lầu các hiện ra tất cả sự vật trên thế gian như con người, động vật, chợ búa, thành ấp lớn nhỏ; mỗi mỗi đều nằm trong đó; chúng đến đi không ngăn ngại. Trong lầu các có đặt một tòa Thiền màu vàng đỏ tím óng ánh. Tự tâm Ngài bảo rằng đó là bảo tòa Kim Cang. Sự trang nghiêm của lầu các này vi diệu, không thể nghĩ bàn. Ngài vui vẻ muốn tiến đến gần. Tâm Ngài chợt nghĩ rằng trong cảnh giới thanh tịnh này cũng có tán loạn, uế trược. Khi vừa khởi niệm thì tòa lầu các xa dần dần. Ngài lại tự bảo rằng cầu uế hay thanh tịnh đều do tâm sanh. Nghĩ đến đó thì lầu các lại hiện gần hơn. Trong những cảnh giới đó, Ngài chợt thấy có rất nhiều chư tăng. Hình tướng các ngài cao lớn, sắc thân trang nghiêm đoan chánh vô cùng. Ngài lại thấy một chú tiểu đồng từ tòa ngòai đứng dậy, tay cầm một quyển kinh bước xuống sàng tòa, đưa cho Ngài, nói: "Hòa Thượng đang thuyết kinh này, nên bảo tôi mang đến cho Ngài."

Ngài tiếp nhận, mở kinh ra đọc, thấy toàn là chữ Phạn viết bằng vàng, nhưng không biết chữ nào hết. Ngài bỏ quyển kinh này vào túi và hỏi chú tiểu đồng: "Hòa Thượng đang giảng kinh là ai?"

Chú tiểu đồng đáp: "Là Di Lạc Bồ Tát."

Ngài rất vui vẻ, theo chú tiểu đồng, bước lên tầng cấp lâu các. Khi ấy, Ngài vừa đứng vừa nhắm mắt giữ chánh niệm, rồi chợt nghe tiếng khánh. Mở mắt ra, Ngài thấy Bồ Tát Di Lạc đã lên tòa ngồi. Ngài liền cung kính chiêm lễ. Ngưỡng đầu nhìn lên, Ngài thấy sắc diện Bồ Tát Di Lạc màu đỏ tím, sáng chói oai nghiêm mà trên thế gian này không gì so sánh bằng. Đánh lễ Bồ Tát Di Lạc xong, Ngài tự nghĩ rằng hôm nay Bồ Tát đặc biệt thuyết pháp cho mình. Căn cơ thật rất khế hợp. Thế nên, Ngài quỳ xuống trước Bồ Tát Di Lạc, rồi mở quyền kinh ra. Ngài nghe Bồ Tát thuyết: "Phân biệt là thức. Vô phân biệt là trí. Y theo thức thì bị nhiễm ô. Y theo trí thì được thanh tịnh. Vì nhiễm ô nên có sanh tử. Vì thanh tịnh nên chẳng có chư Phật."

Nghe đến đó, đột nhiên Ngài cảm giác thân tâm mình như đang trong mộng huyền.

Ngài lại nghe âm thanh của Bồ Tát Di Lạc trong hư không rõ ràng, khai sáng đất tâm. Thức dậy, âm thanh đó vẫn còn văng vẳng bên tai, chẳng quên mất một chữ. Từ đó, Ngài biết rõ sự khác biệt giữa trí và thức, tâm nhãn (mắt của tâm thanh tịnh) liễu nhiên. Nhận biết cõi nước mà Ngài vừa đến, chính là lâu các của Bồ Tát Di Lạc tại nội viện của cõi trời Đâu Suất.

Đêm khác, Ngài nằm mộng thấy một vị tăng đến bảo: "Bồ Tát Văn Thù trên đỉnh Đài Bắc có thiết lễ tẩy tịnh. Nay thỉnh Ngài đến."

Ngài bước theo vị tăng đó. Đến nơi, Ngài bước vào một điện đường rộng lớn, mùi hương lạ bay tràn khắp nơi. Các thị giả đều là Phạm Tăng. Ngài được dẫn vào một buồng tắm. Sau đó, Ngài cởi y phục ra và tắm, nhưng thấy có người đã ở trong bồn tắm. Nhìn kỹ, đó là một cô gái. Vì vậy, Ngài không dám bước vào. Cô gái trong bồn tắm chợt chuyển hình tướng trở thành người nam. Thế nên, Ngài bước vào, cùng tắm chung. Người đó, lấy tay múc nước và xối trên đầu Ngài. Nước chảy từ đầu xuống chân, thấm vào mình Ngài như tẩy rửa một thùng thịt sống. Năm tạng trong người không còn nữa, duy chỉ còn lại bọc da, trong trắng như lưu ly, thấu suốt rõ ràng. Khi ấy, người kia gọi đem trà. Ngài thấy một vị Phạm Tăng, tay cầm sọ nửa đầu người, giống như trái dưa. Ngài nhìn vào, thấy máu mù tủy não trong đó, nên khởi tâm nhòm ớn. Vị tăng kia dùng ngón tay, quẹt lấy tủy não, bảo: "Đây là vật bất tịnh à!"

Sau đó, vị tăng kia liền đút tay vào miệng Ngài. Ngài nuốt xuống, mùi vị ngọt như mật. Cứ như thế, Ngài nuốt hết tủy não, duy chỉ còn máu. Người trong bồn tắm bảo: "Hãy đưa cho ông ta."

Vị tăng thị giả liền đưa cho Ngài. Nuốt vào, Ngài cảm giác như uống nước cam lộ. Nuốt vào cổ, nước chảy thấu đến từng sợi lông. Uống xong, vị Phạm Tăng xoa lưng và đột nhiên vỗ tay thật lớn, khiến Ngài thức giấc. Mồ hôi trong mình đổ ra như tắm. Năm tạng trong người được thanh lọc rửa sạch. Từ đó, thân tâm như được tẩy tịnh, khiến Ngài cảm thấy sung sướng nhẹ nhàng vô vàn. Trong những giấc mộng, Ngài đều thấy chư thánh Bồ Tát. Hầu hết những giấc mộng đó đều là điềm lành. Đức Phật nói: "Thường mộng điềm lành", đó là những điềm quý báu.

Mùa Thu năm 1581, công việc xây chùa Đại Từ Thọ đã xong. Lúc đầu Lý thái hậu muốn sửa chữa chùa Tháp Viện và Bảo Tháp Xá Lợi tại núi Ngũ Đài để cầu siêu cho chồng bà, tức vua Long Khánh, và cầu phước lành cho con bà, tức vua Vạn Lịch đương thời. Triều đình đã ban sắc lệnh thi hành điều nguyện ước của bà. Nhưng vì núi Ngũ Đài quá xa Kinh Đô, nên nhà vua (chưa bàn với Lý thái hậu) chọn nơi gần nhất để xây chùa Đại Từ Thọ. Khi kiến lập chùa Đại Từ Thọ xong, triều đình mới bắu tầu với Lý thái hậu. Vì chưa được mãn nguyện, Lý thái hậu ra lệnh cho hoàng đế sai nội quan dẫn hơn ba ngàn công nhân đến núi Ngũ Đài tu sửa chùa chiền. Đây là lần đầu tiên triều đình làm Phật sự và gọi nội quan ra ngoài làm việc. Sợ nội quan không thể hoàn thành công việc dâng hoàng, có thể tổn hại đến Phật pháp, nên Ngài đích thân điều động và chỉ dẫn cách thức. Thế nên, mọi việc từ đầu đến cuối đều được hoàn thành theo ý muốn. Sự liên hệ giữa Ngài với hoàng tộc ngày một khắng khít.

Vào năm Vạn Lịch thứ tám, giống như bao triều đại trước, hoàng đế ra lệnh thanh tra đất đai để đánh thuế. Thấy dân chúng ngày một tăng gia sản xuất, triều đình càng đánh thuế nhiều thêm để lấy tiền dùng vào sanh hoạt vinh hoa phú quý cho hoàng triều. Lệnh thanh tra đóng thuế của hoàng đế vừa ban ra, liền được các quan địa phương hoan hỷ nghinh tiếp, vì đây là cơ hội vón vét tiền bạc ruộng lúa của dân chúng. Trong mười phần lúa gạo do dân đóng thuế, chỉ có khoảng hai ba phần là bỏ vào công khổ hoàng cung, bảy phần còn lại là bị quan quân cường hào địa phương vón vét ăn chặn.

Núi Ngũ Đài vốn thuộc tài sản chùa viện, nên xưa nay không bị thanh tra đóng thuế tiền bạc ruộng lúa. Song, lệnh của vua ban ra, quan huyện nào dám cãi lại! Vì vậy, quan huyện Ngũ Đài yêu cầu tăng sĩ trên núi Ngũ Đài đóng thuế năm trăm thặng lúa. Đồng thời quan quân thường phái người đến thanh tra đất đai. Lâu sau, cuộc sống tu hành của tăng chúng trên núi đều không được bình an. Vì vậy, tăng sĩ từ từ bỏ núi đi nơi khác tu hành. Nếu không có ai hộ pháp, núi Ngũ Đài sẽ sớm biến thành rừng hoang cỏ dại. Do đó, chư sơn trưởng lão tại các tự viện tùng lâm, cùng nhau tìm Ngài để thương lượng giải quyết vấn đề. Ngài bảo: “Xin thỉnh các ngài chớ bận tâm lo lắng. Hy vọng, trong vài ngày sẽ có tin tức lành.”

Có người nghi ngờ bảo: “Đây là thánh chỉ của hoàng đế. Không ai dám chẳng tuân theo!”

Song, hòa thượng Đại Phương cùng một số tăng sĩ biết Ngài có mối quan hệ mật thiết với triều đình, nên một lời của Ngài nói ra, liền khiến họ an tâm phần nào. Quả nhiên, vài ngày sau Ngài viết thư gửi về triều đình thỉnh nguyện cho núi Ngũ Đài được miễn thuế. Cuối cùng triều đình đáp ứng, không thu một đồng một cân lúa. Tuy mới có ba mươi lăm tuổi, nhờ uy tín và trí huệ mà Ngài bảo tồn được tài sản của núi Ngũ Đài.

(còn tiếp)

## Cuộc đời của H.T

# Tuyên Hoá

Tiếp theo kỳ trước

### 24. Minh bạch nhân trước.

**L**úc còn làm việc trong hội Đạo Đức ở Trần Lạp Lâm, Ngài có một người bạn thân vừa đồng hương vừa đồng đạo tên Hàn Võng Cát, nhậm chức Tổng vụ trưởng Hội Đạo Đức ở Huyện

Song Thành. Ông luôn làm việc thiện, xả thí gia sản không lẫn tiếc, chỉ cần việc gì mà có ích lợi cho người thì ông đều dốc lòng làm. Sau khi Ngài xuất gia, thì Hàn Võng Cát vẫn nỗ lực tu hành và khai mắt trí huệ thấy rõ lý nhân quả; biết được là ông cùng Ngài có duyên thầy trò trong tiền kiếp nên thỉnh cầu Quy y và làm môn đệ của Ngài,

thật không làm nhân đời trước, nhưng Ngài không đáp ứng. Chẳng bao lâu ông lại lần nữa cầu xin làm đệ tử, Ngài cũng không trả lời. Lần thứ ba tại nhà lão cư sĩ Hạ Tôn Tường, ông quy y mãi không chịu đứng dậy, cầu khẩn Ngài nhận ông làm đệ tử, Ngài thấy ông thành tâm khẩn thiết nên nói:

- Ông Quy y tôi, trước tiên chúng ta phải xóa bỏ tình bè bạn thuở xưa, mới không đi ngược lại giới luật Phật chế, trong mọi hành vi ông phải y theo giáo pháp phụng hành, giúp tôi hoằng dương chánh pháp.

Ông Hàn liền đánh lễ Ngài thọ giới Quy y. Từ đó, ông giúp Ngài hoằng dương Phật Pháp khắp bốn phương, là cánh tay phải đắc lực của Ngài.

### 25. Ma nữ Như Ý.

Tại Làng Sương Bách Kỳ, Huyện Song Thành, có Lão cư sĩ Hạ Tôn Tường tánh tình hiền hòa đức độ được dân làng tôn kính; mùa Xuân ngày 25 tháng 2 năm 1945 Ngài làm Lễ Quy y cho bảy mươi hai người tại nhà ông, đồng thời cũng dạy họ phương pháp trì Chú Đại Bi và rằng : Nếu các vị gặp cảnh nguy nan chỉ cần chuyên tâm thành ý niệm thì nhất định sẽ được cảm ứng. Ngay hôm sau nhân vì Phật sự Ngài phải rời khỏi đây để tới Huyện Song Thành. Vào mùng 9 tháng 3, có một bà Lão ngồi trước nghĩa trang của làng thúc thít khóc. Trong làng có Hạ Phu nhân thấy thế liền đến an ủi:

- Bà ơi! Thôi đừng khóc nữa!

Bà vẫn không nghe, cứ khóc mãi, Bà lão này mặc chiếc áo vải màu xanh lam, quần vàng, chân mang đôi giày màu vàng, trong tay cầm chiếc nón đen, tóc đánh thành hai bính. Bà khóc một hồi rồi nín, sau đó đến trước cổng làng, ngồi ngay giữa con đường lớn; Khi ấy Hạ Tôn Tường đang đánh xe ngựa trở về làng, ngựa thấy trên đường có người, nên kinh hãi rống to vang lộng tứ phía, thừa dịp này bà Lão lên vào làng.

Dân làng thấy Bà tướng mạo quái dị với cách ăn mặc lạ thường nên tò mò xúm quanh hỏi chuyện:

- Bà tên gì? Nhà ở đâu?

Bà đều trả lời rằng: Không biết. lát sau Bà đứng dậy tập tễnh đi về phía trước, dân làng vì hiếu kỳ, nên đi theo. Khi đến phía sau nhà Hạ Văn Sơn, bà đột nhiên liệng nón vào trong vách tường cao

chín thước, rồi nhảy vọt qua tường. Mọi người thấy tận mắt đều sững sốt và kinh hãi. Vào tới nhà Bà định lên giường nằm, nhưng vợ của Hạ Văn Sơn ngăn lại, hỏi rằng:

- Bà định làm gì vậy?

Bà lão không trả lời. Bà Hạ và đứa con gái là đệ tử Quy y Ngài, nhớ lại lời dạy của Ngài về sự diệu dụng không thể nghĩ bàn thần Chú Đại Bi nên hai mẹ con đồng thanh niệm, Bà lão nghe niệm Chú Đại Bi bỗng ngã lăn trên giường giống như xác chết Dân làng chứng kiến mọi sự liền báo cho cảnh sát, nhân viên cảnh sát đến khiêng bà đi về bót tra hỏi:

- Bà từ đâu đến?

- Tôi là thầy chết không biết việc đời.

Dân làng nghe thế đều run sợ nên yêu cầu Bà lão hãy rời khỏi làng, nhưng bà không nghe,

cuối cùng rồi Bà chịu rời. Sau khi Bà đi khỏi thì cô gái họ Hạ đột nhiên phát bệnh quái dị, đầu nhức kịch liệt, thần trí hôn mê, không ăn không ngủ, không nói năng, cả nhà đều lo lắng cuống cuồng. Đến ngày 22 tháng 3, Ngài rời Huyện Song Thành đi đến làng ấy và trú tại nhà

Ông Hạ Tôn Tường. Vợ Hạ Văn Sơn nghe tin liền chạy đến cầu cứu. Ngài bảo:

- Tôi không biết trị bệnh nhưng Hàn Vông Cát biết xem nhân quả.

Lúc bấy giờ Hàn Vông Cát cũng có mặt, ông đang tọa thiền. Ngài bèn nhờ ông quán xét nhân duyên sanh bệnh của cô gái.

Hồi lâu Hàn Vông Cát bạch:

- Bạch Thầy, không thể giúp họ được, vì nếu nhúng tay vào sẽ nguy hiểm đến tánh mạng của mình. Cô ấy đã bị Quỷ Cái Như Ý nhập vào. Quỷ này tu luyện lâu năm nên tà thuật và ma lực rất thâm hậu, e rằng Thầy không đủ bản lĩnh để hàng phục nó.

- Vậy bệnh tình của cô ta như thế nào?

- Bạch Thầy! Nhất định sẽ chết!

- Cô ta đã Quy y Tam Bảo, Ta không đành lòng nhắm mắt làm ngơ để cô ấy bị ma nữ hại chết. Ta phải cứu cô ta, dầu có chết ta cũng vui lòng vì

không những cứu người mà còn cứu ma nữa. Nếu không sau này lại sẽ có người bị ma hại nữa. Vậy ông hãy theo ta xem sự việc này ra sao?

Ngài cùng Hàn Vông Cát đến nhà họ Hạ và biết chắc rằng tà không thể thắng chánh. Quả nhiên phép tà của Ma nữ không thể thắng được Chánh Pháp, Ma nữ muốn chạy trốn mà không được, nên quỳ xuống cầu Ngài tha thứ. Ngài thuyết pháp Tứ Thánh Đế, Mười Hai Nhân Duyên cho Ma nữ nghe. Nghe xong Ma nữ liền giải ngộ, nguyện bỏ tà quy chánh, cầu Ngài truyền Tam Quy, phát nguyện hộ trì Tam Bảo. Ngài bảo Ma nữ hãy qua Tỉnh Cát Lâm, Huyện Giao Hà, núi Lỗi Pháp, Động Linh Long mà tu hành, cùng ban pháp hiệu là “Kim Cang Như Ý Nữ.”

Ma nữ đi rồi thì bệnh nhân được bình phục ngay. Bao ngày qua dân làng mục kích những cảnh trạng như thế nên càng tin sâu Phật pháp. Sau đó đã có hơn trăm người cầu xin Quy y phát tâm thọ trì Chú Đại Bi.

## 26. Cảm ứng đạo giao.

Trong Làng Tam Tánh, Huyện Song Thành có Dương Thiệu Anh, con thứ ba của Dương Dục Côn một tướng quốc đời Mãn Châu, đang đóng quân tại Tỉnh Tam Giang (nay là Tỉnh Hợp Giang.)

Năm Dân Quốc thứ ba mươi một, Dương Thiệu Anh cùng mẹ và em gái đồng trú trong doanh trại. Cô em tên Thục Lan chưa lập gia thất, Dương Thiệu Anh rất nôn nóng tìm đối tượng cho em, không lâu thì đính hôn cô cho bạn đồng sự là Bạch Giáo Quân. Trong ngày hôn lễ, Dương Thục Lan đột nhiên bị bệnh liệt giường hôn mê bất tỉnh cả mấy ngày, người nhà đành chịu bó tay. Ngày nọ Dương Thục Lan chợt tỉnh lại, nói với mẹ:

- Mẹ ơi! Ngài Quán Âm mặc áo trắng đang đến kìa, mau đi đốt nhang đi mẹ!

Nói xong, cô liền đứng dậy lễ lạy. Mẹ cô thấy cô dường như đang nói chuyện với ai, rồi chấp sau vẫy tay ra dạng như đang tiễn biệt một vị khách quý. Sau đó, cô xoay đầu lại nói với mẹ:

- Bỏ Tát Quán Âm vừa bảo con rằng; Nếu con không kết hôn mà xuất gia tu hành thì con sẽ khỏi bệnh, con đã vâng chịu rồi. Vả lại Ngài cũng

đồng ý cho con xuất gia sau khi cha mẹ đã qua đời. Tiếp đó cô nói:

- Ngày mai sẽ có vị Sư đến trị bệnh cho con.

Ngày thứ hai Dương Thục Anh nghe có ba tiếng khánh kêu trên bàn Phật. Ngay lúc đó lại thấy có một vị Tăng bước vào nhà. Vị Tăng này mặc một chiếc Tăng y rách nát, đầu đội nón vải, đi chân không, tay cầm cây phát trần và quất lên thân cô. Cứ thế mỗi ngày vị Tăng ấy đến ba lần trong chín ngày liên tiếp. Sau cùng vị Tăng đó hỏi cô:

- Cô có thật tâm, thật ý muốn xuất gia tu đạo không?

- Sau khi hết bệnh con quyết định sẽ xuất gia tu hành.

Vị Tăng bèn cho cô một viên thuốc. Cô ta uống và quả nhiên hết bệnh.

Trong khi Thục Lan đau nặng, bà mẹ liền đánh điện tín về nhà báo cho cha cô hay nên ông vội đến thăm; nhưng đến lúc ấy bệnh cô đã thuyên giảm rất nhiều nên khi nghe vợ thuật lại những việc đã xảy ra, cha cô phần nộ nói:

- Vì do hỏa khí trong người nó quá nóng nên mới mê sảng như thế, chớ làm gì có chuyện một người bình thường có thể thấy được Bồ Tát Quán Âm?

Nói xong ông còn trách mẹ cô sao quá mê tín như vậy. Dương Thục Anh nghe cha nói thế đâm nghi ngờ giấc mộng xưa. Cô vốn sự cương quyết xuất gia nay bị dao động, không lâu sau cô theo cha mẹ trở về làng Tam Tấn. Đêm nọ cô lại mơ thấy Bồ Tát Di Lặc bảo: “Thọ mạng của cha con chỉ còn có bảy ngày thôi! Con hãy niệm Phật để tiêu giảm tội nghiệp cho cha.”

Sáng hôm sau, cô thuật lại giấc mộng đêm qua cho cha nghe, không những ông không tin mà lại còn mắng cho cô một trận. Vì thế cô cứ nơm nớp lo sợ không yên. Đến ngày thứ sáu, khi người cha chuẩn bị ra Huyện Song Thành mua chút vật dùng, Cô một mực ngăn cản ông đừng nên ra khỏi nhà, nhưng ông kiên quyết không nghe vẫn cố chấp ra ngoài.

Sau khi mua bóng đèn và các vật cần thiết, ông ra bến xe Song Thành để trở về. Vừa qua trạm xét vé, ông chợt xây xẩm mặt mày, té lăn hôn mê bất tỉnh. Nhân viên trạm kiểm soát liền sai người cấp tốc đến nhà ông thông báo. Người nhà đến khiêng

ông về và ông đã từ trần đúng vào ngày thứ bảy như trong giấc mơ của con ông.

Người con trai thứ hai của ông là Dương Thế Siêu, cũng không tin bất cứ lời gì của em mình nói. Người này không những ngăn cản không cho em gái xuất gia, mà thường hay phi báng Tam Bảo. Đêm nọ anh ta mộng thấy Bồ Tát bảo anh ta rằng:

- Trong vòng một tháng ông sẽ chết.

Anh ta tỉnh dậy biết đây là giấc mộng kỳ dị nhưng tâm anh ta vẫn không chút ăn năn hối cải. Quả nhiên đúng một tháng sau, ngày 13 Tháng 5 năm Dân Quốc thứ ba mươi bốn, anh tạ thế.

Đến ngày 25 tháng 12 có dịp Ngài bèn ghé đến nhà họ Dương, khi thấy Ngài bước vào cửa, cô Dương Thục Anh liền nói với mẹ:

- Vị Tăng trị bệnh cho con ở Tỉnh Tam Giang chính là vị này đây, hôm nay Ngài lại đến.

Cô liền chạy ra nghinh tiếp và cung kính đảnh lễ Ngài.

Ngài hỏi:

- Con vẫn còn nhận ra ta à?

- Bạch Thầy, vâng ạ!

- Con có còn muốn xuất gia nữa không?

- Bạch Thầy! Xưa kia vì trong lúc bệnh hoạn, tâm trí con ngu muội, lại không có chứng thể, nên tâm sanh nghi hoặc. Nay con biết được rằng tất cả mọi việc đúng thật, đương nhiên con vẫn muốn xuất gia.

Từ đó cô ăn chay niệm Phật, chân thành khẩn thiết tu hành. Cô xin Quy y Tam Bảo rồi sau đó khuyến hóa thuyết phục được ba người anh và các bà con quyến thuộc đồng Quy y Ngài.

(còn tiếp)

# Pháp môn nhẫn nhục

Hoà Thượng Tuyên Hoá



Quý vị nên biết rằng Sư Phụ này của quý vị rất nghiêm khắc, chứ không ngọt ngào gì đâu. Có lúc tôi nghiêm khắc đến nỗi đệ tử tôi phải chảy cả nước mắt, nước mũi nữa đó. Nay tôi xin kể cho quý vị biết là tôi làm sao mà học được cái tánh như thế.

Khi mười sáu tuổi, tôi đã bắt đầu giảng kinh Kim Cang. Trong kinh có nói về một vị tiên nhân nhục, vị này dù bị vua Ca Lợi chặt đứt cả tứ chi mà vẫn không hề sanh tâm sân hận. Sau khi đọc câu chuyện đó, tôi bèn phát nguyện học theo và một lòng nhất tâm tu pháp môn nhữn nhục.

Tôi biết tánh mình bẩm sinh là nóng nảy và cang cường bướng bỉnh. Cho nên tôi phải tu pháp môn nhữn nhục là thích hợp nhất. Nhưng một khi tôi hạ quyết tâm, thì bao nhiêu khảo nghiệm thử thách từ bốn phương tám hướng ào ào kéo tới. Có người xưa nay chưa từng mắng tôi, giờ này cũng mắng tôi; người vốn chưa hề đánh tôi, giờ đây cũng đánh tôi. Bạn bè trước đây vốn đối xử với tôi rất tốt, kết quả lại chuyên môn công kích tôi. Thế nên tôi tự xét rằng: “Mình giảng kinh Kim Cang cho người ta, trong kinh có nói về ông tiên nhân nhục bị cắt đứt cả tay chân mà không sanh lòng sân hận. Hiện nay những người này chỉ chửi mắng mình, công kích mình, chớ họ chưa đến nỗi chặt đứt tay chân của mình, nếu mình không thể nhữn nhục thì làm sao mình còn giảng được kinh Kim Cang nữa đây?”

Vì thế tôi bèn hạ quyết tâm là phải nhữn nhục. Bất luận những ai đối với tôi không tốt, thậm chí là họ muốn hại tôi, tôi cũng đều nhữn nhục hết. Kết quả là tôi không bị cảnh giới bên ngoài làm dao động. Kỳ thật những người này không phải muốn đến hại tôi, mà trái lại họ giáo hóa tôi, xem tôi có chịu nổi mấy thứ khảo nghiệm đó không. Ai mắng tôi thì tôi hướng về người đó khấu đầu đánh lễ. Có ai đánh tôi thì tôi ngủ ngay một giấc cho họ xem. Lúc còn ở nhà, tôi vẫn thường thường bị mấy thứ như thế đã kích. Nhưng sau khi xuất gia, các bậc thiện tri thức cũng lại tới lui không dứt. Ôi thôi những vị xuất gia trước sau, tả hữu bao quanh bên tôi, chẳng một ai xem tôi ra gì. Họ đều coi tôi như cái gai trước mắt, đều muốn ức hiếp tôi. Có ông thầy khi thấy tôi thấp hương bèn mắng lớn: “Chú mà xuất gia cái gì? Thấp một cây nhang cũng không biết. Thật là đần độn! Còn dám nói tới xuất gia nữa sao!”

Lúc bấy giờ tôi nghĩ rằng: “A! Khảo nghiệm lại đến nữa rồi. Tiên nhân nhữn nhục bị vua Ca Lợi chặt đứt tay chân mà không sân hận. Còn hiện nay mình chưa bị như thế mà. Được rồi! Thì cứ khấu đầu đánh lễ ông ta!” Thế là tôi đến trước mặt thầy đó khấu đầu cúi lạy để cảm ơn ông ta đã giúp đỡ tôi. Lúc bấy giờ, bất luận là những bậc “thiện tri thức” xuất gia hay tại gia, họ đã không ngừng đến giúp đỡ tôi như thế, nhưng lòng tôi đối với họ vẫn không một mảy may sân hận. Mỗi lần như vậy, tôi đều hồi quang phản chiếu: “Nhất định là lúc xa xưa mình đã không hề giúp họ, trái lại hôm nay họ lại giúp mình, vậy mình phải cảm tạ họ mới phải chớ!”

Bây giờ các vị đã hiểu rõ chưa? Sư Phụ của quý vị là ông thầy như thế đó. Là ông thầy chuyên môn tu hạnh nhữn nhục, chuyên môn bị người ta ức hiếp. Tôi chuyên môn nhữn nhữn những cái người ta không thể nhữn, nhường những cái người ta không thể nhường. Con người như vậy thì có lợi lộc gì? Nhưng quý vị đã quá bất hạnh, vì gặp phải một người chẳng có ích lợi. Vậy sao quý vị vẫn còn muốn học tập theo cái ông Sư Phụ ngu si này? Nhưng khi quý vị đã theo tôi rồi, tôi cũng không thể không kể lại chuyện quá khứ từng trải của tôi, là tôi đã đến từ con đường tu hạnh nhữn nhục đó.

Quý vị học Phật, không nên nghe cho nhiều Phật Pháp rồi lại không chịu thực hành, mà hãy nên cung hành một cách thực tiễn. Quý vị nên tự bản thân y chiếu và cố gắng áp dụng theo những điều răn dạy của đức Phật.

Chúa Giê-Su đề xướng chủ thuyết “Ái địch” là yêu thương kẻ thù địch. Đối với người không tốt với ta, thì ta lại càng phải yêu thương người đó. Còn Phật giáo chủ trương “Oán thân bình đẳng,” là dù thân hay thù, mình cũng đều xem như nhau. Lòng nhân từ của chúng ta đối với ai cũng nên bình đẳng, không phân biệt thân sơ, khinh trọng. Nếu người học Phật không thể thực sự hành theo, thế thì học đến bao giờ cũng chỉ là học cạn cợt bên ngoài, chứ không thể nào đạt được sự lợi ích chân thật!

Hãy nhớ kỹ! Nhớ kỹ! Bước đầu học Phật nhất định là phải tu nhữn nhục! Cứ kể như là có người muốn giết mình, mình cũng không nên có tâm sân hận. Thậm chí là nếu so với chỗ tu hành của ông tiên nhân nhục, chúng ta lại càng phải tiến hơn một bước. Nhưng đó cũng không phải có ý nói: “Ông tiên tu nhữn nhục bị chặt đứt tay chân mà

không khởi tâm sân hận, vậy bây giờ anh có thể chặt thân thể của tôi đi, tôi cũng không sân hận đâu!” Đó là bất chước người ta, chứ không phải là từ ý của mình, như vậy là bị hạng nhì rồi. Không những tay chân mình dù có bị chặt, mình chẳng giận hờn, thậm chí nếu thân bị băm tan xương thịt nát, mình cũng không nên sân hận! Bởi vậy khi có người phỉ báng tôi, hoặc giả đối xử không tốt với tôi, tôi cũng chẳng giận hờn.

Giảng ngày 1 tháng 12 năm 1990

## Quý vị muốn biết quỷ là gì không?

Hoà Thượng Tuyên Hoá

**Q**uỷ có rất nhiều loại. Có người cứ tưởng rằng quỷ có bộ dạng hung ác, đáng sợ với bộ dạng mặt xanh, răng nhọn. Thật ra, không nhất định là như thế. Có lúc quỷ hóa ra thân người, mới thấy thì tưởng như người thật, nhưng lại là quỷ.

Nếu quý vị là người đã khai mở Ngũ Nhân, bọn quỷ không thể nào lừa phỉnh được quý vị. Quỷ lại có thể biến làm súc sanh như: ngựa, trâu, dê, chó, thỏ và các loài cá... Vì sao chúng lại có thể biến hóa như thế? Bởi chúng có thần thông, hoặc giả là chúng biến làm con kiến, con muỗi, con trùng, con ruồi, con chim sẻ, con ong... Ví như lúc mùa xuân, trăm hoa đua nở, cho nên có hàng trăm con ong đến hút mật, nhưng trong đó có rất nhiều hóa thân của quỷ. Trong đám hoa có ong thật, mà cũng có ong giả. Ong thật là do nghiệp mà thọ quả báo, trong khi ong giả là do quỷ biến hóa thành. Chúng nó đi các nơi để hút nhụy hoa, uống sương hoa. Bởi vậy quý vị đừng tưởng rằng, nhất định là không thể thấy quỷ được. Quý vị hàng ngày đối diện với nó, vậy mà hãy còn không nhận ra nó. Cho nên có câu nói: “Đôi mắt mà không biết là Quán Thế Âm.” Nhưng đây cũng có thể nói tương tự như: “Đôi mắt mà không biết là quỷ!” Bây giờ có người nói: “Thầy à! Thầy nói như thế, tôi thật là không dám tin đâu!” Ồ! Bạn không tin thì thôi. Nhưng sao phải nói là không dám tin hả? Tôi cũng đâu có cưỡng ép bạn tin, tôi chỉ nói đạo lý cho bạn đề cao cảnh giác, để khỏi ngày ngày chung đụng với quỷ mà vẫn không biết.

Có người nói: “Eo ơi! Thầy mà nói như thế thì chỉ làm cho tụi con lo sợ, rồi tôi đến cũng không dám ngủ.” Thế thì dứt khoát là đừng nên ngủ nữa, mà hãy lo tu Bát-chu Tam muội là được rồi. (Là tu pháp môn niệm Phật liên tục 90 ngày, hành giả sẽ không ngủ và cũng không nằm.) Nếu tôi nói lời chân thật thì nhất định quý vị sẽ không tin, thành thử tôi ít nói chuyện thật. Vậy có phải là tôi nói chuyện giả không? Không phải đâu, lời giả lại càng không nên nói. Chúng ta ít nói lời thật, còn lời giả dù một chút cũng chớ nên nói. Nếu chúng ta nói nhiều lời thật, người ta cũng không tin.

Lại nữa, yêu ma quỷ quái cũng có thể biến thành rất nhiều loại động vật khác nhau. Quý vị còn nhớ năm 1976, khi chúng ta mới dọn đến Vạn Phật Thành lần đầu tiên không? Lúc bấy giờ, có vị cư sĩ mua được một số rùa để đem phóng sanh. Trong đó có một con bị lật ngửa, bốn chân giơ lên trời. Cư sĩ Phùng Phùng cũng có mặt tại đó. Ông thấy có một người mặc y phục màu xanh đang hướng về ông cầu cứu mạng. Ông Phùng Phùng bèn đến tận nơi quan sát, ông phát hiện ra đó là một chú rùa đang bị lật ngửa. Quý vị thấy chưa! Con rùa đó cũng có linh tánh, cho nên nó biết hướng về ông Phùng Phùng để cầu cứu mạng. Vậy mà nhiều năm qua cũng chưa có ai chú ý đến chuyện này. Nhưng từ chuyện đó thì biết rằng tất cả chúng sanh, mỗi loài đều có quyền thuộc. Đó là vật cùng loài tụ họp với nhau, khí cơ tương dẫn y theo loại mà hiển hình.

Bây giờ mọi người đang để tâm nghiên cứu Chú Lăng Nghiêm, mới biết là quỷ cũng có đủ hình đủ dạng, muôn ngàn loài khác nhau. Chúng nó đều là do cảm quả mà thọ báo, tùy theo loài mà hiện. Trong Chú Lăng Nghiêm có nêu danh nhiều vị vua của quỷ thần, trong đó có quỷ Dạ Xoa (nhanh lẹ), quỷ La Sát (kinh sợ), quỷ Thủ Hồn, quỷ Thủ Thi, quỷ Tỳ Xá Xà (hộp tinh khí), quỷ Cru Bàn Trà (làm người tê liệt, còn gọi là bóng đèn, ma đèn), quỷ Đại Thân, quỷ Điền, quỷ Xú (thối), quỷ Phú Đan Na (có mùi hôi độc), quỷ Nhiệt, quỷ Hàn, quỷ Ảnh, quỷ Âm Nhạc... Ngoài ra còn có quỷ ăn hoa, quỷ ăn nhau sanh sản, quỷ ăn thai, quỷ ăn hải nhi, quỷ ăn mỡ, quỷ ăn đèn, quỷ ăn ngũ cốc... Sự biến hóa của chúng, quả là vô cùng vô tận, vô lượng vô biên.

Trước đây khi chưa nghe Chú Lăng Nghiêm, chúng ta đâu biết có nhiều loại quỷ như thế. Nhưng sau khi chúng ta nghe rồi, mới biết là quỷ cũng có rất nhiều chủng loại. Đương nhiên quý vị so với người thì chúng nó đông hơn nhiều. Người

tao nghiệp tội thì bị đọa xuống cảnh giới quỷ, không thể tự mình thoát ra được.

Khi Phật còn tại thế, có lần Ngài hốt lên nắm đất và hỏi chúng đệ tử:

- “Các ông nói, đất trong tay ta nhiều, hay là đất trên đại địa này nhiều?”

- Đệ tử thưa: “Đương nhiên là đất trên đại địa nhiều, còn đất trong tay Thế Tôn thì rất ít.”

- Thế Tôn nói: “Chúng sanh được thân người như đất trong bàn tay ta, trong khi chúng sanh bị mất thân người như đất trên đại địa.”

Bị mất thân người như đất trên đại địa, vậy mất thân người rồi thì họ đi đâu, làm gì? Đương nhiên là đi làm quỷ! Vậy mà còn phải hỏi nữa sao? Cho nên quỷ so ra thì đông hơn người. Kể như có dùng máy điện não (computer) thống kê cũng không tính nổi, trừ phi dùng “thần não” thôi. Thần não còn gọi là “thiên não”. Có người nói: “Thầy đã phát minh ra thiên não đó hồi nào vậy?” Không phải là tôi phát minh. Nếu quý vị không tin, thì cứ lên trời xem thử. Thiên não là tự tự nhiên nhiên vẫn luôn tồn tại. Loại thiên não này không cần người quản lý, cũng không dùng tay ấn xuống bàn phím đánh chữ (keyboard). Khi quý vị muốn biết điều gì, chỉ cần khởi niệm là tự nhiên nó sẽ tính ra ngay, tư hào cũng không sai sót. Tâm quý vị nghĩ gì, nó lập tức biết liền. Bởi nó huyền diệu thông linh như thế nên tôi gọi là “THẦN”. Nhưng số lượng của quỷ e rằng dùng thần não cũng tính không xuể, bởi chúng nó quá nhiều. Hơn nữa, vừa mới tính xong là nó tăng vọt lên hàng ngàn, hàng trăm ức. Một giây khắc sau, chúng lại gia tăng thêm hàng ngàn trăm ức nữa. Do đó không cách nào tính cho chính xác được. Bởi vì quỷ cũng thoát nhiên lên trời, rồi cũng thoát nhiên xuống đất, không có cách nào để định được.

Quỷ cũng có quyền thuộc và bằng hữu. Nếu nó biết chỗ nào có ăn, nó sẽ mời bạn bè nó cùng tới ăn. Ví như loại quỷ ăn hoa, có thể hóa làm ong mật, hay bướm bướm, chúng đến đâu thì ăn nhụy hoa, uống sương hoa đến đó. Quỷ đói là do chỗ cảm nhận của quả báo, cho nên thường bị lừa đốt chẳng lúc nào ngừng. Thân thể nó cũng có lửa, bên ngoài, bên trong cũng có lửa. Lửa trong lửa ngoài giao nhau hừng hừng thiêu đốt, thống khổ khó tả. Vì sao bị quả báo như thế? Vì khi làm người lại có tánh giận dữ quá lớn, nên sau khi chết biến thành quỷ cũng chẳng được thoải mái, ngày đêm lại bị thiêu đốt, vĩnh viễn không mãn kỳ hạn, muốn trốn cũng trốn không khỏi. Nhưng

nếu chúng ăn được một ít mật hoa, sương hoa là chúng giảm bớt được chút nhiệt não nóng bức. Dù chúng có cầu được mát mẻ chỉ một giây lát thôi cũng không được. Cho nên thiện ác, nhân quả, như bóng theo hình, không bao giờ sai chạy. Quý vị! Hãy cẩn thận!

Lại có một giống quỷ chuyên ăn trái cây. Nhưng trước hết tôi xin giải thích sơ lược về bốn loại ăn (thực). Tất cả chúng sanh đều nhờ ăn để sống. Nói về ăn tức gồm có bốn loại:

**1). Phần đoạn thực:** Chúng sanh hữu tình, phàm hễ có khí huyết, hình tướng đều là phần đoạn thực. “Phần” là anh có phần của anh, tôi có phần của tôi. “Đoạn” là từng khúc, từng đoạn, hoặc là từng bữa, từng bữa. Giống như ăn sáng, ăn trưa, ăn tối, và không ăn giữa các bữa ăn, nên gọi là đoạn. Người và súc sanh đều thuộc về phần đoạn thực.

**2). Xúc thực:** Khi đụng chạm tiếp xúc là như ăn rồi. Quỷ thuộc loại xúc thực.

**3). Tư thực:** Chỉ cần nghĩ tới là no. Người cảnh trời thuộc về tư thực.

**4) Thức thực:** Ngay cả ý nghĩ cũng không cần khởi tưởng, vì cơ năng ăn uống ở trong thức thứ tám. Chư thiên ở Tứ Không Thiên thuộc về thức thực. Súc sanh đều có đồng loại với nó. Ví dụ như chim, cùng đồng loại thì chúng sống chung một cách hòa bình. Còn nếu không đồng loại, mà muốn đến nhà loài khác để làm khách thì không được, vì nhất định là chúng sẽ đánh lộn.

Chắc quý vị cũng nhớ là ở trong khu rừng Vạn Thánh Lâm tại Vạn Phật Thánh Thành, có lúc bầy bạch hạc đã đánh nhau với chim ưng đó. Năm ngoái có một con bạch hạc bị đánh trọng thương, hoặc giả cũng có thể là nó từ trên ổ cao té xuống mà bị thương. Đệ tử tôi là Tiểu Quả Đà, chú này trước kia đã từng làm bạn với nó. Có lẽ kiếp trước Quả Đà cũng là chim hạc, nhưng vì nhờ nghe được một chút kinh Phật, cho nên kiếp này nó chuyển được làm người. Điều này cũng không nhất định là vậy. Quả Đà thấy bạn chim đó đang gặp nạn nên không nỡ lòng bỏ, thế là chú bèn mang chim đến bệnh viện để chữa trị. Nhưng cả đoàn bác sĩ cũng đành bó tay, muốn giúp mà giúp chẳng được. Kết quả là chú phải trả nó về gốc cây. Mặc dù có chim bạch hạc lớn đứng canh giữ bảo hộ, nhưng cuối cùng nó cũng bị chim ưng bắt đi. Do đó chúng ta biết rằng: tất cả chúng sanh

loài nào sẽ theo giống nấy, mỗi loài đều có quyền thuộc riêng của chúng.

Trở lại đề tài chính, chúng sanh đều nhờ ăn mà sống. Thí dụ như chúng ta ăn trái cây. Khi trái cây vừa mới được hái từ trên cây xuống, nó vốn là hai trái. Ví như một trái táo (apple), nó không phải đơn thuần là một trái đầu, vì trên mặt trái táo hãy còn có một trái táo khác. Có người nói: “Tại sao tôi không thấy trái đó?” Nếu quý vị thấy được thì sẽ lên ăn nó rồi! Hai trái táo này, trong đó có một trái là cái bóng, lại cũng có thể gọi là “Tánh” của trái táo.

Cũng giống như vậy, mỗi cá nhân không phải đơn thuần là một con người, mà còn có một linh tánh tùy thân khác. Nhưng linh tánh của con người thì ẩn tàng bên trong thân thể, không bộc lộ ra ngoài. Nếu linh tánh này chạy thoát ra, nó sẽ bị yêu ma quỷ quái ăn mất.

Bất luận chủng loại nào mà biến thành người, phía sau lưng nó vẫn còn lưu lại cái bóng, đó gọi là “quỷ hồn” (con người có ba hồn bảy vía). Ví như kiếp trước người đó làm ngựa, phía sau lưng của y sẽ có bóng ngựa. Có người kiếp trước sanh làm con lừa, cho đến trâu, dê, gà, chó, hoặc là heo, phía sau lưng của y vẫn còn lưu lại hình bóng của loài đó. Người đã mở Ngũ Nhãn, nhìn qua là biết ngay: “À! Thì ra người này kiếp trước vốn là con chó!” Nhưng không phải ai ai cũng có được Ngũ Nhãn. Bởi e rằng người ta sẽ phanh phui ra hết

những vấn đề về kiếp trước của kẻ khác. Cho nên nói: “Thiên cơ bất khả tiết lậu” là vậy.

Trái cây không phải là động vật, tuy không có khí huyết, nhưng nó cũng là sanh vật. Hễ có sanh mạng tức là có tánh. Như đem trái cây cúng tế quỷ thần, quỷ thần sẽ ăn tánh của trái cây đó. Quỷ không phải là cầm trái cây để cắn ăn, mà nó chỉ cần xúc chạm rồi hút lấy tánh của trái cây, tức là đã ăn rồi. Do đó nếu ăn trái cây đã cúng quỷ thần rồi, quý vị sẽ cảm thấy không có mùi vị gì mấy.

Quê tôi thuộc miền núi đông bắc ở Mãn Châu, nơi đó có một loại gấu lớn. Nó ăn món gì cũng không cần cắn xé, tức là nó nuốt trứng nguyên con. Trên núi có mọc một loại lê, gọi là thiết đàn lê, vì nó cứng lắm. Nhưng gấu cũng không cần nhai, chỉ ngoạm trái lê một cái là nuốt ngay. Lại càng kỳ diệu hơn nữa là khi đại tiện, nó cũng cho ra nguyên trái lê, hình dáng y như lúc chưa nuốt, không chút sứt mẻ. Nhưng trái lê đó đã không còn mùi vị nữa. Bởi một khi trái lê chạy qua công xưởng hóa học (hệ thống tiêu hóa) trong thân thể con gấu, thì chất tinh hoa đã bị hút hết. Cho nên dù hình tướng vẫn còn lưu lại đó, nhưng tánh của nó đã mất rồi.

Từ điểm này chúng ta có thể hiểu được tình hình của Phật, Quỷ, Thần, ăn trái cây như thế nào. Trái cây đã cúng Phật, cũng không nên để lâu vì nó rất mau bị hư. Cũng giống như con người lúc sanh thời, linh hồn còn ở bên trong, một mai chết rồi, thì hồn lìa khỏi xác, thi thể rất mau mục thối. Trái cây nếu còn sanh tánh sẽ không chóng hư thối, nhưng khi đã bị hút mất sanh tánh tức sẽ bị hư hoại rất mau.

Trong bốn loại ăn, quỷ chỉ cần ngửi một cái, chạm một cái là đã ăn xong. Không giống như con người chúng ta, là phải cắn nhai một miếng, rồi lại phải nuốt xuống bụng, rất là phiền phức. Có người hỏi: “Làm sao thầy biết được chuyện như thế? Đó là vì kiếp trước tôi đã từng làm quỷ, cho nên ngày nay vẫn còn nhớ đó mà! Quỷ

thuộc loại xúc thực, người Trời thuộc tư thực, chư Thiên ở cõi Tứ Không Xứ thuộc loại thức thực. Nghiệp báo của mọi loài quỷ thần đều do từ các nhân duyên mà thọ cảm, nhân nào, quả nấy, gọi là: “Khởi hoặc, tạo nghiệp, thọ báo.” Vì vậy chúng ta nên biết, làm lành thì phước đi theo, làm ác thì họa theo đuổi, giống như tiếng vang của âm thanh. Thọ khổ hay cảm lạc là do tự mình tạo duyên, chớ có do ai khác đâu! Quý vị không muốn làm quỷ thì đừng tạo nghiệp làm quỷ. Hôm



Bagan nơi có hơn ba ngàn cổ tự và tháp, cũng là cổ đô của Miến Điện.

nay tôi chỉ nói một đoạn nhỏ về kiếp xa xưa tôi đã làm quỷ. Giả như quý vị không chán nghe, tương lai tôi sẽ kể cho mọi người biết lúc xưa tôi đã làm kiến, làm muỗi như thế nào, ở địa ngục như thế nào, làm súc sanh ra sao... Tôi sẽ nói hết ra, chứ chẳng giấu giếm làm gì!

Tất cả vua của quỷ thần đều có oai đức lớn. Họ có thể chém yêu quái, trừ tai họa và chế phục bọn ngoại đạo. Họ dùng pháp Chiết Phục để hàng phục tất cả bàng môn tà đạo, ma mị yêu tinh, ngư quỷ, xà thần. Phạm là những phần tử xấu, tà tri tà kiến, tà thuật tà pháp, họ đều có khả năng hàng phục hết. Họ có thể sanh thiện, diệt ác, trừ tà, phá ma. Ác ma là ví cho những kẻ không màng chi đến đạo lý. Phạm những kẻ ngang ngược không màng đến lý lẽ thì rất quái gở và hồng hách, họ đều là từ bọn ác ma chuyển thế mà thành. Quý vị có đối xử tốt với chúng bao nhiêu, chúng cũng không biết là quý vị tốt. Cho đến quý vị đem cả máu thịt mình mà hy sinh cho chúng, chúng vẫn không biết đủ, mà cũng chẳng cảm ơn vì chúng có lòng tham không đáy. Tại sao vậy? Bởi chúng đã trải qua nhiều kiếp huân tập thói ác, cho nên các ác tập đó đã trở nên thâm căn cố đế, và tánh xấu được hình thành từ sự u tối gàn dở mà chúng lại không chịu sửa đổi.

Những vị quỷ thần vương trong Chú Lăng Nghiêm thống lãnh các quyền thuộc của họ như: thiên binh, thiên tướng, thiên tào, kim cang lực sĩ... Tất cả các vị đó đều lo chân giữ khắp cả mười phương, bảo vệ người tu hành và ủng hộ làm cho đạo tràng ngày thêm hưng thịnh. Phần trên chúng ta đã nói quá nhiều về các chủng loại quỷ thần và quyền thuộc của chúng. Quý vị nên biết tất cả chúng sanh, mỗi loại cũng đều có “quỷ hồn” riêng của nó. Chó có quỷ hồn chó, mèo có quỷ hồn mèo, đại chúng sanh, tiểu chúng sanh cũng đều có quỷ hồn riêng. Tuy con người thường nói sợ quỷ, nhưng thật ra người và quỷ vốn chẳng có sự phân chia. Quý ở âm gian, người ở dương thế, nhưng âm dương vốn là một thể, không phân cao thấp, chẳng có giới hạn. Quỷ thì tham sân si nặng nề, nếu so với người thì con người có giới định huệ nhiều hơn một chút. Do đó quỷ trở thành đám âm khí, trong khi khí bẩm sinh của người và súc sanh thì tạo thành hình tướng.

Vì sao người và súc sanh có hình tướng? Đều bởi vì biết bao thứ chấp trước mới bị nhốt trong cái lồng ngũ uẩn mà trốn không khỏi phạm vi sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Lưới ngũ uẩn này làm

chướng ngại cho tự tánh của chúng ta, ví như có đám mây đen che lấp mặt trời. Thực ra âm dương vốn là một thể, nhưng nay chỉ bị từng mây ngũ uẩn phân chia mà thôi. Con người bị trận ngũ uẩn làm khốn đốn, quỷ cũng bị rừng cây ngũ uẩn làm vướng vít, cho nên ai nầy đều chìm nổi trong biển nghiệp, sanh sanh tử tử, tử tử sanh sanh. Sanh thời làm người, lúc chết biến thành quỷ. Nhưng nếu ai chịu tu hành thì khỏi phải làm quỷ. Khi tu hành thành công là họ có thể thành Phật, thành Bồ Tát, hoặc chứng quả A La Hán.

Nếu ai chịu giữ ngũ giới và tu thập thiện thì sẽ được sanh lên cõi trời làm thần. Ngũ giới là: Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ và không uống rượu. Không sát sanh là từ bi. Không trộm cắp là đạo nghĩa. Không tà dâm là chánh nhân quân tử. Không vọng ngữ là trung tín. Không uống rượu là sẽ không bị cuồng loạn. Kẻ sát sanh, đời sau lại bị quả báo oan ương đoản mạng. Kẻ trộm cắp bị quả báo bần cùng khổ sở. Kẻ tà dâm bị quả báo làm chim sẻ, chim bồ câu, uyên ương. Loài chim sẻ đều ham thích những chuyện cao xa hão huyền, bởi kiếp trước chúng chuyên có hành vi gian dâm và phá hoại đạo đức, cho nên mới có nghiệp báo hiển hiện như vậy. Tôi đã thường nói với quý vị về điều này, nhưng vẫn có người không chịu chú ý, cho nên tôi không ngần ngại gì nhấn mạnh thêm lần nữa:

Chúng ta không nên sát sanh! Tất cả chúng sanh từ vô thủy kiếp đến nay đều là cha mẹ, bạn bè, quyền thuộc của ta. Cha mẹ ta vì đời trước đã tạo nghiệp tội, kiếp này có thể bị đọa làm heo, ngựa, trâu, dê. Giả như quý vị sát hại súc vật một cách bừa bãi, tức là quý vị gián tiếp giết cha mẹ của mình vậy.

Về trộm cắp, có câu nói: “Chuyện gì mình không muốn, thì đừng làm cho người khác.” Quý vị không muốn ai trộm cắp hay cướp đoạt tài sản của quý vị, thế thì trước hết quý vị không nên trộm cắp tài sản của kẻ khác.

Về việc tà dâm, đối với luật nhân quả, phạm tà dâm là tội nặng nhất và bị trừng phạt tệ hại nhất. Đặc biệt là giữa vợ chồng, nếu hai bên đã ly hôn rồi mà lại kết hôn nữa, căn cứ vào luật nhân quả, đến lúc lâm chung, thân thể họ sẽ bị cắt ra làm hai phần. Bởi lúc sống họ đã có hai mối quan hệ, cho nên khi chết nghiệp báo mới hiện ra. Là có một cái cửa lớn, cửa cắt thân người từ trên đỉnh đầu xuống chân ra làm hai. Lúc sanh tiền đã tà dâm

bao nhiêu lần, sau khi chết cũng bị cắt chia bấy nhiêu lần. Lúc sanh tiền kết hôn trăm lần, khi chết xuống liền bị phân thành trăm mảnh, để chia từng chút một cho những ai mà họ đã có quan hệ từ trước. Thế bị phân chia như vậy thì có gì không tốt? Vì khi linh tánh đã bị phân ra từng mảnh tan vụn rồi, nếu muốn đem nó tập hợp lại tức chẳng dễ gì đâu. E rằng đến cả trăm ngàn ức kiếp cũng không trở lại được thân người. Lúc bấy giờ tánh hóa linh tàn, cùng mục rã với cỏ cây, rồi biến thành thứ thực vật thảo mộc vô tình. Một khi bốn tánh đã bị phân tán, thì không dễ gì làm chúng sanh được. Dù cho họ có làm được chúng sanh đi nữa, thì họ chỉ có nước làm loài muỗi mòng mà thôi. Ví như một thân người có thể hóa thành tám vạn bốn ngàn con muỗi, song nếu muốn tập hợp tám vạn bốn ngàn con muỗi đó trở lại thành một người, thì không dễ gì đâu. Đa số là muỗi sẽ sanh trở lại làm muỗi mới. Rồi chúng cứ trôi nổi lên xuống trong sanh tử luân hồi, mà vẫn không biết bội trần hợp giác, xả bỏ mê lầm để quay về chân chánh, nên gọi là: “Nhất thất nhân thân, vạn kiếp bất phục,” một khi mất thân người, muôn kiếp khó được lại. Nếu quý vị có thể thấm thía được ý nghĩa này, vậy làm sao mà không lo sợ cho được!

Giảng ngày 5 tháng 2 năm 1981

## **tam bộ nhất bái**

Hàng Cụ và Hàng Do

Tiếp theo kỳ trước

**Ngày 1 Tháng 12 Năm 1973. Hàng Do viết:**

**L**úc rời khỏi vùng Tiểu Hà, chúng tôi có nhận lời mời về nghỉ đêm ở trại thiền Little River Zen Farm, tọa lạc trên dãy đồi gần làng Mendocino. Vì sau buổi lễ lạy trong ngày, chúng tôi lại phải đi bộ thêm mấy dặm vào nội địa, nên khi đến nơi mặt trời đã khuất bóng. Quận nhỏ chuyên thiền Zen này có nhiều giới trẻ đang cư ngụ. Vì cách tổ chức theo truyền thống Nhật - Mỹ nên ngay trong thiền đường còn có một hệ thống giàn máy hát lớn có âm thanh nổi.

Nhiều người khi nghe đến danh từ Phật Giáo thì nghĩ là Zen. Zen này đang thịnh hành và phát triển ở Tây Phương. Thật ra Zen nguyên chữ là Zenna, được người Nhật phát âm lại từ chữ Thiên Na của người Hoa. Thiên Na hay gọi là Thiên, đã

được Trung Hoa chuyển dịch từ chữ Phạm Dhyana (Thiền-na). Thiền-na có nghĩa là làm tâm lắng tịnh, là phương pháp căn bản của người Phật tử chuyên hành thiền. Rất nhiều người cảm thấy thiền là cốt lõi chủ yếu, là trung điểm mạnh mẽ của tất cả, đã được lồng ẩn dưới danh từ Phật Giáo.

Tóm lại khởi nguyên của tông thiền là trực tiếp nối gót từ đức Phật Thích Ca mà thành. Có lần đức Phật im lặng đưa lên cành hoa của vua trời Phạm Thiên cúng dường, chỉ có đệ tử là ngài Ca Diếp thấy vậy chum chim mỉm cười. Nụ cười đó biểu hiện rằng Ngài đã hiểu ý đức Phật. Điểm chủ yếu của sự im lặng này chính là lối truyền tâm ấn tâm, đã được tiếp tục truyền từ đời này sang đời kế, từ những vị Sư Tổ chúng ngộ ở Ấn Độ. Cho đến đời thứ hai mươi tám là Tổ Đạt Ma mới mang những giáo lý cùng "Pháp Truyền Tâm Ấn" đến Trung Hoa và trở thành vị Tổ đầu tiên, cách nay đã hơn một ngàn năm trăm năm qua. Phật giáo được khai mở ở Trung Hoa và truyền thừa chân lý của đức Phật tiếp tục cho đến ngày hôm nay. Giáo lý chủ yếu của đạo Phật tiếp tục lan truyền đến các quốc gia khác là do các vị Sư ngoại quốc đến Trung Hoa thu gặt những hạt giống giác ngộ rồi đem về gieo cấy lại những giáo pháp đó trên chính mảnh đất quê hương của họ.

Mặc cho sự tàn phá của thời gian, nhưng tông thiền vẫn tồn tại. Bởi điểm cốt yếu của thiền không những chỉ tìm được qua những ảnh tượng thiêng liêng, những kinh sách hay ở những tu viện, mà nó còn ngự trị ngay trong lòng mọi người. Thật ra tông thiền này không có đặc tính gì riêng biệt để có thể định nghĩa được, nhưng tổng quát thì có bốn loại để mô tả truyền thống về thiền là:

1. Trực chỉ nhân tâm
2. Kiến tánh thành Phật
3. Giáo ngoại biệt truyền
4. Bất lập văn tự.

Một ngày nào đó khi mọi việc yên ổn, tôi sẽ trở lại vấn đề này.

**Ngày 2 Tháng 12 Năm 1973. Hàng Cụ viết:**

Hôm nay khi chúng tôi vừa đi qua khu phố nhỏ ở Mendocino, thì chủ bút tờ báo Mendocino Beacon tới nơi phỏng vấn. Đến trưa, Quả Đôn Schweig chuyên tặng chúng tôi cái lò SVEA của

Craig và Sunny Bạch ở San Francisco. Chúng tôi cùng ăn trưa trên đỉnh dốc đá cao khoảng 100 feet (hơn 30 thước), dưới ánh nắng chan hòa tĩnh lặng.

Tâm hồn tôi như bồi hồi rung động mỗi khi nhìn những làn sóng mạnh mẽ đập dội lên những cồn đá đầy phún thạch lâu năm này. Tôi thường cảm thấy kinh sợ trước cái quyền năng vô hạn, độc nhất của thiên nhiên. Không những chỉ ở đại dương, mà bất cứ ở nơi nào có sự biểu dương quyền lực vô hạn, đều làm tôi kinh sợ cả. Tôi lớn lên được xã hội dạy là xem thiên nhiên như những vật ở ngoài mình. Ở xã hội đã tập con người chỉ biết lợi dụng thiên nhiên và coi chúng như một đồ vật tách rời con người. Nhưng ngày nay phần lớn những ý tưởng đó đối với Phương Tây đang có một chuyển hướng, con người bắt đầu nhận thấy rằng thiên nhiên bên trong và thiên nhiên bên ngoài hoàn toàn chỉ là một, họ lại ít có hứng thú đến những sự việc có tính cách điều khiển bên ngoài, họ chỉ muốn an trú nơi không giao động (trung đế) mà thôi.

Để đạt tới nơi đó, theo truyền thống Phật Giáo có dạy về Tam "Vô Lậu" Học: Giới, Định, Huệ. Giới là đặt mình vào khuôn khổ kỷ luật, giống như xây đắp bờ đê bên con sông. Vì khi ta chặn giữ giòng nước đang cuộn chảy, thì lập tức năng lực của giòng nước sẽ tăng gia, cũng như khi dứt bỏ được những tập khí xấu thì sẽ phát sanh nguồn năng lực tương đương với lòng kích động. Lúc đầu có khi giống như kẻ bệnh thần kinh trầm lặng, nhưng sau một thời gian dụng công thiền định, tinh thần sẽ trở nên sâu sắc thâm diệu.

Định còn gọi là sự tập trung, có nghĩa là giữ tâm không cho chạy ra khỏi các cửa của sáu thức: nhãn; nhĩ; tỷ; thiệt; thân và ý thức. Phương pháp này phải được thực hành trong mọi thời điểm, cách tốt nhất là ngồi trong tư thế kiết già. Huệ hay Huệ vô lậu sẽ phát sanh khi ta không còn bị lúng túng hay rối loạn bởi những sự tình làm kích động, mà thường an trụ vững vàng trên mảnh đất bất động của tự tánh.

#### **Ngày 29 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Cự viết:**

Quả Hồi sau khi lạy được ba dặm thì phải trở về San Francisco. Chiều nay lúc chúng tôi đi ngang qua ngọn đồi để vào quận nhỏ Albion, thì được

bốn cậu thanh niên đến mời về tạm trú ở một thị xã vùng Thiên Chúa Giáo, tọa lạc trên dãy đồi Albion. Lúc đó trời lại bắt đầu mưa nên chúng tôi nhận lời, nhưng trong lòng tôi cảm thấy nghi ngờ làm sao. Thị xã nằm về phía tây, cách xa lộ khoảng một dặm. Vừa đến nơi chúng tôi được sự đón tiếp rất nồng hậu, lại được đưa đi tham quan đất đai chung quanh vùng của họ. Ở đây tất cả đều thuộc của chung, như vườn tược, hàng quán, kể cả những việc canh tác ruộng rẫy. Tất cả đàn ông đều để râu, tóc dài, quần áo giản dị. Đàn bà thì lặng lẽ và hòa nhã. Từng gia đình sống rải rác chung quanh khu vực, trong những túp lều nhỏ, hoặc những dãy nhà chung cư. Chúng tôi lại được dẫn đến chỗ ở của đàn ông, là một căn nhà rộng hai tầng cất bằng cây, đã có khoảng ba mươi anh độc thân đang trú ngụ. Sau khi được chỉ định chỗ ngủ, tôi lo treo máng mớ quần áo ướt và ngồi thiền cạnh lò sưởi. Thật là một lỗi lầm, vì chẳng bao lâu thì có khoảng tám người đến vây quanh và ráng khuyên tôi chuyển đạo. Thầy Hằng Do cũng ngồi kế bên cùng tôi cố giải thích, nhưng dù chỉ một lời họ cũng chẳng chịu nghe. Họ cố thuyết phục đủ mọi khía cạnh như tình cảm, tranh luận, an ủi khuyên giải, hoặc vạch bày những chứng cứ v.v.... Chúng tôi phải chịu đựng như vậy cũng khoảng hai tiếng đồng hồ, cuối cùng đành phải cắt ngang bỏ đi ngủ. Sáng hôm sau, chúng tôi thức dậy trước hơn mọi người để trở ra đường, con đường cũ thân thương.

#### **Ngày 30 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Do viết:**

Chúng tôi lễ lạy dưới cơn mưa rì rả suốt cả buổi sáng này, nên vừa vào đến làng Tiểu Hà (Little River), định tìm một nơi khô ráo để ăn trưa. Thấy có căn chòi lợp xúp bên đường trông cũng còn khá đấy, nhưng một ông từ căn nhà kế bên chạy ra ngăn cản bảo nó thuộc của tư nhân. Chúng tôi đành quỳ quả trở ra xa lộ. Bỗng nhiên cánh cửa trước nhà ông vụt mở và tiếng nói người đàn bà vọng về phía chúng tôi:

"Mấy Thầy định đi về đâu vậy, xin hãy trở vô đây uống tách cà phê mà! Thời tiết như vậy còn đi đâu được nữa chứ!"

Đó là bà Gert Dailey, mời chúng tôi vào và lo chuẩn bị bữa ăn gồm cơm gạo Louisiana và đậu. Sau đó bà và chồng là Bill mời chúng tôi ở lại nghỉ qua đêm. Họ có tất cả mười đứa con, bọn

Ai chưa từng nhận được thư mời dự lễ hằng năm của Chùa và báo Phật Pháp, muốn nhận xin liên lạc với Chùa.

chúng đều rất say mê võ công phu mà sư Hằng Cự dạy chúng. Sau đó có mấy vị Phật tử vốn là bạn của bà Daileys cũng đến cùng chúng tôi thảo luận rất lâu, hầu để củng cố thêm lòng tin. Bà Daileys còn chất đầy lương thực vào chiếc xe kéo, chúng tôi cũng chuẩn bị sẵn sàng để sớm mai lên đường.

### Ngày 1 Tháng 12 Năm 1973. Hằng Do viết:

Lúc rời khỏi vùng Tiểu Hà, chúng tôi có nhận lời mời về nghỉ đêm ở trại thiền Little River Zen Farm, tọa lạc trên dãy đồi gần làng Mendocino. Vì sau buổi lễ lạy trong ngày, chúng tôi lại phải đi bộ thêm mấy dặm vào nội địa, nên khi đến nơi mặt trời đã khuất bóng. Quận nhỏ chuyên thiền Zen này có nhiều giới trẻ đang cư ngụ. Vì cách tổ chức theo truyền thống Nhật - Mỹ nên ngay trong thiền đường còn có một hệ thống giàn máy hát lớn có âm thanh nổi.

Nhiều người khi nghe đến danh từ Phật Giáo thì nghĩ là Zen. Zen này đang thịnh hành và phát triển ở Tây Phương. Thật ra Zen nguyên chữ là Zenna, được người Nhật phát âm lại từ chữ Thiên Na của người Hoa. Thiên Na hay gọi là Thiên, đã được Trung Hoa chuyển dịch từ chữ Phạn Dhyana (Thiên-na). Thiên-na có nghĩa là làm tâm lắng tịnh, là phương pháp căn bản của người Phật tử chuyên hành thiền. Rất nhiều người cảm thấy thiền là cốt lõi chủ yếu, là trung điểm mạnh mẽ của tất cả, đã được lồng ẩn dưới danh từ Phật Giáo.

Tóm lại khởi nguyên của tông thiền là trực tiếp nối gót từ đức Phật Thích Ca mà thành. Có lần đức Phật im lặng đưa lên cành hoa của vua trời Phạm Thiên cúng dường, chỉ có đệ tử là

ngài Ca Diếp thấy vậy chum chim mỉm cười. Nụ cười đó biểu hiện rằng Ngài đã hiểu ý đức Phật. Điểm chủ yếu của sự im lặng này chính là lối truyền tâm ấn tâm, đã được tiếp tục truyền từ đời này sang đời kế, từ những vị Sư Tổ chúng ngộ ở Ấn Độ. Cho đến đời thứ hai mươi tám là Tổ Đạt Ma mới mang những giáo lý cùng "Pháp Truyền Tâm Ấn" đến Trung Hoa và trở thành vị Tổ đầu tiên, cách nay đã hơn một ngàn năm trăm năm qua. Phật giáo được khai mở ở Trung Hoa và truyền thừa chân lý của đức Phật tiếp tục cho đến

ngày hôm nay. Giáo lý chủ yếu của đạo Phật tiếp tục lan truyền đến các quốc gia khác là do các vị Sư ngoại quốc đến Trung Hoa thu gặt những hạt giống giác ngộ rồi đem về gieo cấy lại những giáo pháp đó trên chính mảnh đất quê hương của họ.

Mặc cho sự tàn phá của thời gian, nhưng tông thiền vẫn tồn tại. Bởi điểm cốt yếu của thiền không những chỉ tìm được qua những ảnh tượng thiêng liêng, những kinh sách hay ở những tu viện, mà nó còn ngự trị ngay trong lòng mọi người. Thật ra tông thiền này không có đặc tính gì riêng biệt để có thể định nghĩa được, nhưng tổng quát thì có bốn loại để mô tả truyền thống về thiền là:

Trực chỉ nhân tâm  
Kiến tánh thành Phật  
Giáo ngoại biệt truyền  
Bất lập văn tự.

Một ngày nào đó khi mọi việc yên ổn, tôi sẽ trở lại vấn đề này. (còn tiếp)

## Tô mì của người lạ

Bích Ngọc phỏng dịch

"Câu chuyện này tôi nhận được từ một người bạn ở Malaysia gửi qua email. Chuyện cũng bình thường thôi nhưng tôi chợt xúc động vì đã có lúc tôi cư xử giống như cô bé trong truyện. Tôi cũng mong câu chuyện rất thường này được đăng để may ra cô con gái lớn của tôi, người hay bỏ nhà đi sau khi bị tôi mắng, có thể đọc được".

Tôi hôm đó Sue cãi nhau với Mẹ, rồi không mang gì theo cô ùng ùng ra khỏi nhà. Trong lúc đang lang thang trên đường phố, cô mới nhớ ra rằng mình chẳng có đồng bạc nào trong túi, thậm chí không có đủ mấy xu để gọi điện về nhà.

Cùng lúc đó cô đi qua một quán mì, mùi thơm bốc lên ngào ngạt làm cô chợt cảm thấy đói ngấu. Cô thèm một tô mì lắm nhưng lại không có tiền! Người bán mì thấy cô đứng tần ngần trước quầy hàng bèn hỏi: "Này cô bé, cô có muốn ăn một tô không?"



- "Nhưng... nhưng cháu không mang theo tiền...", cô thẹn thùng trả lời.

- "Được rồi, tôi sẽ đãi cô - người bán nói - Vào đây, tôi nấu cho cô một tô mì".

Mấy phút sau ông chủ quán bung tới cho cô một tô mì bốc khói. Ngồi ăn được mấy miếng, Sue lại bật khóc.

- "Có chuyện gì vậy?" - ông ta hỏi.

- "Không có gì. Tại cháu cảm động quá!" - Sue vừa nói vừa lấy tay quệt nước mắt.

"Thậm chí một người không quen ngoài đường còn cho cháu một tô mì, còn Mẹ cháu, sau khi cháu cự cãi đã đuổi cháu ra khỏi nhà. Chú là người lạ mà còn tỏ ra quan tâm đến cháu, còn Mẹ cháu... bà ác độc quá!" - cô bé nói với người bán mì...

Nghe Sue nói, ông chủ quán thở dài: "Này cô bé, sao lại nghĩ như vậy? Hãy suy nghĩ lại đi, tôi mới chỉ đãi cô có một tô mì mà cô đã cảm động như vậy, còn Mẹ cô đã nuôi cô từ khi cô còn nhỏ xíu, sao cô lại không biết ơn mà lại còn dám cãi lời Mẹ nữa?"

Sue giật mình ngạc nhiên khi nghe điều đó.

"Tại sao mình lại không nghĩ ra nhỉ? Một tô mì của người lạ mà mình cảm thấy mang ơn, còn Mẹ mình đã nuôi mình hàng bao năm qua mà thậm chí mình chưa bao giờ tỏ ra quan tâm đến Mẹ dù chỉ một chút. Mà chỉ vì một chuyện nhỏ mình lại cự cãi với Mẹ".

Trên đường về cô thầm nghĩ trong đầu những điều cô sẽ nói với Mẹ: "Mẹ ơi, con xin lỗi. Con biết đó là lỗi của con, xin mẹ tha thứ cho con..."

Khi bước lên thêm cửa, cô thấy Mẹ đang mệt mỏi và lo lắng vì đã tìm kiếm cô khắp nơi. Nhìn thấy Sue, Mẹ cô nói: "Sue, vào nhà đi con. Chắc con đói bụng lắm rồi phải không? Cơm nước Mẹ nấu xong nãy giờ rồi, vào mà ăn ngay cho nóng..."

Không thể kềm giữ được nữa, Sue òa khóc trong tay Mẹ.

*"Trong cuộc sống, đôi khi chúng ta dễ cảm kích những hành động nhỏ mà một số người chung quanh làm cho chúng ta, nhưng đối với những người thân thuộc, nhất là cha mẹ, chúng ta lại xem sự hy sinh của họ là sự đương nhiên..."*

*Tình yêu và sự quan tâm lo lắng của Cha Mẹ là món quà quý giá nhất mà chúng ta được tặng từ khi mới chào đời.*

*Cha Mẹ không bao giờ mong đợi chúng ta trả công nuôi dưỡng, nhưng..*

*Liệu có bao giờ chúng ta biết quý trọng sự hy sinh vô điều kiện này của Cha Mẹ chúng ta không?*

## Chuyện Cái Sọt & Lòng Hiếu Thảo

Ngày xưa, ở một làng kia có một gia đình nghèo gồm ông bố già, hai vợ chồng trẻ và đứa con nhỏ. Ông bố già yếu cần được chăm sóc nhưng con trai và con dâu bất hiếu chẳng ngó ngàng gì đến nên ông thường bị đói rét. Đứa cháu trai nhỏ thấy vậy thương ông nội lắm, thường lén Cha Mẹ đem phần cơm của nó cho ông ăn.



Chư Tăng đi kinh hành ở Miền Điện

Ông bố già rất đau khổ về cách cư xử của dâu con. Ông than phiền, oán trách bao nhiêu thì họ càng khó chịu bấy nhiêu. Cuối cùng, họ bàn nhau sẽ đem ông đến một nơi thật xa rồi bỏ lại đấy. Người chồng nói sẽ mua một cái sọt to bằng tre để bỏ ông cụ vào đó mang đi. Trong lúc bàn mưu tính kế để vứt bỏ Cha, họ đâu ngờ rằng, đứa con trai bé bỏng của họ đã nghe tất cả.

Sáng hôm sau, ngay khi người cha đi chợ mua sọt,

đứa bé hỏi Mẹ:

- Mẹ ơi, tại sao Bố Mẹ lại vứt ông đi?

Người Mẹ vội vàng trả lời:

- Không, chúng ta nào có vứt ông. Con xem bố và mẹ đều bận việc suốt ngày không có thì giờ để chăm sóc ông. Do đó, chúng ta sẽ đem ông đến một nơi có người chăm sóc ông tử tế và ông sẽ được vui hơn.

Đứa bé lại hỏi:

- Nơi ấy ở đâu, Mẹ cho con biết để con đến thăm ông mỗi khi con nhớ?

Người Mẹ lắc đầu:

- Ô, nơi ấy xa lắm, con không thể biết được đâu. Chiều xuống, người chồng đem sọt về. Không muốn cho hàng xóm biết chuyện, họ đợi đến tối mới bắt đầu thực hiện.

Vừa lúc thấy Cha mang Ông nội ra khỏi nhà, đứa con trai nhỏ bèn lên tiếng:

- Bố ơi ! Khi nào xong việc bố nhớ đem cái sọt về đây nhé!

Bố nó nghe nói dừng lại hỏi:

- Để làm gì hả con?

Đứa bé ngây thơ trả lời:

- Nhà ta còn cần đến cái sọt ấy mà, vì khi bố già con sẽ đựng bố vào cái sọt ấy mang vứt đi chứ.

Nghe đứa bé nói, anh chồng bối rối, chân loạng choạng không sao cất bước nổi. Anh ta thấy hối hận, đem bố già vào nhà, và từ đây chăm sóc bố rất chu đáo.

(Theo *Truyện cổ dân gian Trung Quốc*)

# Bài học đầu tiên để làm Người

Đại sư Tinh Vân có một người đệ tử, sau khi tốt nghiệp đại học liền học thạc sĩ, rồi lại học tiến sĩ, sau nhiều năm đèn sách cuối cùng cũng đã hoàn thành luận án tiến sĩ nên vô cùng mừng vui.

Một hôm người đệ tử này trở về, thưa với Đại sư. Thưa thầy nay con đã có học vị tiến sĩ rồi, sau này con phải học những gì nữa? Ngài Tinh Vân bảo: Học làm người, học làm người là việc học suốt đời chẳng thể nào tốt nghiệp được.

- **Thứ nhất:** “Học nhận lỗi”. Con người thường không chịu nhận lỗi làm về mình, tất cả mọi lỗi lầm đều đổ cho người khác, cho rằng bản thân mình mới đúng, thật ra không biết nhận lỗi chính là một lỗi lầm lớn.

- **Thứ hai:** “Học nhu hòa”. Răng người ta rất cứng, lưỡi người ta rất mềm, đi hết cuộc đời răng người ta lại rụng hết, nhưng lưỡi thì vẫn còn nguyên, cho nên cần phải học mềm mỏng, nhu hòa thì đời con người ta mới có thể tồn tại lâu dài

được. Tâm nhu hòa là một tiến bộ lớn trong việc tu tập.

- **Thứ ba:** “Học nhẫn nhục”. Thế gian này nếu nhẫn được một chút thì sóng yên bể lặng, lùi một bước biển rộng trời cao. Nhẫn, vạn sự được tiêu trừ. Nhẫn chính là biết xử sự, biết hóa giải, dùng trí tuệ và năng lực làm cho chuyện lớn hóa thành nhỏ, chuyện nhỏ hóa thành không.

- **Thứ tư:** “Học thấu hiểu”. Thiếu thấu hiểu nhau sẽ nảy sinh những thị phi, tranh chấp, hiểu lầm. Mọi người nên thấu hiểu thông cảm lẫn nhau, để giúp đỡ lẫn nhau. Không thông cảm lẫn nhau làm sao có thể hòa bình được?

- **Thứ năm:** “Học buông bỏ”. Cuộc đời như một chiếc vali, lúc cần thì xách lên, không cần dùng nữa thì đặt nó xuống, lúc cần đặt xuống thì lại không đặt xuống, giống như kéo một túi hành lý nặng nề không tự tại chút nào cả. Năm tháng cuộc đời có hạn, nhận lỗi, tôn trọng, bao dung, mới làm cho người ta chấp nhận mình, biết buông bỏ thì mới tự tại được!

- **Thứ sáu:** “Học cảm động”. Nhìn thấy ưu điểm của người khác chúng ta nên hoan hỷ, nhìn thấy điều không may của người khác nên cảm động. Cảm động là tâm thương yêu, tâm Bồ tát, tâm Bồ đề; trong cuộc đời mấy mươi năm của tôi, có rất nhiều câu chuyện, nhiều lời nói làm tôi cảm động, cho nên tôi cũng rất nỗ lực tìm cách làm cho người khác cảm động.

- **Thứ bảy:** “Học sinh tồn”. Để sinh tồn, chúng ta phải duy trì bảo vệ thân thể khỏe mạnh; thân thể khỏe mạnh không những có lợi cho bản thân, mà còn làm cho gia đình, bạn bè yên tâm, cho nên đó cũng là hành vi hiếu đễ với người thân.

(Theo Đại sư Tinh Vân, Liên Hải dịch)

# Câu chuyện về sự Cảm kích

Tương Giang (dịch)

"Một đứa trẻ được Cha Mẹ cưng chiều và cho mọi thứ nó đòi hỏi sẽ phát triển một tinh thần "Muốn Gì Được Nấy" sẽ tự đặt mình trên hết. Nó không biết được những lao khổ của Cha Mẹ. Khi lớn lên và đi làm việc, nó giả định là mọi người đều phải nghe theo nó, và khi thành một quản lý hay giám đốc, nó sẽ không biết được những nhọc nhằn của những người thuộc cấp và luôn luôn đổ thừa họ khi có những thành quả không ưng ý."

Một cậu thanh niên có trình độ học vấn cao, thành phần ưu tú, đi xin một công việc trong ngành quản trị tại một công ty lớn. Anh qua khỏi chặng phỏng vấn đầu tiên; người giám đốc phụ trách cuộc phỏng vấn cuối cùng và sẽ là người quyết định có nên mướn cậu hay không. Ông ta khám phá ra trong học bạ của cậu thanh niên là các điểm số từ những năm trung cho đến cao học, anh thanh niên đều đạt điểm xuất sắc. Không có năm nào xuống thấp.

- Người giám đốc hỏi: "Thế anh có lãnh học bổng gì không?"

- Cậu trả lời: "Không".

- Người giám đốc hỏi: "Có phải Cha anh đã trả mọi học phí phải không?"

- Cậu thanh niên trả lời: "Cha tôi đã qua đời khi tôi vừa được một tuổi, chính Mẹ tôi là người trả học phí cho tôi".

- Người giám đốc hỏi: "Thế Mẹ cậu làm việc ở đâu?"

- Cậu thanh niên trả lời: "Mẹ tôi làm nghề giặt đồ mướn".

Người giám đốc bảo cậu thanh niên đưa hai bàn tay cho ông xem, cậu thanh niên đưa hai bàn tay ra, da dẻ mịn màng không sứt mẻ gì.

- Người giám đốc hỏi: "Thế có bao giờ cậu giúp mẹ cậu giặt giũ gì không?"

- Cậu thanh niên trả lời: "Không bao giờ, Mẹ tôi muốn tôi học hành và đọc thêm nhiều sách, và hơn nữa, Mẹ tôi có thể giặt giũ nhanh hơn là tôi làm".

- Người giám đốc nói: "Tôi có một yêu cầu, khi cậu trở về nhà hôm nay, hãy đi giúp Mẹ cậu và rửa hai bàn tay của bà, và hãy đến gặp tôi vào sáng ngày mai".

Người thanh niên cảm thấy cơ hội được việc làm của cậu gần như chắc chắn, khi về đến nhà cậu

vui sướng muốn gặp Mẹ để rửa tay cho bà. Người Mẹ của cậu lấy làm lạ, vừa sung sướng nhưng cũng hơi sợ hãi, bà đưa hai bàn tay ra cho con.

Cậu con trai rửa hai bàn tay của Mẹ một cách chậm rãi. Trong khi rửa bàn tay của Mẹ, những giọt nước mắt rơi xuống. Đây là lần đầu tiên cậu khám phá ra bàn tay Mẹ thật nhăn nhúm, và có nhiều vết trầy xước sâu trên da. Có vài vết thương đã làm bà đau đớn đến nỗi phải run lên khi bàn tay nhúng vào nước.

Đây là lần đầu tiên cậu thanh niên nhận ra và cảm nghiệm được rằng chính đôi tay này đã giặt giũ mỗi ngày để kiếm tiền nuôi mình ăn học. Những vết thương trên bàn tay là cái giá Mẹ anh phải trả để cho anh tốt nghiệp đại học, để đạt được những điểm cao trong các kỳ thi cử, và có lẽ cả tương lai

về sau của cậu đã tùy thuộc vào hai bàn tay này. Sau khi rửa xong hai bàn tay của Mẹ, cậu thanh niên lẳng lặng giặt tiếp cho Mẹ những quần áo còn lại. Đêm ấy hai Mẹ con nói chuyện với nhau thật lâu.

Sáng hôm sau cậu lại đến văn phòng

gặp người giám đốc. Thấy những giọt lệ long lanh trong đôi mắt của cậu thanh niên, ông hỏi: "Anh có thể thuật tôi nghe những gì anh đã làm và học được tại nhà ngày hôm qua hay không?"

- Cậu thanh niên trả lời: "Tôi rửa tay cho Mẹ tôi và giặt số quần áo còn lại cho Mẹ tôi".

- Người giám đốc nói: "Anh vui lòng kể tôi nghe cảm tưởng của anh như thế nào?"

- Cậu thanh niên nói: Điều thứ nhất: tôi đã hiểu thế nào về sự cảm kích; không có Mẹ tôi thì đã không có một thanh niên thành công trong học vấn như tôi ngày hôm nay.

- Điều thứ hai: tôi đã biết làm việc chung với mẹ tôi ra sao, rất khó khăn để có thể hoàn tất một công việc.

- Điều thứ ba: tôi đã hiểu tầm quan trọng và sự thiêng liêng của những quan hệ gia đình.

- Người giám đốc nói: "Đấy chính là điều tôi đòi hỏi. Tôi muốn mướn một nhân viên biết cảm kích về sự giúp đỡ của kẻ khác, một người có thể cảm thông được những nhọc nhằn mà người khác trải

### **Hành hương chiêm bái Miến Điện từ ngày 13/11 đến 26/11/2011**

Chương trình hành hương có chút thay đổi, vì nhiều người đã từng đi hành hương Ấn Độ rồi, nên kỳ này ít người đi lại Ấn Độ, nên chỉ tổ chức đi hành hương Miến Điện 2 tuần lễ. Từ ngày 13/11 đến 26/11/2011. Ai đi hành hương xin liên lạc về Chùa để ghi danh. Thời hạn chốt ghi danh là ngày 30/07/2011. Hoặc các vị có thể xem trên trang nhà: [chuakimquang.com](http://chuakimquang.com)

qua để hoàn thành công việc của họ, một người không theo đuổi tiền bạc như một cứu cánh duy nhất của cuộc đời, và như vậy mới đúng là người quản trị mà tôi đòi hỏi. Bạn đã được chấp nhận vào công ty !"

Về sau, người thanh niên trẻ này làm việc rất siêng năng và được sự nể nang của thuộc cấp. Mỗi nhân viên đều chuyên cần làm việc trong tinh thần đoàn kết, do đó công ty đã có nhiều thành quả tiến triển vượt bậc. Một đứa trẻ được Cha Mẹ cưng chiều và cho mọi thứ nó đòi hỏi sẽ phát triển một tinh thần "Muốn Gì Được Nấy" sẽ tự đặt mình trên hết. Nó không biết được những lao khổ của Cha Mẹ. Khi lớn lên và đi làm việc, nó giả định là mọi người đều phải nghe theo nó, và khi thành một quản lý hay giám đốc, nó sẽ không biết được những nhọc nhằn của những người thuộc cấp và luôn luôn đổ thừa họ khi có những thành quả không ưng ý.

Đối với những hạng người này, có thể họ đạt thánh quả cao về học vấn, thành công trên đường đời một lúc, nhưng không thực sự cảm thấy thỏa mãn trong sự

nghiệp của mình, họ sẽ lầm bầm và đầy sự ganh ghét, và họ sẽ tranh đấu để dành lợi lộc nhiều hơn. Nếu chúng ta là loại Cha Mẹ cưng chiều con, chúng ta đã thực sự yêu nó hay vô tình phá hủy cuộc đời của một đứa trẻ?

### **Chương trình Chùa Kim Quang sẽ cung nghinh xá lợi Phật 3 ngày , từ ngày 07/10 đến ngày 09/10/2011**

#### **Thứ sáu 07/10/2011.**

- 16 giờ 30: Chư Tôn Đức và Phật tử tề tựu.
- 17 giờ 00: Cung Nghinh Xá Lợi Phật:
- Đoàn múa lân, múa rồng bắt đầu.
- Ba hồi chuông trống.
  - Diển văn khai mạc, giới thiệu thành phần tham dự.
  - Hoà Thượng ban đạo từ.
  - Khoá lễ (ngăn) cung nghinh Xá lợi.
  - 18 giờ 30: Chiêm bái, đảnh lễ, đội xá lợi.
  - 19 giờ 30: Dược thực, dùng nước.
  - 22 giờ 00: Chỉ tịnh.

#### **Thứ Bảy 08/10/2011.**

- 05 giờ 00: Khoá lễ sáng.
- 07 giờ 00: Điểm tâm.
- 09 giờ 30: Chiêm bái, đảnh lễ, đội Xá Lợi.
- 12 giờ 00: Thọ trai.
- 13 giờ 00: Chiêm bái, đảnh lễ, đội xá lợi.
- 15 giờ 00: Thuyết pháp (chư Tăng).
- 18 giờ 00: Dùng nước, dược thực.
- 19 giờ 00: Tụng Phẩm Niết Bàn.
- 20 giờ 00: Thuyết Pháp (chư Tăng).
- 22 giờ 00: Chỉ tịnh.

#### **Chủ Nhật 09/10/2011.**

- 05 giờ 00: Khoá lễ sáng.
- 07 giờ 00: Điểm tâm.
- 09 giờ 30: Chiêm bái, đảnh lễ, đội Xá Lợi.
- 10 giờ 45: Thuyết pháp (chư Tăng).
- 12 giờ 00: Thọ trai.
- 13 giờ 00: Chiêm bái, đảnh lễ, đội Xá Lợi.
- 15 giờ 00: Thuyết pháp (chư Tăng).
- 18 giờ 30: Lễ bế mạc.
- 19 giờ 30: Kết thúc.

Chương trình có thể tùy nghi một vài thay đổi.

Bạn có thể cho con bạn sống trong một căn nhà rộng, ăn những bữa ăn ngon, học đàn dương cầm và xem một máy TV lớn. Nhưng khi bạn ra sân caddy, hãy để cho con bạn nhúng tay vào để biết sự cực nhọc khi phải làm việc ấy. Sau bữa ăn hãy để nó tự rửa lấy chén bát cùng với anh chị em của nó. Đó không phải vì bạn không đủ tiền mướn người giúp việc, nhưng chỉ vì bạn yêu con bạn đúng cách. Bạn muốn chúng hiểu rằng dù Cha Mẹ chúng có giàu đến bao nhiêu, nhưng một ngày kia tóc cũng điểm hoa râm trong mùa thu của cuộc đời giống như người Mẹ của cậu thanh niên kia.

Điều quan trọng nhất là con của bạn phải biết cảm kích những lao khổ của người khác và phải từng trải qua những khó khăn của cuộc sống. Và nó phải học hỏi để có một khả năng biết làm việc chung với

những người khác hầu đạt được thành quả cho những đề án nào đó.

# Vie et œuvre prédicante du Vén. Maître Hsuan Hua

Traducteur en français: Ly Thi Minh Nguyet

la suite

## 8. Tout n'est que pure épreuve.

« Un jour, j'ai découvert par hasard le Sutra des Vœux du Boddhisattva Tsitigartha. A la première lecture, j'étais émerveillé sachant que ce Boddhisattva, plein de compassion, s'intéressait aux êtres vivants mais ceux-ci ne s'en rendaient pas compte ». C'est pourquoi le Vénérable Hsuan-Hua formulait le vœu comme quoi tous les jours il se prosternerait devant Boddhisattva Tsitigartha et réciterait le Sutra de ce Boddhisattva. Chose jurée chose due. Le plancher de la salle de culte était en ciment gros, la surface rugueuse. Il n'avait pas de coussin, son pantalon était en tissu mince. Tous les jours, il s'agenouillait sur ce plancher dur, rugueux, pendant 2 heures pour réciter le Sutra du Boddhisattva Tsitigartha. Plus il récitait, plus il se sentait émerveillé, sans se rendre compte que ses genoux s'enflaient et saignaient. Ainsi, tous les jours, à genoux devant l'autel du Bouddha, il récitait de tout son cœur le Sutra du Boddhisattva Tsitigartha.

Une fois, il y avait un fidèle bouddhiste qui venait à la pagode pour porter des offrandes au Bouddha et voyant le Vénérable en train de pratiquer la récitation, il en fut rempli d'admiration et le félicita auprès des autres moines :

- « Regardez comment pratique ce moine. Quel courage ! Quelle performance ! »

Après le départ de ce dernier, tous les moines de la pagode se rassemblèrent et l'insultèrent :

- « Vous voulez faire la démonstration de votre pratique ? Ce n'est que du cinéma ! »

Sans aucun mot pour se justifier, seulement dans sa tête, tout ce qu'il voulait c'était : réciter les Sutras.

A partir de ce moment survinrent plusieurs incidents insensés et sans raison. Avant sa récitation, certains vinrent lui crier : « Oh ! Ce n'est que du pur cinéma ». Après sa récitation, ils se moquèrent de lui : « Regardez-le, il a terminé sa récitation. Vous savez ? Il a seulement fait semblant de réciter ». Tous les jours ils le harcelèrent avec des propos provocants ; mais armé

de patience, il ne répondait pas. Plus de 100 jours passèrent, le vrai obstacle démoniaque arriva. Un jour, après sa séance de récitation du Sutras, un moine plus âgé que lui vint le frapper en plein visage. Surpris par cet acte de violence, il n'osa pas lui demander la raison. Après l'avoir frappé, ce dernier lui cria :

- « Qui êtes-vous ? Pendant que tout le monde s'investit dans les activités de la pagode, tandis que vous, vous vous réfugiez ici, vous faites semblant de réciter les Sutras, mais en réalité, vous êtes fainéant, vous vous cachez ici pour vivre en paix, vous voulez seulement vous exhiber devant les fidèles. Dans cette pagode, il n'y a pas de place pour vous. Quels mérites avez-vous pratiqués pour vous permettre de rester dans cette pagode ? »

A partir de ce jour, il arrêta sa récitation des Sutras. Pratiquer la Voie n'est vraiment pas facile. Les obstacles démoniaques surviennent constamment sur le chemin du pratiquant. Dès que celui-ci obtient quelque mérite, le démon se présente pour tester sa force spirituelle méditative. Depuis le début de sa vie monastique, le Vénérable avait déjà pratiqué dans de mauvaises circonstances. Mais il n'avait jamais perdu courage et s'efforçait constamment à surmonter ses obstacles, quels qu'ils soient, et progressait jusqu'à aujourd'hui.

## 9. La force spirituelle méditative vaint le démon.

A 16 ans, il était parvenu à la perfection dans la méditation du Dhyana. A 19 ans, la nuit du 29 décembre, le Vénérable a fait un rêve. Dans ce rêve, il entra dans une petite chaumière ; dans le coin du Sud il y avait un vieil homme et 2 vieilles femmes. Au Nord, il y avait une femme jeune, d'une beauté extrême, élégamment vêtue, portant un bébé d'environ 1 an et assise sur un lit. Dans le coin à l'Est, il y avait l'unique bougie posée sur une malle en bois. A l'aide de sa main, la jeune femme éteignit la bougie et s'adressa à lui :

- « Cette nuit encore, il ne rentre pas à la maison ! »

La bougie éteinte, d'un pas rapide, elle se dirigea vers le Vénérable, ouvrit ses bras et l'enlaça. Connaissant la mauvaise intention de cette dernière, haussant la voix, il cria :

- « Qu'est-ce que vous faites ?! »

Il répéta plusieurs fois cette question. Pas de réponse. Il savait qu'il s'agissait des démons ou des fantômes. Sinon, pourquoi elle n'en avait pas honte. Alors, il se mit à réciter à haute voix : « Namô Boddhisattva Avalokitecvara ! Je vous en prie, aidez-moi ! Venez me sauver ! ». Grâce à la bénédiction du Boddhisattva, dès qu'il finit la prière, il se réveilla et se rendit compte qu'il venait de traverser un cauchemar.

Ce qui fut étrange était que les parties de son corps touchées par le démon lui faisaient mal pendant une semaine avant de disparaître complètement. A entendre cette histoire, tout le monde se sentait stupéfait et effrayé à la fois car on ne savait si cela était une histoire vraie ou imaginée. Après cet événement, le Vénérable enseignait à ses disciples que tout n'est que pure épreuve pour tester notre force spirituelle méditative. Si nous n'étions pas éveillés, si nous nous laissions entraîner et tomber dans des pièges, nous perdrons tous nos mérites d'avoir tant pratiqué.

#### **10. L'accomplissement des bienfaits dans la joie.**

Durant ses études, il participait à des Associations Bouddhistes, bienfaites ou de conduites vertueuses. Les études terminées, il s'investissait corps et âme dans l'accomplissement des bienfaits, non seulement en créant des écoles gratuites, mais en plus, il nommait le corps enseignant et subvenait aux besoins des plus démunis, des pauvres, des misérables.

A 16 ans, participant à une « Association de Conduites vertueuses », il prêchait le Bouddha Dharma à un groupe de 60 à 70 personnes dont la plupart était d'âge moyen (plus de 40 ans).

Dans son enseignement, il utilisait d'habitude les méthodes simples, faciles à comprendre. Par exemple l'histoire « de consommer la peau des patates ». Très souvent, les participants de l'Association, en prenant le déjeuner sur place, refusaient de manger des patates sans éplucher. Auparavant, il avait enseigné qu'un pratiquant bouddhiste devrait manger ce que les autres ne peuvent pas manger, faire ce que les autres ne peuvent pas faire. Et l'important c'était d'appliquer cette théorie d'un cœur absolument sincère. Toutes ces paroles enseignées n'étaient pas entrées dans les oreilles des participants car n'y ayant pas fait attention, ils ne les avaient pas écoutées.

Un autre jour, certains participants prenaient le déjeuner sur place avec des patates. Comme d'habitude, ils crachaient les peaux des patates partout dans la maison. Le vénérable prit un bol, ramassa toutes ces peaux éparpillées par terre, s'assit et les mangea. Voyant cela, les participants se sentaient extrêmement gênés car c'était leur maître qui mangeait les peaux qu'ils avaient jetées. C'était à ce moment-là qu'ils ont compris le sens profond de la leçon qu'il a donnée à propos de : « manger ce que les autres ne peuvent pas manger ». Ils s'en repentirent et changèrent complètement cette mauvaise habitude.

Tous les villageois et les participants de l'association le respectaient et l'admiraient tellement pour sa piété filiale et sa conduite vertueuse qu'ils le nommaient : chef de l'association de bienfaites, d'interdiction d'alcool, de drogue. A l'époque, il avait un ami nommé Thiêu, sous-chef de l'Association. Celui-ci avait souvent conseillé aux autres de suivre la désintoxication d'alcool et de drogue ; pourtant, lui-même avait enfreint le précepte d'alcool sans que personne ne sache pourquoi. Tous les participants de l'association lui ont conseillé d'arrêter mais il refusait d'obéir. Apprenant cela, le Vénérable déclara :

- « Je m'efforcerai de lui conseiller d'arrêter de boire, et si je n'y arriverai pas, je me tuerai et je jurerai de ne plus revenir en ce monde rempli de souillures ».

C'étaient cette sincérité du fond du cœur et cette ardeur qui avaient changé son ami. Celui-ci, touché par cette grandeur d'âme de la part d'un ami qui était prêt à se sacrifier pour le sauver, arrêta immédiatement de boire et se repentit d'avoir pêché, ce qui lui a permis de reprendre sa fonction dans l'Association.

Seule une personne vertueuse arrive à pousser les autres à observer la morale. Or, le Vénérable était le premier qui observait scrupuleusement les principes moraux et qui s'investissait de toutes ses forces, sans repos, sans fatigue, dans la construction des écoles, des salles de réunions gratuites destinées à des conférences à propos des dangers causés par l'alcool, le tabac et la drogue.

#### **11. Insensible à la beauté féminine.**

Cette histoire se passait pendant qu'il occupait le poste de directeur de l'Association de conduites vertueuses dans le village de Song-Thành, de la ville de Lạc-Lâm. Assis au pied d'un arbre, il lisait les mémoires des grands hommes, arrivé au chapitre où Trương-Giám-Lý respectait la vertu tout en s'éloignant de la beauté féminine, il en fut si touché qu'il formulait tout de suite le vœu suivant : « Que le Ciel là-haut soit témoin : à partir de ce jour, je jure de suivre le brillant exemple de monsieur Trương ».

Généralement, quand un pratiquant commence à s'investir entièrement, il rencontre souvent sur son chemin des épreuves. Cette nuit-là, justement, une jeune femme d'une beauté exquise, pénétra furtivement dans son bureau, se servit de sa beauté, de sa fortune, pour séduire le Vénérable. Celui-ci garda son calme, l'esprit lucide, il pensa : « Il est possible que cette jeune femme soit envoyée par le Ciel là-haut pour tester ma sincérité, ma loyauté. Aussi, je dois me mettre à réciter le nom du Bouddha de tout mon cœur ». Comme la jeune femme continuait son jeu de séduction, d'un air sérieux, il lui posa la question suivante :

- « Etant un membre de l'Association, vous devriez connaître le principe de Causalité. Alors, selon cette loi, vous voulez monter dans le Ciel ou descendre en Enfer ? »

- « Il est naturel que je veuille monter dans le Ciel ».

- « Donc n'agissez pas de cette façon, sinon, il est certain que vous irez droit en enfer ».

Devant une personne d'une droiture aussi imposante et majestueuse, la jeune femme se sentit honteuse et s'en alla silencieusement. (à suivre)

# L'argent

Vén. Maître Hsuan Hua  
Traducteur en français: Ly Thi Minh Nguyet

**A**ujourd'hui, nous allons aborder un sujet (un dharma) spécial. De quel dharma s'agit-il ? Le Dharma d'argent. Pourquoi dit-on que l'argent est malpropre ? Observez un peu. L'argent est la chose la plus sale au monde. Car la plupart

des gens, avant de compter leur argent, mouillent leurs doigts avec leur salive. Or dans la salive existent une multitude de microbes. Ils oublient que ces billets de banque ont déjà été mouillés par la salive de combien de personnes, qu'ils contiennent combien d'espèces de microbes contagieux. On peut en déduire que plus ces billets ont été comptés, plus ils sont sales. Néanmoins, il y en a qui chérissent leur argent plus que leur propre vie ; tout en sachant qu'il est sale, ils s'y enfoncent quand même. Il y en a d'autres qui, par cupidité d'argent, sont prêts à s'y sacrifier sans hésitation, aucun regret. Ce qui prouve combien est grande la force démoniaque de l'argent.

Les Chinois, quand ils inventaient les caractères chinois, étaient extrêmement prudents, y consacraient beaucoup d'énergie pour les former. En général, chaque caractère chinois appartient à l'une des six catégories suivantes : l'image, le sujet ou l'objet, le fond, le son ou la forme, la transmission phonétique, la prononciation. Chaque caractère chinois ne doit pas s'éloigner de ces six catégories. Par exemple : le mot « Argent » (錢) appartient à la catégorie « Fond ». Il est formé du mot « Métal » (金) et de deux sabres recourbés (戈).

A propos de l'argent, il existe un verset disant :

« Deux adversaires se battent pour de l'argent, leur esprit meurtrier monte au plus haut point »

C'est-à-dire :

« Combien de gens en souffrent, s'en tourmentent. Sachant l'utiliser, il nous éloigne des trois mauvais sentiers, ne sachant pas l'utiliser, impossible de ne pas commettre des péchés ».

Le verset veut dire ceci : On utilise du métal pour forger de l'argent. Les deux sabres recourbés représentent deux adversaires se battant pour de l'argent, leur esprit meurtrier monte au plus haut jusqu'au ciel bleu. A cause de l'argent, beaucoup de gens souffrent, se tourmentent. Sachant l'utiliser, l'argent nous permet d'accomplir de bonnes actions profitant à nous-mêmes et aux autres, nous aidant à sortir des trois mauvais sentiers et à mettre fin au cycle de réincarnations. Ne sachant pas l'utiliser, il nous entraîne dans des mauvais chemins, nous poussant à commettre de

mauvaises actions, créant ainsi de mauvais karmas qui nous plongent éternellement dans les trois mauvais mondes, sans aucune chance de nous en sortir. Il faut donc que vous sachiez que l'argent représente un danger pour l'homme, que vous ne devriez pas trop en vouloir.

Pourquoi nous convertissons-nous ? Parce que nous ne nous attachons pas à la fortune, ni à la beauté, nous les considérons comme Néant. En plus, à chaque instant, à travers tous nos faits et gestes, nous pratiquons l'introspection, maîtrisons notre esprit, ne le laissons pas vagabonder ailleurs. Au fil des jours, des années, notre esprit se purifie, devient limpide comme un miroir, nous comprendrons clairement le bien et le mal. Nous pourrions alors sortir des trois mauvais mondes et mettre fin au cycle de renaissances. C'est le vœu fondamental et le plus cher de tout extra-mondain. Si nous n'arrivons pas à nous détacher de la fortune et de la beauté, nous trahirions à jamais notre vœu de conversion.

L'homme du monde, à force de travailler, de chercher par tous les moyens pour gagner, stocker le maximum d'argent afin de laisser à leurs enfants, oubliés de vivre, il ne sait pas que : laisser de l'argent aux enfants c'est leur apporter des dangers. Par contre, ne laisser pas de l'argent aux enfants c'est leur épargner toutes sortes d'ennuis. Car si les enfants sont plus qualifiés que leur père, à quoi bon leur laisser de l'argent, ils n'en ont pas besoin. De même, s'ils sont moins qualifiés que leur père, il ne faut pas laisser trop d'argent à leur disposition, car, que ce soit fille ou garçon, s'ils sont supérieurs à leur père, ils pourront gagner leur vie, ils n'auront pas besoin de son argent. Par contre, s'ils ne sont pas aussi qualifiés que leur père, leur laisser de l'argent ne fait que les encourager à ne pas travailler, à fréquenter les bars, à se lancer dans des jeux des divertissements, des débauches. Vous ne seriez pas en train de nuire à vos enfants ? (si vous laissez beaucoup d'argent à leur disposition). Aussi, je vous conseille d'utiliser votre argent pour accomplir de bonnes actions, aider vos prochains afin de bénéficier d'immenses bénédictions.

En tant que moines, nous devons, non seulement, nous détacher de la fortune et de la beauté, mais empêcher la moindre pensée illusoire d'effleurer notre esprit. Dans nos moindres faits et gestes, nous devons maîtriser nos illusions. Comment faut-

il les maîtriser ? Il n'existe qu'une seule méthode : réciter le nom du Bouddha ou Le Mantra. En diminuant une parole vous augmentez une récitation du nom du Bouddha. Progressez, récitez ainsi jusqu'à ce que vous vous communiquiez avec Bouddha ; vous seriez alors éveillé et obtiendriez la Sagesse. Ceci a été illustré par cette phrase : « Détruisez toute illusion pour que revive le Corps du Dharma ». De ce fait, un bon pratiquant bouddhiste, à chaque instant, doit se contrôler, graver dans son esprit le mot : « impermanence », pas de relâche, ne jamais se laisser aller. Retenons bien ces phrases dans notre tête, en guise d'avertissement. Un jour nous nous éveillerons naturellement. Pour l'instant, j'espère que vous observiez sérieusement les préceptes, c'est mon seul et unique vœu.

Voici deux sentences traduisant parfaitement cette Sagesse : « Un coq enfermé dans une cage, peut se nourrir, à sa guise, des grains, de l'eau mis à sa disposition. Mais quand il aura grandi et grossi, on le jettera dans la marmite servant de nourriture à l'homme. Une grue sauvage, quoiqu'elle n'ait pas de grains, de l'eau à sa disposition, mais elle peut bénéficier de l'immensité du ciel et de la terre, indépendante, libre d'agir à sa guise, aucun contrôle, aucun attachement. Quelle existence paisible, agréable et satisfaisante !

En tant que moines, nous devons prendre le ciel et la terre pour abris, les quatre océans pour demeures, nous ne devons pas avoir nos propres domiciles. Car si nous possédions une pagode, nous nous y attacherions, ensuite viendraient des recherches, des désirs ainsi, nous irions à l'encontre du Bouddhadharma. Ce qui explique la phrase : « On part d'une petite erreur et on aboutit à un gros péché ». C'est aussi le sens de la phrase : « Une petite erreur au départ vous éloigne du droit chemin d'un millier de miles ».

Un Vénérable Méditateur a déclaré ceci : « L'an dernier, j'étais pauvre, pourtant, j'avais encore une petite parcelle de terre pour camper ; cette année, je suis si pauvre que je n'ai plus rien pour camper ». Quelle pensée libératrice extraordinaire ! merveilleuse ! inimaginable ! Nous devrions suivre son exemple ; en dehors du bol à mendier et trois bouts de tissus servant de robes, nous ne désirons plus rien. L'argent est



une chose matérielle, extérieure de notre corps, nous n'en avons pas apporté à la naissance, nous n'en emporterons pas à la mort. C'est pourquoi, si nous avons de l'argent, nous devrions l'utiliser pour accomplir de bonnes actions comme par exemple : faire imprimer, ne serait-ce qu'un petit livre afin de propager le Bouddhadharma, les bénédictions que nous récolterons, seront incommensurables, en comparaison au fait de construire nos propres pagodes ou propres stupas.

Une personne éveillée ne s'attache à rien, elle est lavée de toute souillure. De quoi se souille-t-elle ? De cupidité de fortune et de passions de beauté. Si elle s'attache à ces souillures elle ne pourra pas les anéantir, les détruire. Si nous ne voulons pas nous imprégner de ces souillures, il n'existe qu'un seul moyen : détruire les deux portes « fortune et beauté ». A ce moment-là, n'importe quel endroit dans l'univers infini sera notre demeure. En tant que moines, nous devons nous rappeler ceci : la clé de la réussite réside dans le danger de ces deux portes : fortune et beauté. Si nous arrivions à les détruire, nous ne nous attacherions plus à rien. Les gens disent souvent en ironisant : « Les moines n'aiment pas l'argent, néanmoins, plus ils en ont, mieux ils se portent ».

Nous autres moines, nous devrions examiner notre conscience pour voir si nous avons cette pensée. Si oui, nous devrions nous corriger ; et si nous n'en avons pas, nous devrions tâcher de l'éviter. J'espère que vous devriez vous mettre en garde, subvenir à vos besoins, vivre selon les conseils du Vénérable Méditateur Bách-Trương qui disait : « Un jour sans travailler est un jour sans manger ». Si tout le monde agit de cette manière, les gens cesseront d'ironiser en disant que : « les moines sont les mites du riz ».

A la pagode Kim-Son, certains moines reconnaissent que l'argent est sale. De ce fait, ils observent rigoureusement le précepte de ne pas en garder. Plus précisément, ils jurent de ne jamais y toucher, ne jamais en avoir de relations. Je vais vous raconter une histoire qui existait réellement dans cette pagode. J'avais un disciple qui était fils unique d'un milliardaire. Ce fils unique, non seulement, refusait la fortune de son père, mais également la jeune fille que son père lui a présentée. Il s'est rendu à la pagode, et demandait à se faire moine. C'est pourquoi, je lui ai donné le nom bouddhiste : Hăng-Không (Néant permanent).

Un jour, son père lui a téléphoné pour lui demander s'il avait besoin d'argent. Il voulait lui en envoyer, mais il a refusé. Les gens disaient que : c'était l'acte le plus stupide au monde. Il observait rigoureusement le précepte de ne jamais toucher à l'argent ; ce qui était vrai, car il n'avait jamais, même un sou, dans sa poche. Celui qui est dépourvu de cupidité d'argent et de célébrité ne se souille jamais. Tous ceux qui adoptent le même concept parviendront certainement et sûrement au bon résultat.

Conférence du 10 Octobre 1980

# La pratique d'Abnégation

Vén. Maître Hsuan Hua

Traducteur en français: Ly Thi Minh Nguyet

**V**ous devriez savoir que votre maître (que je suis) a toujours été dur, sévère envers vous, jamais tendre, ni gentil, à tel point que vous arriviez parfois à en verser des larmes, à vous en baver. Aujourd'hui, permettez-moi de vous raconter comment ai-je fait pour en arriver là.

A seize ans, j'ai commencé à enseigner le Sutra du Prajna. Dans le Sutra, Bouddha racontait l'histoire d'un Saint qui pratiquait le dharma d'abnégation. Malgré la cruauté causée par le roi Ca-Lõi qui lui avait coupé tous ses membres, le Saint n'éprouvait aucune haine envers le roi. Après avoir lu cette histoire, je me suis mis à formuler le vœu de suivre son exemple et pratiquer le Dharma d'Abnégation.

Je savais que, de nature, j'étais très nerveux, têtu, obstiné, récalcitrant, c'était la raison pour laquelle la pratique d'abnégation me convenait le mieux. Une fois le défi lancé, survinrent, en grande quantité, de tous les côtés, toutes sortes d'épreuves, d'expériences. Il existe des gens qui, auparavant, ne m'avaient jamais insulté, se mirent à m'insulter ; d'autres à me battre alors qu'auparavant, ne m'avaient jamais battu. Les amis qui, jusqu'à présent, étaient très gentils avec

moi, commencèrent à me détester, à me critiquer. Tout cela m'emmenait à réfléchir de la façon suivante : « Je prêche le Sutra du Prajna aux gens. Or dans le Sutra, il a été dit qu'un Saint dont on a sectionné tous les membres, n'éprouvait pourtant aucune haine, aucune colère contre son agresseur. Aujourd'hui, tous ces gens qui m'ont insulté, battu, critiqué, néanmoins, ne m'ont pas encore coupé mes membres, si je n'arrivais pas à endurer ces souffrances, comment pourrais-je encore prêcher le Sutra du Prajna ? »

C'est pourquoi, j'ai décidé de pratiquer l'Abnégation. A partir de ce jour, quoiqu'on me traite, qu'on veuille me nuire, même me tuer, j'endurais tout. Résultat, mon entourage n'arrivait plus à me troubler. En réalité, ces gens ne voulaient pas me nuire, mais au contraire, ils voulaient m'éduquer, me tester pour voir si j'arrivais à supporter toutes ces épreuves. Quelqu'un m'insultait, je me tournais vers lui, m'inclinai et me prosternai devant lui. S'il me battait, je me couchais par terre et m'endormais tout de suite devant lui. Auparant, devant toutes ces méchancetés, je m'emportais facilement, je perdais mon sang-froid et me mettais en colère. Cela s'empirait encore lors de ma conversion. A la pagode, les moines bouddhistes n'arrêtaient pas de tourner autour de moi, se moquaient de moi. Ils étaient nombreux. Certains s'étaient convertis avant moi, d'autres après moi. Ils étaient à ma gauche, à ma droite, ils m'entouraient. Pour eux je n'étais moins que rien. Ils me considéraient comme la brebis galeuse, tous voulaient m'opprimer. L'un d'entre eux, me voyant brûler un bâtonnet d'encens, me montrant du doigt, s'est mis à m'insulter à haute voix : « Quel genre de moine êtes-vous ? Incapable de brûler une baguette d'encens, espèce d'abruti ! Comment osez-vous prétendre être moine ? »

A cet instant, je me mis à réfléchir : « Ah ! Voilà une nouvelle épreuve pour me tester ! Dans le passé, un Saint démembré par le roi, n'a éprouvé, pour autant, ni haine, ni colère. D'autant plus qu'aujourd'hui, je ne suis pas dans ce cas. Parfait, je vais me prosterner devant lui ». Sitôt dit, sitôt fait, je me mis à m'agenouiller et me prosterner devant lui, en guise de remerciement pour m'avoir aidé à pratiquer l'abnégation. Qu'il soit moine ou simple adepte, quelle que soit la manière dont il m'a traité, je n'éprouvais, à leur égard, aucune colère, aucune haine. Et, à chaque fois que je réexaminais mon passé, je me disais : « Il est certain que, dans le

passé, je ne leur avais jamais apporté d'aide, par contre aujourd'hui, ils me viennent en aide, donc, il est naturel que je les remercie »

Maintenant, j'espère que vous avez bien compris, votre maître était ce moine, un moine qui s'efforçait de pratiquer l'abnégation. Je m'efforçais de supporter ce que les autres ne pouvaient pas supporter, céder ce que les autres ne pouvaient céder. Quel intérêt obtient un pratiquant ? Eh oui ! Vous êtes trop malchanceux pour avoir rencontré un moine aussi inutile, sans intérêt comme moi. Et pourquoi persistez-vous encore à vouloir suivre ce moine stupide ? Et puisque vous m'avez suivi, il est de mon devoir de vous faire part de mon passé, de mes expériences, enfin, du chemin de ma pratique d'abnégation.

Apprenant le Bouddhadharma, vous ne devriez pas en apprendre beaucoup tout en ne l'appliquant pas dans la pratique. Vous devriez personnellement vous y conformer, et vous efforcer d'appliquer les doctrines enseignées par Bouddha dans la vie quotidienne.

Jésus a proclamé la théorie : « Aimez votre ennemi ». A l'égard de ceux qui nous détestent, qui nous haïssent, nous devrions les aimer davantage. Alors que le Bouddhisme soutient la thèse : « Ami, Ennemi, Egalité ». Cela veut dire : qu'il soit ami ou ennemi, nous devons les traiter sur le même plan d'égalité. Notre compassion à l'égard d'autrui doit être identique, sans distinction, sans discrimination, entre parents et étrangers, entre ceux qu'on respecte et ceux qu'on méprise. Si un adepte bouddhiste n'arrivait pas à pratiquer de cette façon, alors sa pratique serait superficielle, serait d'aucune utilité réelle.

Retenez bien ceci Messieursdames ! Le premier pas dans le Bouddhisme est certainement la pratique d'abnégation. Quelqu'un désirait vous tuer ? Dites-vous que vous ne devriez pas vous mettre en colère, ni le haïr. En comparaison à l'abnégation du Saint qui s'est fait démembrer, vous devriez le dépasser d'un pas. Cela ne veut pas dire non plus : « Puisque le Saint s'est fait couper les membres sans se mettre en colère, sans haïr, maintenant, vous pouvez sectionner mes membres, je ne me mettrais pas en colère, ni ne vous haïrais ». Ce serait un acte d'imitation impersonnel, ne venant pas du cœur. Il serait

alors classé en seconde position. En somme, nous ne haïrions pas même celui qui sectionnerait nos membres, qui écraserait notre corps et le réduirait en poussière, nous ne devrions pas, pour autant, nous mettre en colère contre lui, ni ne le haïrait.

Conférence du 01-12-1990

## **VOULEZ-VOUS SAVOIR CE QU'EST LE DÉMON ?**

Vén. Maître Hsuan Hua  
Traducteur en français: Ly Thi Minh Nguyet

**I**l existe plusieurs espèces de démons. Il y a des gens qui pensent que tout démon possède un aspect méchant, cruel, terrifiant avec un visage vert, des dents pointues. En réalité, il n'en est pas forcément ainsi. Parfois, le démon apparaît sous une forme humaine, à première vue, cela ne se voit pas, en fait, cette personne est un démon.

Si vous possédez vos « cinq vues », les démons ne peuvent pas vous leurrer. Les démons peuvent également se transformer en animaux tels que : chevaux, buffles, moutons, chiens, lapins, et toutes les espèces de poissons etc ... Pourquoi peuvent-ils se transformer ainsi ? Car, ils possèdent des pouvoirs surnaturels ; par ailleurs, ils peuvent se transformer en fourmis, en moustiques, en vers de terre, en mouches, en abeilles ou en moineaux etc ... Par exemple, au printemps, période de floraison, des centaines de fleurs s'épanouissent, attirant ainsi des centaines d'abeilles qui viennent butiner. Parmi ces abeilles, il existe beaucoup de démons transformés. Donc, au milieu de ces buissons existent de vraies et de fausses abeilles. Les vraies abeilles sont celles qui sont réincarnées à cause de leurs karmas, tandis que les fausses abeilles sont celles qui viennent de la transformation des démons. Ils parcourent parmi les fleurs pour butiner, pour boire la rosée des fleurs. Aussi, ne pensez pas que vous ne voyez jamais les démons. Tous les jours, vous vous trouvez devant eux, mais vous ne les reconnaissez pas. C'est pourquoi, il existe cette phrase : « Face au Bodhisattva Avalokiteswara mais sans LE reconnaître ». De même, vous pouvez aussi dire : « Face aux démons mais sans les reconnaître ». Quelqu'un me dit :

« Maître, d'après vos paroles, je n'ose pas y croire ». Tant pis si vous n'y croyez pas. Mais pourquoi dites-vous que vous n'osez pas y croire ? Je ne vous force pas d'y croire, je vous expose seulement les faits pour vous mettre en garde, sinon, tous les jours, vous côtoyez les démons mais vous ne les reconnaissez pas.

Un autre me dit : « Brrr....! A vous entendre, nous avons froid au dos, nous n'oserons plus dormir la nuit ». Tant mieux, ainsi vous vous déciderez enfin de ne plus dormir afin de vous investir davantage dans la pratique de la récitation du nom du Bouddha sans dormir. Si je vous dis la vérité, vous ne me croyez pas, c'est pourquoi, il est rare que je vous raconte des histoires vraies. Vous ai-je donc raconté des histoires mensongères ? Absolument pas, d'autant plus que les paroles mensongères ne doivent pas être prononcées. Donc, prononcez moins de vraies paroles ; quant aux paroles mensongères, abstenez-vous-en, ne serait-ce qu'une seule. Car, si vous prononcez beaucoup de vraies paroles, personne ne vous croira.

Par ailleurs, les démons ainsi que les diables, les fantômes, les mauvais esprits sont capables de se transformer en une infinité d'espèces d'animaux différents. Vous souvenez-vous de l'année 1975, la première fois où nous nous emménagions à La Cité des Dix Mille Bouddhas ? Une fois il y avait un fidèle pratiquant qui apportait à la pagode un certain nombre de tortues dans l'intention de les libérer. Parmi ces tortues, il y en avait une qui se trouvait renversée, les quatre pattes en l'air. M. Phùng un fidèle pratiquant aussi, y était présent. Il voyait un homme habillé en bleu se tourner vers lui, et l'appelait au secours. M. Phùng s'approcha de lui, l'observa et découvrit qu'il s'agissait de la tortue renversée. Voyez-vous cela ? Une tortue douée de connaissance s'est tournée vers lui pour l'appeler au secours. Cela ne vous semble-t-il pas étrange ? Tout cela, personne ne s'en rend compte. De cette histoire, on peut déduire que chaque espèce d'êtres vivants possède sa propre parenté. Ceux de même espèce se rassemblent et apparaissent selon les caractères et les circonstances.

Actuellement, tout le monde s'investit dans l'étude du Sutra du Surangama. En étudiant le Sutra on se rend compte que le démon est capable d'endosser de multiples apparences d'espèces

différentes. La plupart d'entre eux sont la réincarnation de leurs karmas, apparaissent dans les espèces correspondant à leurs karmas. Dans le Sutra sont exposés les noms des rois des démons tels que : les Yakchas (l'agilité) ; les Rakchasas (la peur) ; les démons possesseurs d'esprit, démons possesseurs de cadavres, les Picatchas (aspirateurs d'énergie) ; les Kumbhandas (provoquant la paralysie) appelés aussi auteurs des cauchemars ; démons monstrueux, démons de la folie, démons de la puanteur ; démons Phú-Đan-Na (toxique) ; démons de la chaleur ; démons du froid ; démons d'images ; démons de la musique etc... Par ailleurs, il existe aussi des démons qui consomment des fleurs, des placentas, des foetus, des nouveaux-nés, des graisses, des bougies, des cinq céréales etc... Leurs transformations sont à l'infini.

Auparavant, avant d'étudier le Sutra du Surangama, nous ne savions pas qu'il existe autant de démons. Nous savons maintenant, après l'avoir étudié, qu'il existe une infinité d'espèces de démons. Comparés à l'espèce humaine, ils sont infiniment plus nombreux. Ceux qui ont créé de mauvais karmas dans les vies antérieures, tombent dans le monde des démons incapables de se libérer par eux-mêmes.

Quand Bouddha était de ce monde, une fois IL a pris dans sa main une poignée de terre et demandé à ses disciples : « Dites-moi si la quantité de terre que je tiens dans ma main est plus grande ou celle qui existe dans cet univers immense (est plus grande) ». Ses disciples répondirent : « De toute évidence, la quantité de terre dans l'univers est plus grande que celle qui est dans votre main ». Bouddha dit alors : « Le nombre d'humains qui peuvent récupérer le corps humain est comparable à la terre que je tiens dans ma main, tandis que ceux qui perdent leur corps humain sont comparables à la terre qui existe dans tout l'univers. Ayant perdu leur enveloppe humaine, où vont-ils ? Et que font-ils ? Devenir des démons en enfer naturellement. Inutile de se demander. C'est pourquoi, les démons sont infiniment plus nombreux que les humains. Même les ordinateurs n'arrivent pas à les compter, à moins qu'on utilise l'esprit supranaturel appelé encore l'esprit céleste. Certains disent : « Depuis quand avez-vous inventé cet esprit supranaturel ? » Non, je ne l'ai pas inventé. Si vous ne me croyez pas, vous n'avez qu'à monter dans le ciel pour vous en rendre compte. Cet esprit supranaturel a toujours existé

naturellement. Il n'a pas besoin de guide pour le diriger, ni de doigt pour taper sur le clavier. Chaque fois que vous désirez connaître une chose, il vous suffit d'y penser, il vous donne la réponse, sans la moindre erreur. Comme il est tellement merveilleux, tellement intelligent, je le qualifie de Supranaturel. Pourtant, les démons sont tellement nombreux que même l'esprit supranaturel n'arrive pas à les compter. En plus, dès qu'on finit le compte, le nombre monte en flèche à des centaines, des milliers, des millions. Ils augmentent seconde après seconde. C'est la raison pour laquelle, il est absolument impossible d'en donner un chiffre exact. Car, en une minute les démons peuvent monter dans le ciel, une minute après descendent sur terre. Il n'existe aucun moyen pour les compter exactement.

Les démons ont aussi de la parenté et des amis. S'ils connaissent un endroit où il y a à manger, ils inviteront leurs amis à les rejoindre. Par exemple, les démons des fleurs peuvent se transformer en abeilles ou en papillons, ils viennent butiner et boire la rosée de toutes les fleurs sur leurs passages. Les « démons affamés », réincarnations de leurs mauvais karmas, se font brûler par le feu. Le feu les consume à l'extérieur et à l'intérieur. Le feu extérieur et intérieur s'unissent et les consomment, provoquant des souffrances atroces, indescriptibles, inimaginables. Pourquoi subissent-ils des souffrances aussi atroces ? Car durant leur existence humaine, ils ont été trop méchants, trop agressifs. Aujourd'hui, réincarnés en démons ils mènent une existence misérable, subissant nuit et jour des souffrances atroces d'être éternellement brûlés, impossible de se libérer. S'ils arrivent à butiner un peu de miel floral, ils apaisent un peu la chaleur excessive de leur corps. Même s'ils prient pour avoir un peu de fraîcheur, ne serait-ce qu'un instant, ils n'en ont aucune chance. C'est pourquoi, on dit que : « Les fruits des bonnes ou mauvaises actions se poursuivent comme l'ombre et son objet, inéluctablement, inévitablement.

Donc, Messieursdames ! Soyez en vigilants !

Par ailleurs, il existe une espèce de démons qui ne se nourrissent que des fruits. Tout d'abord, permettez-moi de vous expliquer les quatre sortes de nourritures. Tout être vivant doit manger pour vivre. Il existe quatre sortes de nourritures. Les voici :

1- Nourritures concrètes (phần đoạn thực) : les êtres animés, possédant des sentiments, du sang, une forme, consomment de la nourriture concrète.

« Phần » (part) : Cela veut dire : vous avez votre part, moi, j'ai le mien.

« Đoạn » (chaque part, chaque repas) : Comme le petit déjeuner, le déjeuner, le dîner. Rien entre les repas. L'homme et l'animal appartiennent à cette catégorie.

2-Nourritures abstraites : On consomme de la nourriture rien qu'en la touchant. Les démons appartiennent à cette catégorie.

3-Pensée nourrissante : On est rassasié rien qu'en y pensant. Les habitants célestes appartiennent à cette catégorie.

4- La conscience nourrissante : On n'a même pas besoin d'y penser, car l'acte de manger existe déjà dans la huitième conscience (A-lại-da Thức). Les habitants du Quatrième-Ciel appartiennent à cette catégorie.

Les animaux appartiennent chacun à leur espèce. Par exemple, les oiseaux de même espèce peuvent vivre ensemble en harmonie. Mais, s'ils n'appartiennent pas à la même espèce, ils ne peuvent pas s'inviter chez les autres. Sinon, il y aura sûrement disputes et bagarres. Vous souvenez-vous de l'histoire qui s'est passée dans la forêt Vạn-Thánh-Lâm à la Cité des Dix-Mille-Bouddhas ? Un groupe de grues blanches se battent contre un faucon. L'année dernière, il y avait une grue blanche qui s'était blessée en se battant ou peut-être en tombant de son nid. Mon disciple était un ami de cette grue. Peut-être, dans une vie antérieure, il avait été lui-même une grue ; puis ayant entendu, par chance, quelques mots du Sutra du Bouddha, cette vie, il prend la forme humaine. Il n'en est probablement pas ainsi. En fait, Tiểu-Quả-Đà, mon disciple, voyant la grue grièvement blessée, par compassion, l'emporta à l'hôpital pour le faire soigner. Mais toute l'équipe médicale restait impuissante malgré leur bonne volonté. Résultat, il a dû la ramener et la déposer au pied d'un arbre. Malgré la surveillance d'une grande grue, elle a été kidnappée et emportée par le faucon. De cette histoire on peut déduire que : chaque être vivant appartient à son espèce, et chaque espèce a sa propre parenté.

Revenons à notre principal sujet : « Tout être vivant doit manger pour vivre ». Par exemple vous mangez un fruit, quand le fruit vient d'être cueilli fraîchement ; en réalité, ils sont deux. Par exemple, une pomme, elle n'est pas simplement l'unique pomme que vous voyez, mais, il y a une deuxième pomme superposée invisible que vous ne voyez pas. Quelqu'un dit : « Pourquoi je ne la vois pas ? » Si vous l'aviez vue, vous l'auriez déjà mangée en cachette. Parmi ces deux pommes, celle que vous ne voyez pas est l'ombre de l'autre et qui est appelée « l'Essence ou la vraie Nature originelle » de la pomme.

De même, chaque individu n'est pas un simple et unique être vivant, mais il possède une Essence cachée à l'intérieur de son corps, si cette Essence s'extériorisait, se manifestait, elle serait avalée par les démons, les diables ou les fantômes.

Quelles que soient les espèces, après s'être transformées en êtres humains, elles gardent toujours l'ombre de ces espèces. C'est cette ombre qu'on appelle : « l'âme démoniaque » (l'être humain possède trois âmes et sept esprits vitaux ...). Par exemple, un individu, dans le passé, était un cheval, aujourd'hui, derrière lui, on voit l'ombre d'un cheval. Il y en a d'autres qui, dans des vies antérieures, étaient des ânes, des buffles, des moutons, des coqs, des chiens ou des cochons, aujourd'hui, derrière eux, on voit l'ombre de ces espèces. Celui qui est doué de « cinq vues » s'en rend compte immédiatement à première vue. « Ah ! Il est, en effet, la réincarnation d'un chien ! » Seulement, tout le monde ne possède pas les « cinq vues ». Aussi, pour empêcher les gens de fouiner dans les vies passées personnelles des autres, il existe la phrase suivante : « Le mécanisme du Ciel ne peut pas être révélé ».

Les fruits ne sont pas des êtres animés. Quoiqu'ils n'aient pas de sang mais ils sont vivants. Et tout ce qui vit, possède « une Essence ». Quand vous offrez des fruits aux Génies, aux démons, ceux-ci mangent l'essence de ces fruits. Ils ne prennent pas ces fruits dans les mains et les croquent (comme nous), il suffit qu'ils les touchent, en les touchant, ils aspirent leur essence. C'est pourquoi, si vous mangez les fruits déjà offerts aux démons et aux génies, vous ne sentirez aucun goût.

Mon village natal se trouvait dans les montagnes situées au Nord-Est de Mandchourie où vivait une espèce d'énormes ours. Ceux-ci se nourrissaient d'autres animaux en les avalant tout entiers sans les déchirer, ni déchiqueter. Sur la montagne poussaient des poiriers qui donnaient des poires très dures comme du métal. En les mangeant, les ours les avalaient tout entières, toujours sans mâcher. Evidemment, quand ils faisaient leurs besoins, les poires restaient intacts, sans aucune égratignure, aucune érafflure. Mais toutes ces poires n'ont plus aucun goût. Car, après avoir traversé l'appareil digestif (usine de produits chimiques) dans le corps de l'ours, l'essence de la poire a été aspirée. Quoique la forme, l'apparence restent intactes, mais la poire a perdu toute son essence.

De ce point de vue, nous pouvons comprendre comment les Bouddhas, les Génies et les Démons mangent des fruits. Les fruits déjà offerts ne se conservent pas longtemps. Ils pourrissent très rapidement. De même, un être vivant possède une âme ; décédé, l'âme quitte le corps, celui-ci pourrit aussi rapidement. Les fruits, tant qu'ils gardent encore leur essence, ne pourrissent pas rapidement ; par contre, quand ils perdent leur essence, ils pourrissent rapidement.

En résumé, parmi les quatre façons de manger : le démon appartient à l'espèce qui se nourrit de la nourriture abstraite, il n'a qu'à toucher ou sentir pour se rassasier. Pas comme nous autres, êtres humains, nous devons mordre, puis mâcher, puis avaler, que d'ennuis ! Certains m'ont demandé : « Comment faites-vous pour savoir tout cela ? » Parce que dans le passé, j'ai été un démon, aujourd'hui je m'en souviens encore. Ensuite, les habitants célestes se nourrissent de la pensée nourrissante ; ceux du Quatrième- Ciel se nourrissent de la conscience.

Le Karma de toutes les espèces de démons résulte des causes qu'ils ont créées antérieurement : « Tel noyau, tel fruit ». C'est aussi ce qu'on appelle : « Fausses connaissances, mauvais karmas, mauvaises conséquences ». De ces phrases, nous devrions savoir qu'une bonne action est toujours suivie du bonheur, tandis que le malheur suit toujours une mauvaise action exactement comme l'écho du son. Notre bonheur ou malheur est le résultat de nos propres actes, personne n'y intervient. Si vous ne voulez pas vous réincarner en

démons, ne créez donc pas de karmas démoniaques. Aujourd'hui, je vous ai fait part d'un petit bout de ma vie de démon dans le passé lointain. Si cela ne vous ennuie pas, dans l'avenir, je vous raconterai ma vie de fourmi, de moustique, d'autres animaux, ma vie en enfer etc... dans le passé. Je vous raconterai tout, sans rien cacher.

Tous les Rois des Démons et des Génies avaient, dans leurs vies antérieures, accompli de nombreuses actions héroïques et bien méritantes. Aujourd'hui, en conséquence, ils sont capables de combattre les démons, neutraliser les accidents, maîtriser les religions hétérodoxes. Ils utilisent des Dharmas convaincants pour conquérir toutes les fausses religions, vaincre les démons, les diables et fantômes, les buffles-fantômes, les serpents-génies. Ils sont aussi capables de maîtriser tous les mauvais éléments notamment : ceux qui nourrissent de fausses connaissances, fausses croyances les faux magiciens. Ils les convainquent tous. Ils sont capables d'accomplir de bonnes actions tout aussi bien qu'anéantir les mauvaises actions, les mauvais démons. Les mauvais fantômes se sont réincarnés en des individus qui se fichent de la morale, qui se comportent de façon dévergondée, contradictoire, insensée, monstrueuse et extrêmement belliqueuse et menaçante se moquant éperdûment de la raison. Ils sont tous la réincarnation des mauvais fantômes. Quelle que soit la bonté avec laquelle vous les traitez, ils ne s'en rendent pas compte. Même si vous sacrifiez votre corps et votre sang pour eux, ils trouvent vos sacrifices toujours insuffisants, ils ne vous témoigneront jamais de reconnaissance car leur cupidité est sans fond. Pourquoi ? Car, ayant traversé de multiples vies antérieures, ils se sont forgés de mauvaises habitudes qui au fil du temps, ont pris des racines, se sont ancrées au fond d'eux-mêmes, formées à partir des ténèbres de la cupidité, en plus, ils ne veulent pas se corriger, se réformer.

Les rois des démons et des génies dans le Sutra du Surangama commandent toute la parenté des démons avec les soldats célestes, les officiers célestes, les athlètes célestes ... Ils s'occupent de la sécurité des gens dans les dix directions, protègent la Communauté des moines, soutiennent les Boddhimandalas afin de les rendre plus prospères. Nous avons beaucoup parlé des différentes espèces de démons et de leur

parenté. Sachez aussi que chaque espèce d'êtres vivants possède aussi leur propre « esprit démoniaque ». Le chien possède son propre esprit démoniaque de chien ; le chat son propre esprit démoniaque de chat ; qu'il soit grand ou petit, l'être vivant possède chacun son propre « esprit démoniaque ». Quoique l'être humain dise souvent qu'il a peur du démon, mais en réalité, l'homme et le démon n'ont aucune différence. Seulement, le démon vit dans le monde yin, tandis que l'homme vit dans le monde yang. Or, le yin et le yang appartiennent à la même substance sans distinction de supériorité, ni d'infériorité, sans limite, sans frontières. Chez le démon : la cupidité, la colère, l'ignorance sont plus lourdes comparées à celles de l'être humain qui possède un peu plus de : précepte, de Dhyana et de sagesse. C'est pourquoi, le démon, yin, devient invisible, alors que, la nature fondamentale de l'homme et de l'animal prend des formes donc visibles.

Pourquoi l'homme et l'animal prennent-ils des formes ? Parce que de multiples attachements retiennent l'homme prisonnier dans « sa cage des cinq couvercles » (Agrégats) sans la moindre chance d'échapper à l'emprise de : la forme, la sensation, la perception, l'impression, la conscience. Le filet de ces cinq couvercles (agrégats) constituent des obstacles à la nature originelle comme une masse de nuages noirs cachant le soleil. En fait, le Yin et le Yang, fondamentalement, appartenant à la même substance, maintenant, se distinguent à cause de cette masse de nuages noirs de ces « cinq couvercles ». L'homme se retrouve abattu par la puissance de ces « couvercles » tandis que le démon s'embrouille au milieu de la forêt de ces mêmes couvercles. Résultat, tous les deux pataugent dans cet océan karmique, sans cesse, naissant puis renaissant : naissant avec une forme humaine, mort, se transformant en démon. Néanmoins, si quelqu'un accepte de pratiquer la religion, il aura une chance de ne plus se transformer en démon. S'il réussissait bien dans sa pratique, il pourrait même devenir Bouddha, Bodhisattva, ou, au moins accéder au fruit d'Arhat.

Celui qui observe les Cinq Préceptes et qui pratique les Dix Commandements sera réincarné en Génie dans le monde céleste.

Voici les Cinq Préceptes :

1. Interdiction de tuer.
2. Interdiction de voler.
3. Interdiction de mentir.
4. Interdiction de débauches sexuelles.
5. Interdiction d'alcool.

Abstention de tuer, c'est précisément de la compassion.

Abstention de voler, c'est précisément de la justice

Abstention de débauche sexuelle c'est l'honnête homme.

Abstention de mentir c'est de la confiance, de la fidélité.

Abstention d'alcool c'est épargner la folie.

Celui qui tue, aura, dans le futur, une existence éphémère.

Celui qui vole, aura une vie misérable.

Celui qui se livre à des débauches sexuelles, se réincarnera en moineau, en pigeon, ou en phoenix. Le moineau est une espèce d'oiseau qui se raffole d'histoires chimériques, illusoire, pour avoir, dans le passé, commis des débauches sexuelles, se fichant complètement de la morale. Toutes ces choses, je vous ai répétées à plusieurs reprises, mais j'ai l'impression que certains ne les ont pas entendues, car ils n'y ont accordé aucune importance, aussi, je n'hésite pas à les répéter encore :

Ne tuons pas les êtres vivants ! Car, depuis le commencement des temps jusqu'à présent, parmi les êtres vivants, se trouvent, probablement, nos parents, nos amis ou notre famille qui, dans leurs vies antérieures, avaient créé de mauvais karmas et qui se trouvent aujourd'hui, réincarnés en cochon, en chevaux, en buffle ou en mouton. Par conséquent, si vous tuiez délibérément les animaux, vous auriez probablement, et indirectement tué vos propres parents.

A propos du vol, il existe une phrase disant : « Ne faites pas à autrui ce que vous ne voulez pas qu'on vous fasse ». Si vous ne voulez pas qu'on vous vole ou dévalise vos fortunes, ne volez donc pas et ne dévalisez pas les autres.

A propos des débauches sexuelles, selon la loi des « noyaux et des fruits » (des causes et des conséquences), c'est le plus grand péché. Celui qui le commet, doit être sévèrement puni. Spécialement entre les époux, celui ou celle qui

cherche encore des relations sexuelles extra-conjugales, si on se base sur la loi des causes et des conséquences, à la mort, leur corps serait coupé en deux, car durant leur existence, ils ont eu des relations extra-conjugales. Il y aurait une grande scie qui couperait leur corps de la tête jusqu'aux pieds. Ils seraient coupé autant de fois qu'ils avaient commis de débauches sexuelles durant leur existence. S'ils avaient commis cent fois, leur corps serait coupé en cent morceaux pour être distribués à ceux avec qui, ils avaient eu des relations extra-conjugales. Vous pourriez me dire : « Il n'y a pas de mal à cela ! » Une fois coupé en morceaux, il ne serait pas facile de les réunir. Je crains que, même en traversant des centaines et des milliers de vies, il vous serait impossible de récupérer ce corps humain, car à ce moment votre corps ainsi que votre âme seraient décomposés, disparus dans la nature, pour se transformer en végétation insensible. Ayant perdu cette nature originelle, vous n'auriez aucune chance de vous réincarner en être humain. Si vous pourriez vous réincarner en être vivant, vous pourriez vous réincarner seulement en mouches ou moustiques. Supposons que si votre corps se transforme en quatre-vingt-quatre mille moustiques, il vous serait absolument impossible de réunir ces quatre-vingt-quatre mille moustiques pour former un corps humain. La plupart renaîtront de nouveau en moustiques. Ainsi, elles continuent de monter puis descendre dans le cycle de morts et de renaissances, sans jamais pouvoir s'éloigner de « la poussière » pour se rapprocher de « l'Eveil », autrement dit, s'éloigner de l'ignorance aveuglante et se tourner vers la lumière de l'Eveil. C'est pourquoi on dit : « Une fois ce corps perdu, il serait extrêmement difficile de le récupérer ». Si vous pénétrez profondément cette Vérité, comment pourriez-vous ne pas vous inquiéter ?

Conférence du 5-2-1981

# Une prosternation tous les trois pas

Heng Cu et Heng Do

Traduction en français : Ly Thi Minh Nguyet

La suite

**Le 17 Novembre 1973. Hạng Cự écrit :**

**U**ne autre tempête aussi violente s'abattit brusquement. Nous devions tâtonner pas à pas en longeant les côtes pour avancer. La pluie tombait abondamment quand nous traversions le centre ville de Gualala. Les routes étaient désertes, sans âme qui vive quand nous passions devant une maison jaune située au sud du centre ville, un homme en sortit, se présenta : Greg, nous invita à entrer chez lui. Nous avons décliné son invitation car nous voulions poursuivre nos prosternations. Il nous promettait qu'à la tombée de la nuit, il reviendrait nous chercher. A peine entrés dans le quartier Anchor Bay, après nous être prosternés sur une distance de quatre miles sous la pluie battante, nous vîmes un homme surgir en courant d'un bar unique de la région, d'une main il essuya les écumes de bière sur son menton, de l'autre il tendit au Vénérable Hạng Do deux pièces de monnaie en lui disant :

- « Nous devriez manger aussi, n'est-ce pas ? »

Puis il retourna au bar en courant, arrivé devant la porte, il lança :

- « Si vous me remerciez, vous êtes fous ».

A la nuit tombante, l'homme revint à bord d'un camion, nous embarqua avec notre chariot chez lui. La tempête avait coupé le courant, nous allumions des bougies. L'homme était célibataire, vivait avec sa petite amie. Celle-ci l'aidait à faire la cuisine ; actuellement, elle étudiait l'astrologie ; en la voyant, j'ai reconnu qu'auparavant, elle avait été la petite amie de mon cousin Mik Kenedy à Seattle. Nous avons vécu ensemble dans une communauté près de la montagne Rainier. Quelle coïncidence extraordinaire et merveilleuse ! Nous bavardions un moment, ensuite je me rendis compte que nous nous éloignons du sujet ; que la conversation



tournait au le comméragé, nous prîmes alors congé et retournâmes dans notre chambre afin de pratiquer la Méditation. Le lendemain matin, monsieur Greg prépara personnellement du chocolat chaud, nous invita et ensuite nous ramena à l'endroit où nous nous étions arrêtés la veille.

### **Le 18 Novembre 1973. Hằng Cự écrit :**

Nous nous prosternions sous la pluie, complètement trempés, comme des hommes-grenouilles en train de plonger dans la mer ; légers comme dans un monde de rêve, un monde où rien ne nous attache, totalement libre, un tout autre monde où toute pensée est chassée. Un monde où n'existent ni paix, ni conflit, ni libération, ni esclavage. C'est un monde de non-attachement. En fait, personne ne se rend compte de l'existence de ce monde. Comment peut-il donc exister ? Car tout ce qu'on voit n'est pas réel, n'a pas de caractère particulier. Tout ce que nous voyons devient flou comme dans le rêve que nous avons fait la veille. Pas de nostalgie ! Comme cette route, elle nous conduit vers l'avenir ; les mérites du passé nous attendent dans le futur. Actuellement, nous n'avons rien, c'est justement ce néant qui possède quelque chose de merveilleux.

Ce soir avant de terminer notre séance de prosternations, en fait, c'était notre dernière séance de la journée, en relevant la tête, j'aperçus une Mercury brune, rouge foncé roulant à toute vitesse en notre direction, quelques bras, et quelques têtes ivres sortirent des vitres. La voiture roulait au moins à 100 km/h. Soudain, une canette de bière vola au dessus de notre tête, à un centimètre près, atterrit, et s'explosa, faisant éclabousser de la bière sur Vénérable Do. Si elle tombait sur quelqu'un, elle aurait pu le tuer. Nous nous dépêchâmes de nous enfoncer dans la forêt pour camper. Ensuite assis devant une tasse de thé, en repensant à cet incident, je me rendis compte que je me suis échappé de justesse à la mort. Soudain je me souvins des paroles de mon maître au cours de son dernier coup de téléphone me prévenant que : « Durant ce pèlerinage de prosternations, si vous vous y investissiez de tout cœur, et si vous observiez sérieusement les préceptes vous seriez protégés par des Bouddhas des Boddhisattvas des dix directions, des Rois et Dragons célestes, personne ne pourrait vous nuire. »

### **Le 19 Novembre 1973. Hằng Cự écrit :**

Aujourd'hui, Quả Đôn Schweig est revenu. Il a roulé probablement plus de 90km pour nous apporter non seulement un repas équilibré mais en plus de l'eau chaude, des serviettes, des chaussettes, avec naturellement une boîte de beurre de cacahuètes de marque Deaf Smith. D'après le rapport des habitants du quartier, un gendarme du département Mendocino est venu

## **Plaintes sur son sort**

Nguyễn Phuoc Hue

De toute ma vie, il m'est arrivé, une seule fois d'éprouver un profond sentiment d'amour et de regret.

La fois où j'accompagnais ma mère à sa dernière et lointaine demeure.

La chaumière, sous les rayons inclinés de la lune,

Aujourd'hui, se retrouve définitivement vide, déserte.

Perdre sa mère ! Qui n'en souffre pas ?

Les yeux pleins de larmes, l'âme meurtrie à la minute de séparation.

Maman ! Tu as bien accompli ton existence temporaire, aujourd'hui, tu retournes à ton origine, me laissant seul au monde.

Quelle pitié ! Pour le petit garçon, séparé si jeune de sa mère.

Dorénavant, supportera seul la longueur des journées,

Ne prononcera plus jamais le mot : « Maman »  
Je me souviens, parfois, profitant d'un moment de libre, me serrant dans tes bras, tu disais :

« Tâche de bien étudier, tu auras moins de peines après »

Tes paroles restent encore gravées dans mon cœur,

J'en fais mon bagage le long de mon existence.

Aujourd'hui devenu adulte, mon seul regret c'est de ne plus avoir d'occasion pour témoigner ma gratitude envers mes parents.

Cette année, à la cérémonie annuelle d'Allambana, fête de la piété filiale,

Quel bonheur pour ceux qui ont la chance de porter à la poitrine une Rose rouge.

Quant à moi, je me plains de pouvoir me contenter seulement d'une Rose blanche.

nous arrêter pour une interpellation. Après avoir fait un tour d'enquêtes, comme il n'avait trouvé rien de suspect pour nous mettre en prison, finalement il s'en alla, hochant la tête, voulant nous dire que nous sommes vraiment des fous aliénés. Nous interrompions nos prosternations quand nous nous approchions de Point Aréna, car nous avons rencontré M<sup>elle</sup> Jo Anne, une amie de Quã Đôn, celle-ci tenait un restaurant végétarien équilibré. Elle nous a préparé une chambre particulière pour que nous puissions passer la nuit. Jusqu'à aujourd'hui, tout compte fait, nous avons accompli des prosternations sur une distance de cent trente miles.

**Le 20 Novembre 1973. Hằng Cự écrit :**

Aujourd'hui nous nous dirigeons vers le Nord, suivant la route principale du département Point Aréna, passant devant plusieurs boutiques, longeant des étendues d'eau bordant la route.

Après avoir fait cinq miles de prosternations avec ferveur, nous sommes arrivés à Manchester, là nous avons trouvé une maison abandonnée avec des vitres cassées, des branches grimpantes des fraisiers envahissaient toutes les chambres mal entretenues, malpropres. En réalité, cette maison ne vaut pas une porcherie, mais pour nous elle est un véritable château.

Après une longue journée de prosternations, j'avais hâte de pratiquer la séance de Méditation du soir. Tous les soirs que ce soit : sous la tente, dans des cages pour animaux, sur la plage, dans les champs, ou sur la colline ; à n'importe quel endroit, nous pratiquons toujours notre séance de Méditation. Aujourd'hui, emmitouflés dans des vêtements chauds, les jambes recouvertes de couvertures, nous méditons ; le dos droit, l'esprit bien éveillé pendant que dans notre corps, le sang circulait librement. Après avoir médité dans cette posture du lotus, d'une durée de consommation d'un bâtonnet

d'encens (environ une heure), nous nous sentions complètement rétablis, réveillés, en pleine forme, l'esprit plus concentré. Cette séance de Méditation mérite la récompense d'une journée de travail pénible. Elle soulage les douleurs, calme l'esprit, efface toute discrimination. Baignés dans ce calme paisible merveilleux, nous réalisons que notre courte existence ressemble à un rêve, que toutes nos afflictions se sont volatilisées comme le chemin tortueux, humide que nous avons laissé derrière nous. Pratiquer la Méditation c'est devenir un « pratiquant sans esprit », un terme que les chinois utilisent souvent dans l'école de Méditation.

Au moment où notre esprit se détache de tout, n'a plus rien à s'accrocher, nous obtiendrons tout. Quelle que soit la situation où nous nous trouvons, nous ne perdrons jamais notre avantage. Nous nous harmoniserons avec toute circonstance, ne garderons plus rien égoïstement, ne poursuivrons plus rien, n'essaierons plus d'attraper quoi que ce soit, considérant tout ce que nous possédons comme un rêve, une illusion, un mirage. Cela aide notre esprit à se détacher, à se libérer. A ce moment là qui pourrait nous ligoter ? (à suivre)

**La Pagode Kim Quang sera organiser accueillir et exposition de reliques Bouddhistes anciennes et sacrées 3 jours, du 7/10 au 9/10/2011.**  
 - **Vendredi:** 17h à 20h Cérémonie ouverture.  
 - **Samedi et dimanche:** de 10h à 19h chaque jour.  
 Access libre et gratuit, bénédictions individuelles.  
 Contact: 01.48.69.01.24 ou  
 email: pagodekimquang@yahoo.fr

**ỦNG HỘ BÁO PHẬT PHÁP DÀI HẠN, GÓP PHẦN VÀO VIỆC TRUYỀN BÁ PHẬT PHÁP**

**Je fait un don pour la revue Bouddhadharma.**

Họ và Tên / Nom et prénom : .....

Địa Chỉ / Adresse : .....

Điện Thoại / Téléphone : .....

Cúng dường ủng hộ tùy hỷ : .....

Votre don : .....



Hình lễ Phật Đản 2011





Chùa/Pagode Kim Quang  
 75, Allée Circulaire  
 93600 Aulnay Sous Bois-France  
 Tel./Fax : 01.48.69.01.24  
 e-mail: kimquangtu@hotmail.com  
 website: chuakimquang.com

### Phật Pháp/Bouddhadharma 40

□ Tờ Phật Pháp/La revue Bouddhadharma phát hành mỗi kỳ bốn ngày lễ lớn trong năm/Edition les quatre grandes fêtes dans une année.

□ Chủ Nhiệm: vén. Thích Minh Định-Hằng Lý.

□ Những bài dịch tiếng Pháp và bài kệ: Cô Lý Thị Minh Nguyệt, chú Phan Ngọc Anh.

□ Ban phát hành: Thích Nữ Đàm Như, cô Giác Vân, cô Diệu Hải, cô Giác Hào, cô Nisha, cô Vi, cô Hồng, cô Giác Xuân, chú Giác Lâm, cô Đồng Thu, anh chị Phát, cô Giác Thủy, cô Vân, cô Nuôi, cô Liên, chú Phước Huệ....

□ Báo Phật pháp chuyên đăng những Kinh, Chú giảng giải và Khai thị, Pháp ngữ của Hoà Thượng Tuyên Hoá, để chúng ta nghiên cứu, tu học, lợi mình, lợi người.

□ Mọi sự thỉnh báo Phật pháp dài hạn, phát tâm cúng dường ủng hộ, là góp phần nhỏ vào việc truyền bá Phật pháp, công đức vô lượng.

□ Mọi chi tiết xin liên liên lạc về :

Chùa/Pagode Kim Quang  
 75, Allée Circulaire  
 93600 Aulnay Sous Bois-France  
 Tel./fax : 01.48.69.01.24  
 e-mail: kimquangtu@hotmail.com  
 website: chuakimquang.com

### Trong số này/Sommaire

Kinh Hoa Nghiêm giảng giải	3
Kinh Pháp Hoa giảng giải	6
Chú Lăng Nghiêm giảng giải	10
Chú Đại Bi giảng giải	12
Kinh Bát Nhã	14
Pháp ngữ thiền sư Hư Vân	17
Hám Sơn đại sư tự truyện	19
Cuộc đời H. T Tuyên Hoá	22
Pháp môn nhẫn nhục	24
Quý vị muốn biết quý là gì không?	26
Tam bộ nhất bái	30
Tô mì của người lạ	32
Chuyện cái sọt và lòng hiếu thảo	33
Bài học đầu tiên về làm người	34
Câu chuyện về sự cảm kích	34
Vie et oeuvre prédicante du Vén...	37
L'argent	39
La pratique d'abnégation	41
Vous voulez savoir ce qu'est le démon?	43
Une prosternation tous les trois pas	48



**MAITREYA PROJECT**

**HEART SHRINE**  
**Relic Tour**

Une exposition de reliques bouddhistes anciennes et sacrées  
**7, 8 & 9 Octobre 2011**  
 Vendredi: 17h à 20h Cérémonie d'Ouverture  
 Samedi & Dimanche: de 10h à 19h chaque jour  
 Pagode Kim Quang, 75 Allée Circulaire, 93600 Aulnay-Sous-Bois  
 CONTACT: Ven Thích Minh Định, Email: kimquangtu@hotmail.com, Tel: 01 48 69 01 24  
**ACCESS LIBRE ET GRATUIT, BENEDICTIONS INDIVIDUELLES**  
 www.maitreya-project.org

**Chùa Kim Quang sẽ Cung Nghinh,  
 Triển Lãm & Chiêm Bái Xá Lợi  
 Phật 3 ngày, từ chiều Thứ Sáu 07/10  
 đến tối Chủ Nhật 09/10/2011.**